



ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC NINH

**TRƯỜNG CAO ĐẲNG
CÔNG NGHIỆP BẮC NINH**

Địa chỉ: Số 499, đường Hàn Thuyên, P. Võ Cường,
Tỉnh Bắc Ninh

ĐT: 02223827974

Email: cdcnbn.bci@gmail.com

Fax:

Web: www.bci.edu.vn

BÁO CÁO
KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG CHƯƠNG TRÌNH
ĐÀO TẠO NGHỀ CÔNG NGHỆ Ô TÔ
TRÌNH ĐỘ CAO ĐẲNG
NĂM 2025

Bắc Ninh, tháng 12 năm 2025

MỤC LỤC

CÁC TỪ VIẾT TẮT	4
PHẦN I:.....	6
GIỚI THIỆU VỀ TRƯỜNG, KHOA PHỤ TRÁCH CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO VÀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGHỀ CÔNG NGHỆ Ô TÔ	6
1. THÔNG TIN CHUNG KHÁI QUÁT VỀ TRƯỜNG	6
1.1. Khái quát về lịch sử phát triển của Nhà trường:	6
1.2. Cơ cấu tổ chức và nhân sự của trường	9
1.2.1. Cơ cấu tổ chức:.....	9
1.2.2. Danh sách cán bộ lãnh đạo chủ chốt của trường.....	11
2. THÔNG TIN KHÁI QUÁT VỀ KHOA PHỤ TRÁCH CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO	12
Email : CNOTO.bci@gmail.com.....	12
2.1. Quá trình hình thành và phát triển	12
Khoa Công nghệ ô tô có hệ thống các phòng học lý thuyết và phòng học thực hành được trang bị đầy đủ các thiết bị hiện đại, có thể đáp ứng yêu cầu đào tạo các nghề giảng dạy. Các trang thiết bị đào tạo được đầu tư từ nguồn tài trợ của tổ chức GTV (Italia) năm 2003 và nguồn vốn ODA của “Chương trình Đào tạo nghề 2008” trong khuôn khổ hợp tác với chính phủ CHLB Đức và vốn Chương trình mục tiêu Quốc gia hàng năm; cũng như ngân sách cấp thường xuyên của tỉnh Bắc Ninh.....	
2.2. Chức năng, nhiệm vụ	13
2.3. Đội ngũ giảng viên	14
2.4. Cơ cấu tổ chức.....	14
2.5. Các nghề đào tạo	15
3. THÔNG TIN CHI TIẾT VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO.....	16
3.1. Lịch sử phát triển và thành tích nổi bật.....	16
3.2. Mục tiêu của chương trình đào tạo.....	16
3.2.1. Mục tiêu chung.....	16
3.2.2. Mục tiêu cụ thể.....	17
3.3. Phương thức đào tạo.....	20
3.4. Tóm tắt nội dung chương trình đào tạo.....	21
c. Nội dung CTĐT	23
3.5. Kế hoạch, số lượng tuyển sinh, tỷ lệ tốt nghiệp.....	25
3.6. Đội ngũ giảng viên tham gia chương trình đào tạo:.....	26
3.7. Cơ sở vật chất phục vụ chương trình đào tạo.....	27

PHẦN II:	28
KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO	28
1. Tổng quan chung	28
1.1. Căn cứ tự đánh giá	28
1.2. Mục đích tự đánh giá	28
1.3. Yêu cầu tự đánh giá	28
1.4. Phương pháp tự đánh giá	29
1.5. Các bước tiến hành tự đánh giá	29
2. Tự đánh giá	29
2.1. Tổng hợp kết quả tự đánh giá	29
2.2. Tự đánh giá theo từng tiêu chí, tiêu chuẩn	35
2.2.1. Tiêu chí 1: Mục tiêu, chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo	35
2.2.2. Tiêu chí 2: Cấu trúc và nội dung của chương trình đào tạo, giáo trình	43
2.2.3. Tiêu chí 3 - Hoạt động đào tạo	66
2.2.4. Tiêu chí 4: Đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức, người lao động	80
2.2.5. Tiêu chí 5: Cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo và học liệu	95
2.2.6. Tiêu chí 6: Người học và hoạt động hỗ trợ người học	108
2.2.7. Tiêu chí 7: Giám sát, đánh giá chất lượng	119
PHẦN III. TỔNG HỢP KẾ HOẠCH NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG ĐÀO TẠO	132
1. Mục tiêu, chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo	132
2. Cấu trúc và nội dung của chương trình đào tạo, giáo trình	132
3. Hoạt động đào tạo	132
4. Đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và viên chức, người lao động	133
5. Cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo và học liệu	133
6. Người học và hoạt động hỗ trợ người học	133
7. Giám sát, đánh giá chất lượng	133
PHẦN IV. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ	134
I. KẾT LUẬN	134
II. KIẾN NGHỊ	134

CÁC TỪ VIẾT TẮT

1.	BLĐTB&XH	Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội
2.	TCGDNN	Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp
3.	UBHC	Ủy ban hành chính
4.	HĐND	Hội đồng nhân dân
5.	CNKT	Công nhân kỹ thuật
6.	TC	Trung cấp
7.	CD	Cao đẳng
8.	BGH	Ban Giám hiệu
9.	TK	Trưởng khoa
10.	P.TK	Phó Trưởng khoa
11.	TP	Trưởng phòng
12.	P.TP	Phó Trưởng phòng
13.	CB	Cán bộ
14.	GV	Giảng viên
15.	CNVC	Công nhân viên chức
16.	TT	Thông tư
17.	TW	Trung ương
18.	CTĐT	Chương trình đào tạo
19.	CTK	Chương trình khung
20.	GT	Giáo trình
21.	NĐ	Nghị định
22.	QĐ	Quyết định
23.	ĐH	Đại học
24.	HSSV	Học sinh, sinh viên
25.	TCHC	Tổ chức - Hành chính
26.	Phòng PR	Phòng quan hệ công chúng
27.	HĐKT	Hợp đồng kinh tế
28.	KTX	Ký túc xá
29.	HTQT	Hợp tác Quốc tế
30.	NCKH	Nghiên cứu khoa học
31.	TNHH	Trách nhiệm hữu hạn

32.	SKKN	Sáng kiến kinh nghiệm
33.	CNTT	Công nghệ thông tin
34.	KNN	Kỹ năng nghề
35.	SĐH	Sau đại học
36.	Th.S	Thạc sĩ
37.	UBND	Ủy ban nhân dân
38.	VHPT	Văn hóa phổ thông
39.	VHVL	Vừa học vừa làm
40.	CNOTO	Công nghệ ô tô
41.	CTMT	Chương trình mục tiêu
42.	NLĐ	Người lao động
43.	BCI	Trường Cao đẳng công nghiệp Bắc Ninh
44.	CĐ	Cao đẳng
45.	TC	Trung cấp
46.	SC	Sơ cấp

Số: /BC - CĐCN

Bắc Ninh, ngày tháng năm 2025

BÁO CÁO

Kết quả tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo nghề Công nghệ Ô tô Trình độ Cao đẳng năm 2025

PHẦN I:

GIỚI THIỆU VỀ TRƯỜNG, KHOA PHỤ TRÁCH CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO VÀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGHỀ CÔNG NGHỆ Ô TÔ

1. THÔNG TIN CHUNG KHÁI QUÁT VỀ TRƯỜNG

- Tên trường: Trường Cao đẳng Công nghiệp Bắc Ninh.
- Tên Tiếng Anh: Bacninh College of Industry
- Cơ quan chủ quản: Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Ninh
- Địa chỉ trường: Số 499 - Đường Hàn Thuyên - Phường Võ Cường - Tỉnh Bắc Ninh.
- Số điện thoại: 0222 3 827 974
- Email: cdcncbi@gmail.com
- Website: www.bci.edu.vn
- Năm thành lập trường:
 - + Năm thành lập đầu tiên: Năm 1970 - Trường công nghiệp Hà Bắc.
 - + Năm thành lập trường Trung cấp nghề: Năm 2007 thành lập trường Trung cấp nghề Bắc Ninh
 - + Năm thành lập trường Cao đẳng nghề: Năm 2010 thành lập trường Cao đẳng nghề Kinh tế - Kỹ thuật Bắc Ninh, năm 2017 đổi tên thành trường Cao đẳng Công nghiệp Bắc Ninh
- Loại hình trường: Công lập ☒

1.1. Khái quát về lịch sử phát triển của Nhà trường:

Trường Cao đẳng Công nghiệp Bắc Ninh có bề dày 50 năm xây dựng và trưởng thành. Nhà trường đã trải qua nhiều thời kỳ xây dựng và phát triển với nhiều tên gọi khác nhau: Trường Công nghiệp Hà Bắc, trường Công nhân kỹ thuật Bắc Ninh, trường

Trung cấp nghề Bắc Ninh, trường Cao đẳng nghề Kinh tế - Kỹ thuật Bắc Ninh và nay là Trường Cao đẳng Công nghiệp Bắc Ninh.

Thời kì đầu Trường được thành lập với tên gọi: Trường công nghiệp Hà Bắc - trên cơ sở hợp nhất các Trường Trung học công nghiệp Hà Bắc và trường sơ cấp đào tạo công nhân kỹ thuật Hà Bắc theo quyết định số 53/QĐTC ngày 19/5/1970 của UBHC tỉnh Hà Bắc.

- Giai đoạn 1982-1987 Trường có tên là: Trường công nhân kỹ thuật Hà Bắc.
- Giai đoạn 1988-1996 mang tên: Trung tâm Hướng nghiệp - Dạy nghề Hà Bắc.
- Giai đoạn 1997 - tháng 3/2007 tên là: Trường công nhân kỹ thuật Bắc Ninh.
- Ngày 04 tháng 01 năm 2007 Bộ lao động thương binh & xã hội có quyết định số 03/2007/QĐ-BLĐTBXH về việc chuyển trường Công nhân kỹ thuật Bắc Ninh thành trường Trung cấp nghề Bắc Ninh.

Ngày 28/7/2010 Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành Quyết định số 901/QĐ-BLĐTBXH về việc thành lập Trường Cao đẳng nghề Kinh tế - Kỹ thuật Bắc Ninh trên cơ sở nâng cấp Trường Trung cấp nghề Bắc Ninh.

Ngày 14/03/2017 đổi tên thành trường Cao đẳng Công nghiệp Bắc Ninh.

Trường thực hiện nhiệm vụ trọng tâm là đào tạo nguồn nhân lực có trình độ tay nghề cao phục vụ cho sự nghiệp phát triển Kinh tế - Xã hội của tỉnh Bắc Ninh, đáp ứng nhu cầu lao động cho các khu công nghiệp trong tỉnh, khu vực lân cận và toàn quốc.

Trong quá trình xây dựng và phát triển, Nhà trường luôn chủ động khắc phục mọi khó khăn để hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ giáo dục và đào tạo nghề được tỉnh giao. Từ khi được nâng cấp thành trường Cao đẳng. Nhà trường đã xây dựng và biên soạn các nội dung: chương trình đào tạo trình độ cao đẳng, trung cấp cho các nghề nghề theo chương trình khung của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội. Các môn học, mô-đun trong các bộ chương trình đã áp dụng các phương pháp giảng dạy tích cực, sử dụng các trang thiết bị với công nghệ mới, từng bước tiếp cận trình độ khu vực và quốc tế.

Nhà trường không ngừng đổi mới nội dung chương trình và mục tiêu đào tạo, mở thêm một số nghề nghề mới, cung cấp nguồn nhân lực kịp thời cho nhu cầu lao động của xã hội, phù hợp với chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Bắc Ninh.

Hiện tại, Nhà trường đang tổ chức đào tạo với tổng số nghề đào tạo, ở 03 cấp trình độ: Cao đẳng, Trung cấp và Sơ cấp cụ thể:

+ Trình độ Cao đẳng với 12 nghề đào tạo:

1	<i>Điện công nghiệp;</i>
2	<i>Công nghệ ô tô ;</i>
3	<i>Hàn;</i>
4	<i>Cắt gọt kim loại;</i>

5	Công nghệ ô tô;
6	Kế toán doanh nghiệp;
7	Cơ điện tử;
8	Kỹ thuật lắp đặt điện và điều khiển trong công nghiệp;
9	Công nghệ thông tin (Ứng dụng phần mềm);
10	Tự động hoá công nghiệp;
11	Công nghệ chế tạo máy
12	Thương Mại điện tử

+ Trình độ Trung cấp với 10 nghề đào tạo:

1	Điện công nghiệp;
2	Công nghệ ô tô ;
3	Hàn;
4	Cắt gọt kim loại;
5	Công nghệ ô tô;
6	Kế toán doanh nghiệp;
7	Vận hành và sửa chữa trạm bơm điện;
8	Kỹ thuật chế biến món ăn;
9	Bảo trì, sửa chữa ô tô
10	Công nghệ thông tin (Ứng dụng phần mềm);

+ Trình độ Sơ cấp với 29 nghề đào tạo:

1	Điện công nghiệp
2	Công nghệ ô tô
3	Điện dân dụng
4	Lắp đặt thiết bị lạnh
5	Nghề Kỹ thuật lắp đặt điện và Điều khiển trong công nghiệp
6	Công nghệ ô tô phần gầm
7	Công nghệ ô tô phần động cơ
8	Công nghệ ô tô phần điện
9	Sửa chữa thiết bị tự động hóa
10	Nguội sửa chữa máy công cụ
11	Hàn điện hồ quang tay
12	Hàn (Hàn hơi và inox)
13	Phay CNC
14	Tiện trên máy vạn năng
15	Cơ điện tử

16	<i>Máy công nghiệp</i>
17	<i>Tin học văn phòng</i>
18	<i>Kế toán doanh nghiệp</i>
19	<i>Quản lý khai thác công trình thủy lợi</i>
20	<i>Hàn bán tự động TIG, MAG, MAG</i>
21	<i>Vận hành và sửa chữa trạm bơm điện</i>
22	<i>Chăn nuôi thú y</i>
23	<i>Nuôi và phòng trị bệnh cho gia súc</i>
24	<i>Nuôi và phòng trị bệnh cho gia cầm</i>
25	<i>Trồng rau an toàn</i>
26	<i>Trồng và chăm sóc cây hoa</i>
27	<i>Tạo dáng và chăm sóc cây cảnh</i>
28	<i>Kỹ thuật chế biến món ăn</i>
29	<i>Bảo trì, sửa chữa ô tô</i>

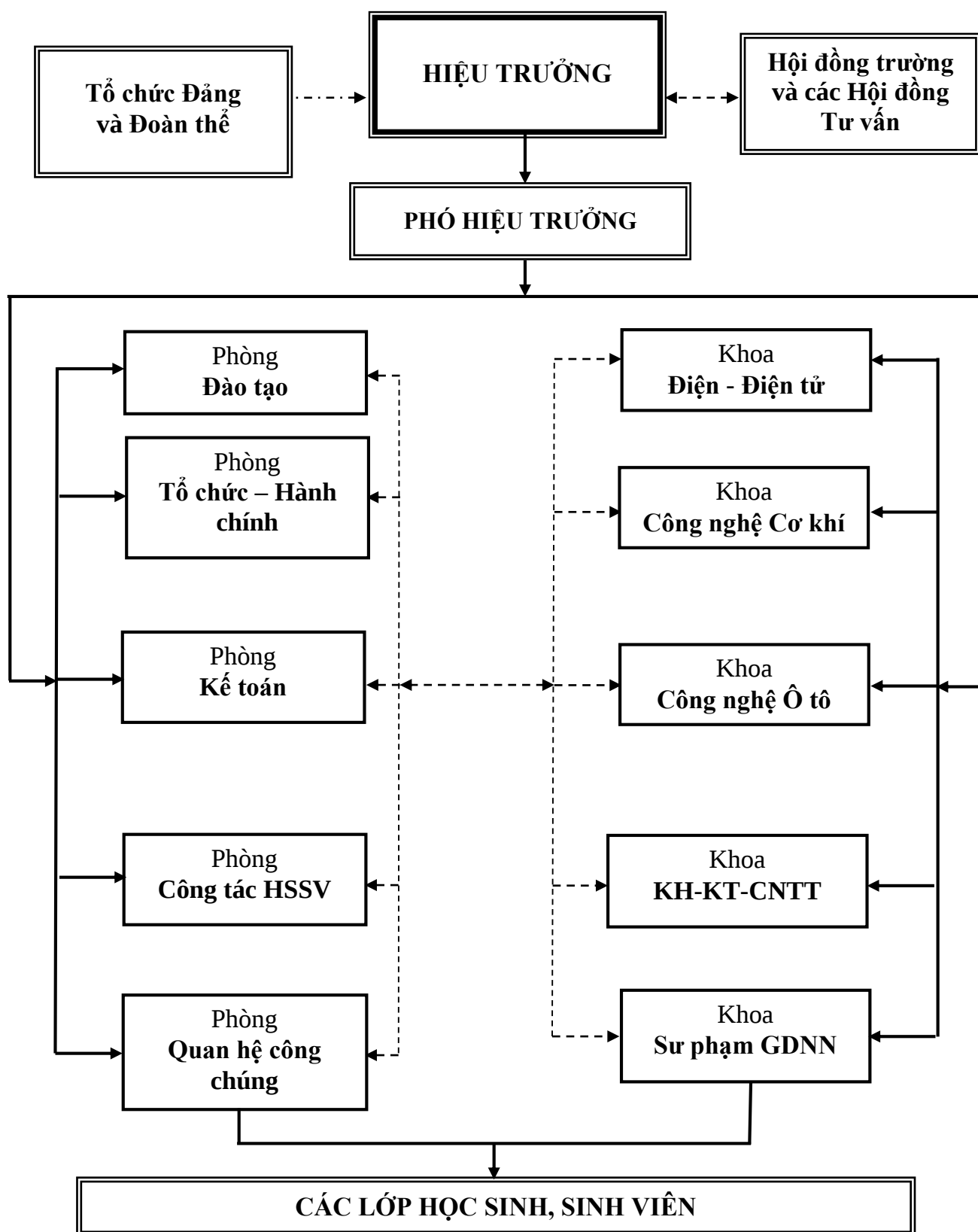
Ngoài ra, Nhà trường còn liên kết đào tạo với trường Đại học sư phạm kỹ thuật Hưng Yên thực hiện đào tạo một số nghề nghề trình độ đại học đáp ứng tốt nhu cầu của người học trong và ngoài tỉnh.

1.2. Cơ cấu tổ chức và nhân sự của trường

1.2.1. Cơ cấu tổ chức:

- Đảng ủy trường;
- Hội đồng trường;
- Ban Giám Hiệu;
- Các Hội đồng tư vấn;
- Các tổ chức đoàn thể;
- Các phòng chức năng (05 phòng):
 - + Phòng Đào tạo;
 - + Phòng Tổ chức - Hành chính;
 - + Phòng Kế toán;
 - + Phòng Công tác Học sinh - Sinh viên;
 - + Phòng Quan hệ công chúng (PR).
- Các khoa chuyên môn (05 khoa):
 - + Khoa Điện - Điện tử;
 - + Khoa Công nghệ Cơ khí;
 - + Khoa Công nghệ ô tô;
 - + Khoa Khoa học - Kinh tế - CNTT;
 - + Khoa Sư phạm GDNN.

SƠ ĐỒ BỘ MÁY TỔ CHỨC QUẢN LÝ CỦA NHÀ TRƯỜNG



1.2.2. Danh sách cán bộ lãnh đạo chủ chốt của trường

Các bộ phận	Họ và tên	Năm sinh	Học vị	Chức danh, Chức vụ
	Vũ Quang Khuê	1979	Tiến sĩ	Hiệu trưởng
	Trần Văn Thực	1977	Thạc sĩ	Phó Hiệu trưởng
	Nguyễn Văn Mễ	1978	Thạc sĩ	Phó Hiệu trưởng
2. Các tổ chức Đảng, Công đoàn, Đoàn Thanh niên:				
Đảng bộ	Vũ Quang Khuê	1979	Tiến sĩ	Bí thư Đảng uỷ
	Nguyễn Văn Mễ	1978	Thạc sĩ	Phó bí thư Đảng uỷ
Chi bộ 1	Bùi Xuân Đoàn	1979	Thạc sĩ	Bí thư Chi bộ
Chi bộ 2	Trần Mạnh Hùng	1981	Thạc sĩ	Bí thư Chi bộ
Chi bộ 3	Võ Văn Hùng	1969	Thạc sĩ	Bí thư Chi bộ
Chi bộ 4	Nguyễn Thị Như Hoa	1979	Thạc sĩ	Bí thư Chi bộ
Chi bộ 5	Trần Trung Hậu	1983	Thạc sĩ	Bí thư Chi bộ
Công Đoàn	Trần Văn Thực	1977	Thạc sĩ	Chủ tịch
Đoàn Thanh niên	Phạm Nhật Minh	1999	Kỹ sư	Bí thư
Hội sinh viên	Phan Văn Nghiêm	1993	Thạc sĩ	Chủ tịch
3. Các phòng (05 phòng):				
Phòng Tổ chức - Hành chính	Đình Công Thuyền	1966	Thạc sĩ	Trưởng phòng
Phòng Công tác HSSV	Nguyễn Duy Diễn	1982	Thạc sĩ	P. Trưởng phòng PT
Phòng Kế toán	Nguyễn Thị Hà	1987	Thạc sĩ	Kế Toán trưởng
Phòng Đào Tạo	Trần Mạnh Hùng	1981	Thạc sĩ	Trưởng phòng
Phòng quan hệ công chúng	Bùi Xuân Đoàn	1979	Thạc sĩ	Trưởng phòng
4. Các khoa (05 khoa):				
Khoa công nghệ Ô tô	Võ Văn Hùng	1969	Thạc sĩ	Trưởng khoa
Khoa Khoa học-KT-CNTT	Nguyễn Thị Như Hoa	1979	Cử nhân	Trưởng khoa
Khoa Sư phạm GDNN	Trần Mạnh Hùng	1980	Thạc sĩ	Trưởng khoa

Các bộ phận	Họ và tên	Năm sinh	Học vị	Chức danh, Chức vụ
Khoa Điện - Điện tử	Trần Trung Hậu	1983	Thạc sĩ	Trưởng khoa
Khoa Công nghệ cơ khí	Nguyễn Văn Hưng	1983	Thạc sĩ	Trưởng khoa

2. THÔNG TIN KHÁI QUÁT VỀ KHOA PHỤ TRÁCH CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Thông tin khái quát đơn vị:

Tên khoa : CÔNG NGHỆ Ô TÔ.

Tên Tiếng Anh : Automotive Technology Faculty.

Số điện thoại : 02223.855 843

Số fax : Không có

Email : CNOTO.bci@gmail.com

2.1. Quá trình hình thành và phát triển

Khoa Công nghệ ô tô được thành lập tháng 10 năm 2007, tiền thân là Khoa cơ khí thuộc Trường Trung cấp nghề Bắc Ninh hiện nay là Trường Cao đẳng Công nghiệp Bắc Ninh. Trong những năm qua, cùng với sự phát triển chung của nhà trường, tập thể cán bộ, giáo viên khoa Công nghệ ô tô có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ vững vàng, có lòng nhiệt tình, yêu nghề và tâm huyết với sự nghiệp đào tạo của Nhà trường; đã và đang đào tạo hàng nghìn học sinh sinh viên với ba cấp trình độ: Cao đẳng, Trung cấp và Sơ cấp thuộc các nghề Cơ khí động lực, Ngụội sửa chữa máy công cụ, Công nghệ ô tô, Bảo trì và sửa chữa ô tô; nhằm cung cấp nguồn nhân lực có trình độ, chất lượng cung cấp cho thị trường lao động tại địa phương và trong cả nước. Ngoài ra, cán bộ và các giáo viên của Khoa còn tham gia giảng dạy cho các lớp Đại học VHVL liên kết với Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Hưng Yên tại trường nhằm nâng cao trình độ chuyên môn và đáp ứng nhu cầu học tập của nguồn nhân lực trong các doanh nghiệp và tổ chức, cá nhân tại tỉnh Bắc Ninh và các địa phương lân cận.

Trong quá trình xây dựng và phát triển Khoa Công nghệ ô tô đã đạt được nhiều thành tích trong phong trào thi đua dạy và học:

*** Phong trào thi đua trong giảng dạy và nghiên cứu khoa học của cán bộ, giáo viên:**

- Trong giảng dạy:

+ 05 giáo viên đạt danh hiệu Giáo viên dạy giỏi cấp Tỉnh.

+ 02 giáo viên đạt danh hiệu Giáo viên dạy giỏi cấp Quốc gia.

- Trong nghiên cứu khoa học:

+ Tham gia đề tài Quản lý xưởng theo mô hình 3S, 5S.

+ Tham gia sáng kiến cải tiến và chế tạo đồ dùng dạy học: Có 05 thiết bị dạy nghề tự làm đạt giải cao trong Hội thi thiết bị dạy nghề tự làm cấp Tỉnh năm 2013, 2018,

2022, 2025; có 02 thiết bị tham gia Hội thi thiết bị dạy nghề tự làm toàn quốc năm 2019 – tại Huế (đạt giải nhì) và năm 2022 tại Bà Rịa- Vũng Tàu (đạt giải khuyến khích).

*** Phong trào thi đua trong học tập của HSSV:**

+ Năm 2008: 03 học sinh đạt danh hiệu HSGN cấp trường (01 giải nhất, 01 giải nhì, 01 giải ba).

+ Năm 2010: 03 học sinh, sinh viên đạt danh hiệu HSGN cấp trường (01 giải nhất, 01 giải nhì, 01 giải ba).

+ Năm 2012: 03 học sinh, sinh viên đạt danh hiệu HSGN cấp trường (01 giải nhất, 01 giải nhì, 01 giải ba).

+ Năm 2014: 03 học sinh, sinh viên đạt danh hiệu HSGN cấp trường (01 giải nhất, 01 giải nhì, 01 giải ba).

+ Năm 2016: 03 học sinh, sinh viên đạt danh hiệu HSGN cấp trường (01 giải nhất, 01 giải nhì, 01 giải ba).

+ Năm 2019: 03 học sinh, sinh viên đạt danh hiệu HSGN cấp trường (01 giải nhất, 01 giải nhì, 01 giải ba).

+ Năm 2019: 02 học sinh, sinh viên đạt danh hiệu HSGN cấp tỉnh (01 giải nhì, 01 giải ba).

+ Năm 2024: 02 học sinh, sinh viên đạt danh hiệu HSGN cấp tỉnh (01 giải nhất, 01 giải nhì).

Khoa Công nghệ ô tô có hệ thống các phòng học lý thuyết và phòng học thực hành được trang bị đầy đủ các thiết bị hiện đại, có thể đáp ứng yêu cầu đào tạo các nghề giảng dạy. Các trang thiết bị đào tạo được đầu tư từ nguồn tài trợ của tổ chức GTV (Italia) năm 2003 và nguồn vốn ODA của “Chương trình Đào tạo nghề 2008” trong khuôn khổ hợp tác với chính phủ CHLB Đức và vốn Chương trình mục tiêu Quốc gia hàng năm; cũng như ngân sách cấp thường xuyên của tỉnh Bắc Ninh.

2.2. Chức năng, nhiệm vụ

- Nhiệm vụ trọng tâm của Khoa Công nghệ ô tô là tổ chức thực hiện các hoạt động giảng dạy các môn học, mô-đun của các chuyên ngành: Công nghệ ô tô, Bảo trì và sửa chữa ô tô với ba cấp trình độ là Cao đẳng, Trung cấp và Sơ cấp.

- Thực hiện kế hoạch giảng dạy, học tập và các hoạt động ngoại khóa khác theo chương trình, kế hoạch giảng dạy hàng năm của Trường.

- Thực hiện việc biên soạn chương trình, giáo trình, học liệu dạy nghề khi được phân công; tổ chức nghiên cứu đổi mới nội dung, cải tiến phương pháp dạy nghề nhằm nâng cao chất lượng đào tạo.

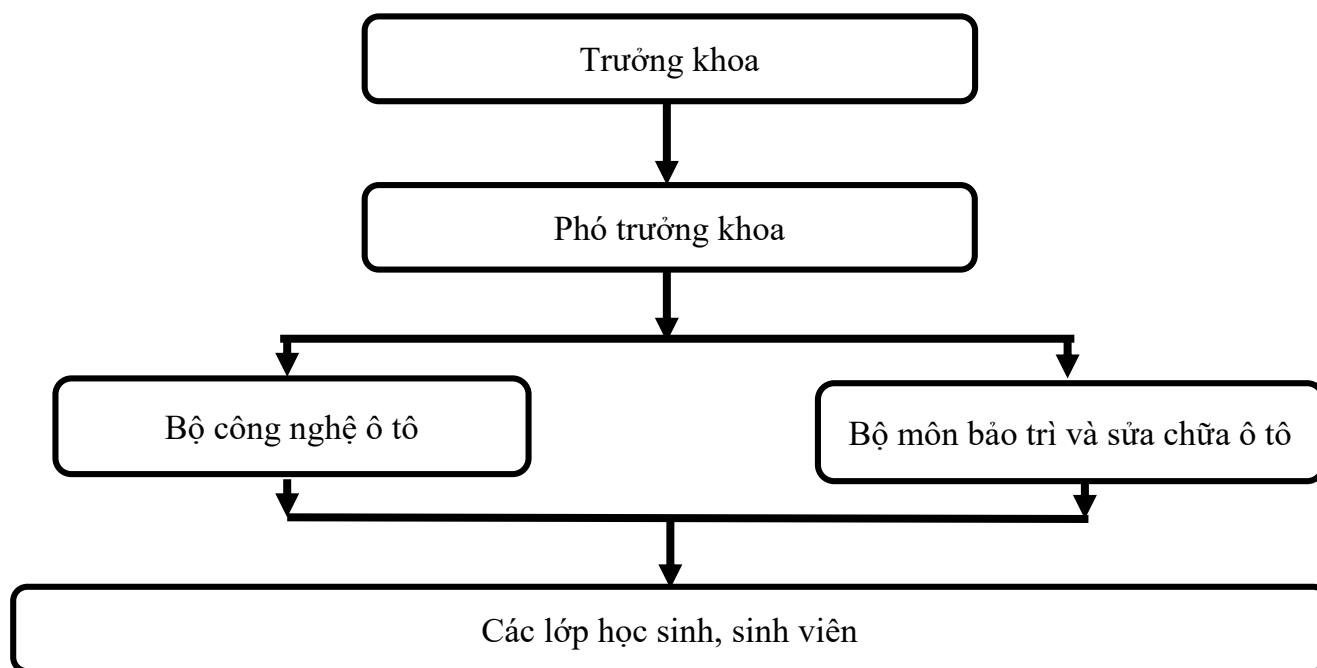
- Thực hiện các hoạt động thực nghiệm, nghiên cứu khoa học, ứng dụng kỹ thuật, công nghệ vào quá trình dạy nghề.

- Quản lý giáo viên, quản lý sử dụng có hiệu quả cơ sở vật chất, thiết bị theo quy định của Trường; đề xuất xây dựng các kế hoạch bổ sung, bảo trì các trang thiết bị đào tạo nghề Công nghệ ô tô và Bảo trì và sửa chữa ô tô.

2.3. Đội ngũ giảng viên

TT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC VỤ	EMAIL	ĐIỆN THOẠI
1	Võ Văn Hùng	Trưởng khoa	hungvv.bci@gmail.com	0982 726 609
2	Nguyễn Công Phước	P.Trưởng khoa	phuocnc.bci@gmail.com	0918837688
3	Nguyễn Văn Hạnh	Giảng viên	nguyenvanhạnh76@gmail.com	0947 155 016
4	Lê Đức Tùng	”	letungtcnbn@gmail.com	0916 020 607
5	Nguyễn Văn Hiệu	”	hieubn02@gmail.com	0984 037 555
6	Nguyễn Quốc Hiệp	”	hthiepnguyen@gmail.com	0978 844 633
7	Nguyễn Công Hoàng	”	hoang83@gmail.com	0973822843
8	Nguyễn Đăng Tiến	Giáo viên	dangtien1977@gmail.com	0385 252 666
9	Võ Đình Long	”	Vodinhlong0204@gmail.com	0984 018 792
10	Trần Kim Quang	”	Quangtrantcnbn3004@gmail.com	0369919616

2.4. Cơ cấu tổ chức



2.5. Các nghề đào tạo

STT	Tên nghề	Ghi chú
1	Công nghệ ô tô (trình độ đào tạo: Cao đẳng, Trung cấp, Sơ cấp)	
2	Bảo trì và sửa chữa ô tô (trình độ đào tạo: Trung cấp, Sơ cấp)	

3. THÔNG TIN CHI TIẾT VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Tên ngành/ngành: Công nghệ ô tô. Mã ngành/ngành: 6510216

Trình độ đào tạo: Cao đẳng

Đối tượng tuyển sinh: Tốt nghiệp THPT hoặc tương đương

Thời gian khóa học: 2.5 năm

3.1. Lịch sử phát triển và thành tích nổi bật

Từ những năm 2002 nhà Trường tuyển sinh và đào tạo Công nhân kỹ thuật bậc 3/7, 4/7 nghề Cơ khí động lực và Nguội sửa chữa máy công cụ; năm 2007 tuyển sinh và đào tạo hệ Trung cấp nghề Công nghệ ô tô; Năm học 2010 Trường tuyển sinh và đào tạo trình độ Cao đẳng nghề khoá đầu tiên nghề Công nghệ ô tô (khóa học 2010-2013).

Trong những năm qua, cùng với sự phát triển của các nghề kỹ thuật được đào tạo tại trường qua từng giai đoạn, chương trình đào tạo nghề Công nghệ ô tô được hình thành và phát triển từ chương trình đào tạo Công nhân kỹ thuật Cơ khí động lực; đội ngũ Giáo viên được đào tạo có trình độ và tay nghề cao; đồng thời tâm huyết với nghề. Chính vì vậy số lượng học sinh sinh viên vào học ngày càng cao, đáp ứng nhu cầu nguồn nhân lực của địa phương và một số tỉnh lân cận.

Hàng năm, Khoa Công nghệ ô tô phát động phong trào thi đua “Dạy tốt – Học tốt” trong toàn thể GV và HSSV; GV đăng ký và thực hiện các đề tài nghiên cứu khoa học, sáng kiến kinh nghiệm trình lên BGH đúng thời hạn, tham gia Hội giảng cấp trường, cấp tỉnh; đồng thời cử HSSV tham gia các kỳ thi HSSV giỏi nghề cấp trường, cấp tỉnh, tất cả đều đạt danh hiệu GV dạy giỏi, HSSV giỏi nghề. Kết quả các đề tài nghiên cứu, sáng kiến kinh nghiệm của GV được công nhận và ứng dụng trong giảng dạy.

3.2. Mục tiêu của chương trình đào tạo

3.2.1. Mục tiêu chung

Sau khi học xong chương trình Cao đẳng Công nghệ ô tô người học có khả năng phải nhận biết được cấu tạo, nguyên lý làm việc và tình trạng kỹ thuật của động cơ đốt trong và các loại xe ô tô như xe con, xe du lịch, xe tải, xe bus, xe chuyên dùng... Sử dụng thành thạo các loại dụng cụ đo, thiết bị chẩn đoán và các loại máy móc hiện đại chuyên dùng thường sử dụng trong các Công ty sản xuất ô tô, các Garage ô tô, từ đó lập phương án công nghệ bảo dưỡng, sửa chữa một cách khoa học và hợp lý. Bảo dưỡng, sửa chữa được các loại động cơ đốt trong và các loại xe ô tô (như xe con, xe du lịch, xe tải, xe bus, xe chuyên dùng) nói trên.

Bảo dưỡng, sửa chữa được các loại động cơ đốt trong và các loại xe ô tô (như xe con, xe du lịch, xe tải, xe bus, xe chuyên dùng) nói trên và có khả năng tự học tập, nghiên cứu, làm việc độc lập trong các Công ty sản xuất ô tô, các Garage ô tô hoặc làm kỹ thuật viên cho các hãng như Toyota, Hyundai, Honda và Ford....

3.2.2. Mục tiêu cụ thể

a. Kiến thức:

- Trình bày được những kiến thức cơ bản về chính trị, văn hóa, xã hội, pháp luật, quốc phòng an ninh, giáo dục thể chất theo quy định.
 - Hiểu được cách đọc các bản vẽ kỹ thuật và phương pháp tra cứu các tài liệu kỹ thuật chuyên ngành ô tô;
 - Trình bày được cấu tạo và nguyên lý hoạt động các hệ thống, cơ cấu trong ô tô;
 - Giải thích được bản vẽ kỹ thuật, kết cấu của các chi tiết, bộ phận trong ô tô, các mạch điện và mạch tín hiệu điều khiển;
 - Giải thích được nội dung các công việc trong quy trình tháo, lắp, kiểm tra, hiệu chỉnh, bảo dưỡng và sửa chữa ô tô;
 - Trình bày được các chỉ tiêu, tiêu chuẩn đánh giá chất lượng và phương pháp đo kiểm các thông số kỹ thuật của từng loại chi tiết, hệ thống trong ô tô;
 - Trình bày được nguyên lý hoạt động của các hệ thống điều khiển bằng điện, điện tử, khí nén và thủy lực của các loại ô tô;
 - Giải thích được các phương pháp chẩn đoán sai hỏng của các cơ cấu và hệ thống trong ô tô;
 - Trình bày được các yêu cầu cơ bản và các bước công việc khi lập quy trình kiểm tra, bảo dưỡng và sửa chữa ô tô;
 - Trình bày được nguyên lý, phương pháp sử dụng, vận hành và phạm vi ứng dụng của các dụng cụ và trang thiết bị trong lĩnh vực Công nghệ ô tô;
 - Trình bày được các nội dung, ý nghĩa của kỹ thuật an toàn, phòng chống cháy nổ và vệ sinh công nghiệp;
 - Phân tích được các kiến thức cơ bản trong lái xe ô tô;
 - Trình bày được kiến thức cơ bản về hệ thống phun xăng EFI và phun dầu điện tử Cri; hệ thống phanh ABS; hệ thống điều hoà không khí; hộp số tự động trên xe ô tô.
 - Trình bày được phương pháp quản lý, kinh doanh dịch vụ ô tô; nguyên tắc và phương pháp lập kế hoạch, tổ chức thực hiện và giám sát, đánh giá các quá trình thực hiện trong phạm vi của ngành, nghề Công nghệ ô tô;
- * Chuyên ngành chuyên sâu về bảo dưỡng, sửa chữa xe ô tô điện (**OT 01**):
- Hiểu được hệ thống truyền động điện, mô-tơ điện, pin, bộ điều khiển, sạc,...
 - Nắm vững cấu tạo và nguyên lý hệ thống điện cao áp (HV), an toàn điện
 - Hiểu về loại pin (Lithium-ion, LFP...), cách sạc/xả, cân bằng tế bào pin, BMS,...
 - Hiểu về hệ thống sạc: sạc AC, sạc DC, giao thức CCS, CHAdeMO, GB/T,...
 - Hiểu về hệ thống tái tạo năng lượng (regenerative braking).

* Chuyên ngành chuyên sâu về hệ thống tự hành trong chuỗi cung ứng **(OT 02)**:

- Hiểu được kiến trúc tổng thể của hệ thống xe tự hành: cảm biến – xử lý – điều khiển – truyền động

- Phân tích được các thành phần chính trong xe tự hành: hệ thống cảm biến, hệ thống xử lý và điều khiển, hệ thống định vị và bản đồ, hệ thống lập kế hoạch đường đi và ra quyết định, giao tiếp xe – xe (V2V), xe – hạ tầng (V2X)

- Trí tuệ nhân tạo và học máy

b. Kỹ năng:

- Sử dụng được công nghệ thông tin cơ bản theo quy định; khai thác, xử lý, ứng dụng công nghệ thông tin trong công việc chuyên môn của ngành, nghề;

- Sử dụng được ngoại ngữ cơ bản, đạt bậc 2/6 trong Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam; ứng dụng được ngoại ngữ vào công việc chuyên môn của ngành, nghề.

- Đọc được bản vẽ kỹ thuật về kết cấu của các chi tiết, bộ phận trong ô tô, các sơ đồ mạch điện và mạch tín hiệu điều khiển; đọc được các ký hiệu phân loại của các linh kiện, chi tiết, bộ phận trên ô tô;

- Tra cứu được các tài liệu kỹ thuật chuyên ngành ô tô;

- Lựa chọn đúng, sử dụng thành thạo và bảo dưỡng, bảo quản được các loại dụng cụ, thiết bị tháo, lắp, đo và kiểm tra trong ngành, nghề Công nghệ ô tô;

- Chẩn đoán và phát hiện chính xác và đầy đủ các sai hỏng trong các cụm chi tiết, các hệ thống của ô tô;

- Kiểm tra được những sai hỏng của các cụm chi tiết, bộ phận và hệ thống trong ô tô;

- Lập được quy trình tháo, lắp các chi tiết, bộ phận, hệ thống của ô tô;

- Lập được quy trình bảo dưỡng, sửa chữa phù hợp với từng lỗi kỹ thuật và từng loại ô tô;

- Thực hiện các công việc bảo dưỡng, sửa chữa về hệ thống phun xăng EFI và phun dầu điện tử CRi; hệ thống phanh ABS; hệ thống điều hoà không khí; hộp số tự động trên xe ô tô...

- Thực hiện các công việc bảo dưỡng, sửa chữa đúng quy trình, quy phạm, đảm bảo yêu cầu về tiêu chuẩn kỹ thuật và an toàn lao động;

- Tổ chức và quản lý được quá trình bảo dưỡng, sửa chữa tương ứng với trình độ được đào tạo;

- Thực hiện tốt các nội dung 5S;

- Vận hành được ô tô đúng luật, đúng yêu cầu kỹ thuật và đảm bảo an toàn;

- Có các kỹ năng, thao tác cơ bản trong lái xe ô tô

- Tiếp nhận và chuyển giao được các công nghệ mới trong lĩnh vực ô tô;

- Lập được kế hoạch sản xuất; tổ chức và quản lý các hoạt động sản xuất đạt tiêu chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn an toàn và vệ sinh công nghiệp;

- Có khả năng đào tạo, bồi dưỡng các kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp cho người học ở trình độ thấp hơn.

- Kỹ năng sử dụng các thuật ngữ chuyên môn của ngành, nghề đào tạo trong giao tiếp hiệu quả tại nơi làm việc;

- Có năng lực thực hiện các kỹ năng thiết yếu, bao gồm: Kỹ năng giao tiếp, kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng xử lý tình huống, kỹ năng xử lý thông tin, kỹ năng quan sát, kỹ năng đánh giá, kỹ năng thuyết trình, kỹ năng ứng dụng thực tế.

* Chuyên ngành chuyên sâu về bảo dưỡng, sửa chữa xe ô tô điện **(OT 01)**:

- Sử dụng thiết bị chuyên dụng (OBD-II, máy chẩn đoán, thiết bị HV).

- Bảo dưỡng/sửa chữa hệ thống truyền động điện: động cơ điện, inverter, BMS,...

- Làm việc an toàn với điện áp cao: quy trình Lockout-Tagout (LOTO), sử dụng PPE chuyên dụng, kiểm tra điện áp tồn dư,...

- Cập nhật phần mềm xe điện: sử dụng công cụ lập trình, nạp/cập nhật firmware cho ECU, BMS,...

- Xử lý các tình huống khẩn cấp liên quan đến hệ thống điện: rò điện, cháy pin, chập mạch,...

* Chuyên ngành chuyên sâu về hệ thống tự hành trong chuỗi cung ứng **(OT 02)**:

- Hiểu được tương tác giữa cảm biến, xử lý, điều khiển và cơ cấu chấp hành.

- Tích hợp và hiệu chỉnh cảm biến (Sensor calibration).

- Xử lý và phân tích dữ liệu cảm biến (ROS, Python, MATLAB).

- Lập trình mô phỏng và điều khiển xe tự hành trên nền tảng như: ROS (Robot Operating System), Carla, LGSVL, Gazebo.

- Viết và triển khai thuật toán điều khiển, lập kế hoạch (Path planning, Trajectory tracking).

- Thử nghiệm và hiệu chỉnh hệ thống AV trên xe thực tế hoặc mô phỏng.

c. Mức độ tự chủ và trách nhiệm:

- Làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm, giải quyết công việc, vấn đề phức tạp trong điều kiện làm việc thay đổi;

- Hướng dẫn, giám sát những người khác thực hiện nhiệm vụ; chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm;

- Đánh giá chất lượng công việc sau khi hoàn thành và kết quả thực hiện của các thành viên trong nhóm;

- Có đạo đức nghề nghiệp, có ý thức cộng đồng, tinh thần trách nhiệm tốt, thái độ ứng xử, giải quyết vấn đề nghiệp vụ Hợp lý, cẩn thận, tỉ mỉ trong công việc;
- Tinh thần hợp tác nhóm tốt, chủ động thực hiện công việc được giao và có tác phong công nghiệp;
- Chấp hành nghiêm quy định về bảo hộ lao động, an toàn lao động và phòng cháy chữa cháy;
- Có ý thức học tập, rèn luyện để nâng cao trình độ chuyên môn, kỹ năng nghề nghiệp.

d. Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp:

- Chăm sóc, làm đẹp xe ô tô;
- Quản lý tại các đơn vị kinh doanh vật tư, phụ tùng ô tô hoặc công ty vận tải ô tô;
- Tham gia sản xuất phụ tùng và lắp ráp ô tô;
- Kinh doanh trong lĩnh vực ô tô và phụ tùng ô tô;
- Kỹ thuật viên sửa chữa động cơ, sửa chữa gầm, sửa chữa điện và điều hòa ô tô;
- Chuyên viên tư vấn dịch vụ tại các đại lý bán hàng và các trung tâm dịch vụ sau bán hàng của các hãng ô tô;
- Chuyên viên kiểm định kỹ thuật ô tô;
- Quản lý, phụ trách kỹ thuật tại các trung tâm bảo dưỡng, sửa chữa của các hãng xe ô tô;
- Giáo viên giảng dạy trong các cơ sở đào tạo giáo dục nghề nghiệp.
- Ngoài ra sinh viên có đủ năng lực để tham gia học liên thông lên các bậc học cao hơn để phát triển kiến thức và kỹ năng nghề nghiệp.

3.3. Phương thức đào tạo

Phương thức đào tạo Trường đang được áp dụng đối với nghề Công nghệ ô tô là phương thức đào tạo tập trung, học theo niên chế hoặc tích lũy mô đun.

Phương thức đào tạo nghề của trường hiện nay được tính theo đơn vị là năm học, chương trình đào tạo nghề Công nghệ ô tô đào tạo trong thời gian 03 năm (đối với khoá tuyển sinh năm 2018 trở về trước); 2,5 năm (đối với khoá tuyển sinh năm 2019 và các khoá tiếp theo), một năm học có 2 học kỳ và chương trình học được thiết kế theo năm học và ít biến động. Về mặt sinh viên phải hoàn thành nội dung môn học đã được ấn định theo học kỳ, năm học; sinh viên chấp hành tốt các lịch học, lịch thi, các quy định, quy chế của nhà trường, tích cực học tập và rèn luyện thì sẽ đạt kết quả tốt. Tuy nhiên với phương thức này cũng có những hạn chế về tính chủ động của sinh viên, người học xoay quanh quỹ đạo của người dạy, khó liên thông sang ngành học khác.

Để khắc phục những hạn chế trên, trường chủ động trong chương trình đào tạo nghề Công nghệ ô tô thời gian học thực hành chiếm 50%-70% tổng giờ học nhằm tạo điều kiện để sinh viên thực hành, chủ động tự rèn luyện kỹ năng nghề; đồng thời phương

pháp giảng dạy của giảng viên thực hiện giảng dạy lấy người học làm trung tâm, tổ chức nghiên cứu cho SV nhóm theo nhóm, làm bài tập lớn, báo cáo đề án; chương trình đào tạo được xây dựng mang tính liên thông trình độ trung cấp lên cao đẳng của trường, liên thông trình độ từ trung cấp, cao đẳng lên đại học với nghề tương ứng.

3.4. Tóm tắt nội dung chương trình đào tạo

Chương trình đào tạo chi tiết của nghề Công nghệ ô tô trình độ cao đẳng khoá tuyển sinh khóa đầu tiên năm 2010 được xây dựng trên cơ sở chương trình khung của Bộ LĐTB&XH, đã được Trường xây dựng, thẩm định và ban hành theo Quyết định số 05/QĐ-CDN ngày 6/12/2010 của Hiệu trưởng trường Cao đẳng nghề Kinh tế - Kỹ thuật Bắc Ninh (nay là trường cao đẳng công nghiệp Bắc Ninh) về việc Ban hành chương trình dạy nghề 3 cấp trình độ.

Nhằm đáp ứng nhu cầu của thị trường lao động và thực hiện các quy định, yêu cầu đổi mới chương trình đào tạo của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội; năm 2017, chương trình đào tạo nghề Công nghệ ô tô, thời gian đào tạo 2,5 năm, được thẩm định theo đúng quy định.

Trên cơ sở khảo sát nhu cầu lao động và chương trình đào tạo đã xây dựng, năm 2019, 2022, 2025 Trường tổ chức thực hiện điều chỉnh chương trình đào tạo Công nghệ ô tô tăng thời lượng cho Sinh viên học ngoài doanh nghiệp.

a. Khối lượng kiến thức và thời gian khoá học:

- Khối lượng kiến thức toàn khóa học: 3096/106 (giờ/tín chỉ)
- Số lượng môn học, mô đun: 34.
- Khối lượng các môn học chung/đại cương: 435/19(giờ/tín chỉ).
- Khối lượng học tập các môn học, mô đun chuyên môn: 2661/87(giờ/tín chỉ).
- Khối lượng lý thuyết: 943 giờ; thực hành, thực tập 2153 giờ (giờ/tín chỉ).

b. Tổng hợp các năng lực của ngành, nghề

TT	Mã năng lực	Tên năng lực
I	Năng lực cơ bản (năng lực chung)	
1	NLCB-01	Biết hệ thống chính trị, quyền và nghĩa vụ công dân, cũng như các tư tưởng chính trị ảnh hưởng đến xã hội.
2	NLCB-02	Nắm vững các nguyên tắc cơ bản của pháp luật, quyền và nghĩa vụ của công dân.
3	NLCB-03	Nắm vững việc rèn luyện thể chất, nâng cao sức khỏe và phát triển phẩm chất cá nhân
4	NLCB-04	Nắm vững về kiến thức, kỹ năng cần thiết về bảo vệ Tổ quốc, an ninh quốc gia và trách nhiệm công dân

5	NLCB-05	Ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản
6	NLCB-06	Sử dụng ngoại ngữ Tiếng Anh giao tiếp cơ bản
II	Năng lực cốt lõi (năng lực chuyên môn)	
7	NLCL-01	Sử dụng hiệu quả năng lượng tái tạo và tài nguyên
8	NLCL-02	Sử dụng đúng các linh kiện điện tử, thiết bị điện cơ bản; phân tích được mạch điện và mạch điện tử
9	NLCL-03	Tính toán, lựa chọn vật liệu và chi tiết thay thế phù hợp trong bảo dưỡng sửa chữa ô tô
10	NLCL-04	Đọc và phân tích được các bản vẽ chi tiết và bản vẽ lắp trong ngành cơ khí ô tô
11	NLCL-05	An toàn vệ sinh lao động trong lĩnh vực điện, cơ khí và vận hành thiết bị
12	NLCL-06	Sử dụng được các dụng cụ, thiết bị gia công cơ khí cầm tay đúng kỹ thuật và an toàn
13	NLCL-07	Hiểu biết về nguyên lý động cơ, công nghệ bảo dưỡng và sửa chữa chi tiết máy
14	NLCL-08	Phân tích tình trạng kỹ thuật, kiểm tra và sửa chữa phần cơ khí ô tô đúng thông số và yêu cầu kỹ thuật
15	NLCL-09	Phân tích tình trạng kỹ thuật, kiểm tra và sửa chữa hệ thống bôi trơn và làm mát đúng yêu cầu kỹ thuật
16	NLCL-10	Phân tích tình trạng kỹ thuật, kiểm tra và sửa chữa hệ thống nhiên liệu động cơ xăng đúng yêu cầu kỹ thuật
17	NLCL-11	Phân tích tình trạng kỹ thuật, kiểm tra và sửa chữa hệ thống nhiên liệu động cơ diesel đúng yêu cầu kỹ thuật
18	NLCL-12	Phân tích tình trạng kỹ thuật, kiểm tra và sửa chữa các hệ thống cơ bản trong trang bị điện ô tô đúng yêu cầu kỹ thuật
19	NLCL-13	Phân tích tình trạng kỹ thuật, kiểm tra và sửa chữa hệ thống truyền lực trên ô tô đúng yêu cầu kỹ thuật
20	NLCL-14	Phân tích tình trạng kỹ thuật, kiểm tra và sửa chữa hệ thống treo và lái đúng yêu cầu kỹ thuật
21	NLCL-15	Phân tích tình trạng kỹ thuật, kiểm tra và sửa chữa hệ thống phanh ô tô đúng yêu cầu kỹ thuật

22	NLCL-16	Phân tích tình trạng kỹ thuật, kiểm tra và sửa chữa hệ thống phanh ABS đúng yêu cầu kỹ thuật
23	NLCL-17	Phân tích tình trạng kỹ thuật, kiểm tra và sửa chữa hệ thống điều hoà không khí trên ô tô đúng yêu cầu kỹ thuật
24	NLCL-18	Phân tích tình trạng kỹ thuật, kiểm tra và sửa chữa hộp số tự động trên ô tô đúng yêu cầu kỹ thuật
25	NLCL-19	Chẩn đoán lỗi bằng thiết bị chuyên dụng (máy chẩn đoán OBD-II, oscilloscope, Gscan3..).
26	NLCL-20	Lập được kế hoạch sản xuất; tổ chức và quản lý các hoạt động sản xuất đạt tiêu chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn an toàn và vệ sinh công nghiệp
III	Năng lực nâng cao	
27	NLNC-01	Kiến thức, kỹ năng, thao tác cơ bản trong lái xe ô tô
28	NLNC-02	Hiểu biết về xe hybrid, hệ thống xe điện (EV); bảo dưỡng và sửa chữa được xe ô tô điện
29	NLNC-03	Hiểu biết về xe tự hành và hệ thống thông minh; bảo dưỡng và vận hành được các hệ thống xe tự hành
30	NLNC-04	Có các kỹ năng thiết yếu, bao gồm: Kỹ năng giao tiếp, kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng xử lý tình huống, kỹ năng xử lý thông tin, kỹ năng quan sát, kỹ năng đánh giá, kỹ năng thuyết trình, kỹ năng ứng dụng thực tế.

c. Nội dung CTĐT

Mã MH, MĐ	Tên môn học, mô đun	Số tín chỉ	Thời gian đào tạo (giờ)			
			Tổng số	Trong đó		
				Lý thuyết	Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập	Thi/ Kiểm tra
I	Các môn học chung					
MH 01	Giáo dục chính trị	5	75	41	29	5
MH 02	Pháp luật	2	30	18	10	2
MH 03	Giáo dục thể chất	2	60	5	51	4

MH 04	Giáo dục quốc phòng và an ninh	3	75	36	35	4
MH 05	Tin học	3	75	15	58	2
MH 06	Tiếng Anh	4	120	42	72	6
II	Các môn học, mô đun đào tạo chuyên ngành					
II.1	Môn học, mô đun cơ sở					
MĐ 07	Bảo vệ môi trường, sử dụng hiệu quả năng lượng và tài nguyên	1	36	6	22	8
MH 08	Kỹ thuật điện - điện tử	3	45	33.5	7	4.5
MH 09	Cơ kỹ thuật	3	45	30	10.5	4.5
MH 10	Vật liệu cơ khí	2	30	23.5	3	3.5
MH 11	Dung sai lắp ghép và đo lường kỹ thuật	2	30	18.5	8	3.5
MH 12	Vẽ kỹ thuật cơ khí	3	45	24.5	14	6.5
MH 13	Công nghệ khí nén - thủy lực ứng dụng	2	30	24.5	2	3.5
MH 14	An toàn vệ sinh lao động	2	30	21.5	5	3.5
MĐ 15	Thực hành Autocad	2	45	16	23	6
MĐ 16	Gia công chi tiết và cụm chi tiết bằng dụng cụ cầm tay	2	90	20	58	12
MĐ 17	Thực hành Hàn	2	45	8	31	6
II.2	Môn học, mô đun chuyên môn					
MH 18	Kỹ thuật chung về ô tô và công nghệ sửa chữa	3	45	34	6.5	4.5
MĐ 19	Bảo dưỡng, sửa chữa cơ cấu trục khuỷu - thanh truyền và bộ phận cố định của động cơ	4	120	35	75	10
MĐ 20	Bảo dưỡng, sửa chữa hệ thống phân phối khí	2	60	20	32	8
MĐ 21	Bảo dưỡng, sửa chữa hệ thống bôi trơn và hệ thống làm mát	2	60	20	32	8
MĐ 22	Bảo dưỡng, sửa chữa hệ thống nhiên liệu động cơ xăng	3	90	29	52	9
MĐ 23	Bảo dưỡng, sửa chữa hệ thống nhiên liệu động cơ diesel	4	135	43	81	11

MĐ 24	Bảo dưỡng, sửa chữa trang bị điện ô tô	5	150	45	94	11
MĐ 25	Bảo dưỡng, sửa chữa hệ thống truyền lực ô tô	4	120	35	75	10
MĐ 26	Bảo dưỡng, sửa chữa hệ thống di chuyển và hệ thống lái	2	75	24	42	9
MĐ 27	Bảo dưỡng, sửa chữa hệ thống phanh	2	60	20	32	8
MĐ 28	Bảo dưỡng, sửa chữa hệ thống phanh ABS	2	60	20	32	8
MĐ 29	Bảo dưỡng, sửa chữa hệ thống điều hòa không khí trên ô tô	2	60	20	32	8
MĐ 30	Bảo dưỡng, sửa chữa hộp số tự động ô tô	2	60	20	32	8
MĐ 31	Thực tập tốt nghiệp	16	720	50	660	10
MĐ 32	Đồ án tốt nghiệp	5	225	100	120	5
II.3	Môn học, mô đun tự chọn nâng cao					
<i>Chuyên sâu Bảo dưỡng, sửa chữa xe ô tô điện</i>						
MĐ 33	Kỹ thuật lái xe ô tô	2	60	15	37	8
MĐ 34	Bảo dưỡng, sửa chữa xe ô tô điện	3	90	30	51	9
<i>Chuyên sâu Hệ thống xe tự hành trong chuỗi cung ứng</i>						
MĐ 33	Kỹ thuật lái xe ô tô	2	60	15	37	8
MĐ 35	Hệ thống xe tự hành trong chuỗi cung ứng	3	90	30	51	9
Tổng cộng		106	3096	943	1924	229

3.5. Kế hoạch, số lượng tuyển sinh, tỷ lệ tốt nghiệp

TT	Khóa học	Số lượng tuyển sinh		Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp/TS (%)	Ghi chú
		Theo kế hoạch	Thực tế		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)

1	2018 – 2021 (K9)	60	50	65,3%	(K7 tốt nghiệp)
2	2019 – 2022 (K10)	60	56	72,8%	(K8 tốt nghiệp)
3	2020 – 2023 (K11)	60	72	80,4%	(K9 tốt nghiệp)
4	2021 – 2024 (K12)	60	68	54,4%	(K10 tốt nghiệp)
5	2022 – 2025 (K13)	65	67	56,2%	(K11 tốt nghiệp)
6	2023 – 2026 (K14)	80	82	102%	(K12 tốt nghiệp)
7	2024 – 2027 (K15)	95	90	94,7%	(K13 tốt nghiệp)
8	2025 – 2028 (K16)	120	118		
	Cộng	630	603		

3.6. Đội ngũ giảng viên tham gia chương trình đào tạo:

- Tổng số: 10, trong đó:

Nam : 10	Nữ: 0
Cơ hữu : 10	Thỉnh giảng: 0

- Trình độ đào tạo:

Trình độ đào tạo	Nam	Nữ	Tổng số
Tiến sĩ	-	-	-
Thạc sĩ	07	0	07
Đại học	03	0	03
Cao đẳng	-	-	-
Trung cấp	-	-	-
Công nhân bậc 5/7 trở lên	-	-	-
Trình độ khác	-	-	-
Tổng số	10	0	10

3.7. Cơ sở vật chất phục vụ chương trình đào tạo

TT	Hạng mục, công trình	Đơn vị tính	Tổng số	Ghi chú
1	Văn phòng khoa	45m ²	01	
2	Phòng học lý thuyết	235 m ²	03	
3	Kho trang thiết bị thực tập HS	33,20m ²	01	
4	Kho vật tư	35,30m ²	01	
5	Xưởng ô tô 1	250 m ²	01	
6	Xưởng ô tô 2	250 m ²	01	
7	Xưởng ô tô 3	250 m ²	01	
8	Xưởng ô tô 4	250 m ²	01	
9	Xưởng Dụng cụ cầm tay	400 m ²	01	
10	Xưởng liên kết đào tạo	200 m ²	01	Trung tâm dịch vụ ô tô Thuận Phong

PHẦN II:

KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Tổng quan chung

1.1. Căn cứ tự đánh giá

- Thông tư số 14/TT-BLĐTBXH ngày 31/12/2024 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định tiêu chí, tiêu chuẩn đánh giá chất lượng cơ sở giáo dục nghề nghiệp.

- Thông tư số 28/2017/TT-BLĐTBXH ngày 15/12/2017 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định hệ thống bảo đảm chất lượng của cơ sở giáo dục nghề nghiệp;

- Công văn số 454/TCGDNN-KĐCL ngày 25/3/2019 của Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp về việc hướng dẫn đánh giá tiêu chuẩn KĐCL chương trình đào tạo trình độ sơ cấp, trung cấp và cao đẳng.

- Bộ tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng GDDN theo Thông tư 14/2024/TT-BLĐTBXH ban hành ngày 31/12/2024 của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội.

1.2. Mục đích tự đánh giá

- Tuân thủ các quy định hiện hành về tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo của nghề trọng điểm, đánh giá toàn bộ hoạt động theo hệ thống tiêu chuẩn kiểm định chất lượng chương trình đào tạo.

- Nâng cao nhận thức của viên chức, GV, nhân viên và học sinh, sinh viên trong trường công tác tự đánh giá; đánh giá mức độ, hoàn thành nhiệm vụ của từng cá nhân, bộ phận, xem xét thực trạng, chất lượng của chương trình đào tạo, từ đó điều chỉnh mục tiêu chất lượng cho thời gian tiếp theo.

- Duy trì việc rà soát thường xuyên toàn bộ hoạt động của Trường, của chương trình đào tạo so với các tiêu chuẩn có liên quan trong bộ tiêu chí để kịp thời có những giải pháp cải tiến, nâng cao chất lượng chương trình đào tạo của Trường hàng năm.

1.3. Yêu cầu tự đánh giá

- Đảm bảo đánh giá toàn bộ hoạt động của chương trình đào tạo, có sự tham gia của tất cả các bộ phận và cá nhân liên quan.

- Đánh giá theo hệ thống tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng chương trình đào tạo hiện hành và các hướng dẫn có liên quan.

- Đảm bảo trung thực, khách quan, đầy đủ minh chứng hợp lệ để chứng minh cho nhận định trong tự đánh giá chất lượng.

- Kết quả tự đánh giá chất lượng phải được công khai trong nội bộ Trường, được cập nhật vào dữ liệu của hệ thống thông tin quản lý của cơ quan quản lý nhà nước về

giáo dục nghề nghiệp và được lưu trữ toàn bộ minh chứng, tài liệu liên quan.

1.4. Phương pháp tự đánh giá

- Thu thập tài liệu, thông tin, rà soát các hoạt động của Trường, đối chiếu các kết quả đạt được với hệ thống tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng chương trình đào tạo.
- Xác định mức độ đạt của các tiêu chuẩn, lập kế hoạch cải thiện các tồn tại để nâng cao chất lượng của Trường.

1.5. Các bước tiến hành tự đánh giá

- Bước 1: Thành lập Hội đồng tự đánh giá chất lượng.
- Bước 2: Thực hiện tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo.
- Bước 3: Thông qua và phê duyệt báo cáo tự đánh giá chất lượng CTĐT.
- Bước 4: Công bố báo cáo tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo và gửi báo cáo Sở giáo dục đào tạo.

2. Tự đánh giá

2.1. Tổng hợp kết quả tự đánh giá

TT	Tiêu chí, tiêu chuẩn, (ghi đầy đủ nội dung tiêu chí, tiêu chuẩn)	Điểm chuẩn	Tự đánh giá của cơ sở giáo dục nghề nghiệp về chương trình đào tạo
	ĐỀ XUẤT CẤP ĐỘ ĐẠT ĐƯỢC		<i>Đạt</i>
	Tổng điểm	100	100
1	Tiêu chí 1 - Mục tiêu, chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo	7,5	7,5
1.1	Tiêu chuẩn 1.1: Mục tiêu của chương trình đào tạo được xác định rõ ràng, phù hợp với sứ mạng của trường, mục tiêu của giáo dục nghề nghiệp và nhu cầu của thị trường lao động.	2,5	2,5
1.2	Tiêu chuẩn 1.2: Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo được xác định rõ ràng, đáp ứng yêu cầu của Khung trình độ quốc gia Việt Nam đối với các trình độ giáo dục nghề nghiệp, yêu cầu của ngành, nghề đào tạo, nhu cầu của người học, đơn vị sử dụng lao động, các bên liên quan khác và được công bố công khai.	2,5	2,5
1.3	Tiêu chuẩn 1.3: Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo được tích hợp năng lực số cho phù hợp với	2,5	2,5

	yêu cầu của chuyển đổi số trong giáo dục nghề nghiệp.		
2	Tiêu chí 2 - Cấu trúc và nội dung của chương trình đào tạo, giáo trình	17,5	17,5
2.1	Tiêu chuẩn 2.1: Chương trình đào tạo có đầy đủ thông tin, cấu trúc logic, có tính linh hoạt và được cập nhật, phê duyệt, ban hành.	2,5	2,5
2.2	Tiêu chuẩn 2.2: Nội dung chương trình đào tạo đáp ứng sự thay đổi của khoa học, công nghệ, yêu cầu trong sản xuất, kinh doanh, dịch vụ và nhu cầu của thị trường lao động hoặc của ngành, địa phương.	2,5	2,5
2.3	Tiêu chuẩn 2.3: Chương trình đào tạo được thiết kế và phát triển dựa trên nhu cầu và phản hồi của các bên liên quan, bảo đảm đạt được chuẩn đầu ra. Mỗi môn học, mô-đun phải thể hiện vị trí, vai trò và tiến trình đạt được chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo.	2,5	2,5
2.4	Tiêu chuẩn 2.4: Chương trình đào tạo được định kỳ rà soát, đánh giá, cập nhật và cải tiến để đáp ứng yêu cầu của thị trường lao động, sự phát triển của ngành, địa phương.	2,5	2,5
2.5	Tiêu chuẩn 2.5: Giáo trình được biên soạn hoặc lựa chọn, thẩm định, ban hành đủ cho các mô-đun, môn học của chương trình đào tạo.	2,5	2,5
2.6	Tiêu chuẩn 2.6: Giáo trình cụ thể hóa yêu cầu về nội dung kiến thức, kỹ năng của từng mô-đun, môn học trong chương trình đào tạo, tạo điều kiện để thực hiện phương pháp dạy học tích cực, bảo đảm đáp ứng yêu cầu của ngành, nghề đào tạo.	2,5	2,5
2.7	Tiêu chuẩn 2.7: Giáo trình định kỳ được rà soát, đánh giá và cập nhật theo quy định, đáp ứng sự đổi mới của chương trình đào tạo.	2,5	2,5
3	Tiêu chí 3 - Hoạt động đào tạo	17,5	17,5
3.1	Tiêu chuẩn 3.1: Chính sách tuyển sinh được xác định rõ ràng, được công bố công khai và được cập nhật. Các hoạt động tư vấn tuyển sinh giúp người học lựa chọn đúng ngành, nghề đào tạo, phát huy năng lực, sở trường của người học. Kết quả tuyển	2,5	2,5

	sinh đạt tối thiểu 80% chỉ tiêu theo kế hoạch của cơ sở đào tạo.		
3.2	Tiêu chuẩn 3.2: Các phương pháp đào tạo phù hợp với nội dung, mục tiêu của từng mô đun, môn học để góp phần đạt được mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo.	2,5	2,5
3.3	Tiêu chuẩn 3.3: Các hoạt động dạy và học phát huy tính tích cực, tự giác, khả năng làm việc độc lập, tổ chức làm việc theo nhóm của người học, thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng nghề nghiệp, kỹ năng tự học, tự nghiên cứu và học tập suốt đời.	2,5	2,5
3.4	Tiêu chuẩn 3.4: Trường phối hợp với đơn vị sử dụng lao động trong việc tổ chức, hướng dẫn người học thực hành, thực tập tại nơi làm việc.	2,5	2,5
3.5	Tiêu chuẩn 3.5: Trường xây dựng, ban hành quy trình và tổ chức thực hiện việc kiểm tra, thi, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện, cấp văn bằng cho người tốt nghiệp bảo đảm công bằng, minh bạch; hồ sơ lưu trữ đầy đủ, rõ ràng.	2,5	2,5
3.6	Tiêu chuẩn 3.6: Các phương pháp đánh giá kết quả học tập của người học đa dạng, tương thích với chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo và các mục tiêu dạy và học.	2,5	2,5
3.7	Tiêu chuẩn 3.7: Kết quả kiểm tra, đánh giá người học được tổng hợp, phân tích và phản hồi kịp thời để cải thiện việc giảng dạy, học tập.	2,5	2,5
4	Tiêu chí 4 - Đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và viên chức, người lao động	15	15
4.1	Tiêu chuẩn 4.1: Đội ngũ nhà giáo tham gia giảng dạy có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ đạt chuẩn, đáp ứng được yêu cầu chương trình đào tạo và các quy định về tổ chức đào tạo có liên quan.	2,5	2,5
4.2	Tiêu chuẩn 4.2: Đội ngũ nhà giáo được phân công nhiệm vụ phù hợp với trình độ, năng lực và kinh nghiệm. Bảo đảm tất cả các mô-đun, môn học thuộc chương trình đào tạo có đủ nhà giáo giảng dạy; bảo đảm tỷ lệ số người học/lớp và tỷ lệ quy đổi người học/nhà giáo.	2,5	2,5

4.3	Tiêu chuẩn 4.3: Có kế hoạch phát triển đội ngũ nhà giáo bảo đảm về số lượng và chất lượng để thực hiện chương trình đào tạo. Nhà giáo tích cực tham gia nghiên cứu khoa học, các hội thi liên quan đến chuyên môn, nghiệp vụ của nhà giáo.	2,5	2,5
4.4	Tiêu chuẩn 4.4: Nhu cầu về đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn của nhà giáo được xác định có tính hệ thống, có kế hoạch và có các hoạt động triển khai để đáp ứng nhu cầu. Nhà giáo định kỳ được học tập, bồi dưỡng, thực tập để cập nhật kiến thức, công nghệ, nâng cao kỹ năng nghề nghiệp hoặc theo yêu cầu đặc thù của chương trình đào tạo.	2,5	2,5
4.5	Tiêu chuẩn 4.5: Đội ngũ cán bộ quản lý, viên chức, người lao động của khoa hoặc bộ môn triển khai chương trình đào tạo đáp ứng yêu cầu về trình độ chuyên môn, nghiệp vụ và thực hiện có hiệu quả nhiệm vụ trong xây dựng, tổ chức triển khai chương trình đào tạo; định kỳ được học tập, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ.	2,5	2,5
4.6	Tiêu chuẩn 4.6: Đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức, người lao động của khoa hoặc bộ môn triển khai chương trình đào tạo được hưởng các chế độ, chính sách theo quy định. Thực hiện chính sách khuyến khích đối với nhà giáo, cán bộ quản lý có thành tích để cải tiến liên tục chất lượng của chương trình đào tạo.	2,5	2,5
5	Tiêu chí 5 - Cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo và học liệu	15	15
5.1	Tiêu chuẩn 5.1: Phòng học, phòng học chuyên môn hóa, khu vực thực hành, thực nghiệm bảo đảm quy chuẩn và tiêu chuẩn cơ sở vật chất hiện hành, các yêu cầu công nghệ và bền vững môi trường. Các tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe, an toàn được xác định và triển khai bao gồm cả các nhu cầu, điều kiện thiết yếu cho người khuyết tật và không phân biệt đối xử về giới.	2,5	2,5
5.2	Tiêu chuẩn 5.2: Thiết bị, dụng cụ phục vụ đào tạo đầy đủ về số lượng, chủng loại và đáp ứng yêu cầu tổ chức thực hiện chương trình đào tạo.	2,5	2,5

5.3	Tiêu chuẩn 5.3: Thiết bị, dụng cụ phục vụ đào tạo được quản lý, bảo trì, bảo dưỡng, bố trí hợp lý, bảo đảm các yêu cầu sư phạm, an toàn sức khỏe và vệ sinh môi trường.	2,5	2,5
5.4	Tiêu chuẩn 5.4: Trường ban hành và áp dụng quy trình quản lý, cấp phát nguyên, nhiên, vật liệu. Nguyên, nhiên, vật liệu được bố trí sắp xếp gọn gàng, ngăn nắp thuận tiện; đáp ứng đầy đủ nhu cầu theo kế hoạch, tiến độ đào tạo và được tái sử dụng hiệu quả.	2,5	2,5
5.5	Tiêu chuẩn 5.5: Thư viện, nguồn học liệu đầy đủ và phù hợp; được cập nhật và áp dụng những tiến bộ về công nghệ thông tin trong quản lý, sử dụng, bảo đảm hỗ trợ hiệu quả các hoạt động dạy, học, nghiên cứu của nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức, người lao động, người học và các hoạt động khác liên quan đến việc thực hiện chương trình đào tạo.	2,5	2,5
5.6	Tiêu chuẩn 5.6: Thiết bị, dụng cụ đào tạo, các điều kiện đào tạo trực tuyến phù hợp và được cập nhật đáp ứng yêu cầu của chương trình đào tạo.	2,5	2,5
6	Tiêu chí 6 - Người học và hoạt động hỗ trợ người học	10	10
6.1	Tiêu chuẩn 6.1: Các thông tin về ngành, nghề, chương trình đào tạo, quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp; nội quy, quy chế của trường và các chế độ, chính sách đối với người học được mô tả rõ ràng, đầy đủ, công khai.	2,5	2,5
6.2	Tiêu chuẩn 6.2: Người học được bảo đảm hưởng các chế độ, chính sách theo quy định, trong đó có chính sách khen thưởng, động viên khuyến khích người học đạt kết quả cao trong học tập, rèn luyện. Người học được hỗ trợ kịp thời trong quá trình học tập để hoàn thành nhiệm vụ học tập.	2,5	2,5
6.3	Tiêu chuẩn 6.3: Người học được tư vấn học tập, tạo điều kiện tham gia các hoạt động ngoại khóa, văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao, nghiên cứu khoa học, khởi nghiệp, tư vấn về thị trường lao động, việc làm và phát triển nghề nghiệp.	2,5	2,5
6.4	Tiêu chuẩn 6.4: Các hoạt động tư vấn học tập, ngoại	2,5	2,5

	khóa, hoạt động phong trào và các dịch vụ hỗ trợ khác giúp cải thiện việc học tập và khả năng có việc làm cho người học sau tốt nghiệp. Môi trường và cảnh quan sư phạm tạo thuận lợi cho hoạt động học tập, rèn luyện và phát triển cá nhân của người học.		
7	Tiêu chí 7 - Giám sát, đánh giá chất lượng	17,5	17,5
7.1	Tiêu chuẩn 7.1: Các chính sách, quy trình, công cụ bảo đảm chất lượng về xây dựng, lựa chọn, chỉnh sửa, ban hành chương trình đào tạo được xây dựng, vận hành, đánh giá và cải tiến.	2,5	2,5
7.2	Tiêu chuẩn 7.2: Chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích tại các khu vực học tập, rèn luyện và các dịch vụ khác được giám sát, đánh giá và cải tiến.	2,5	2,5
7.3	Tiêu chuẩn 7.3: Có hệ thống khảo sát, thu thập ý kiến phản hồi từ đơn vị sử dụng lao động và các bên liên quan về mức độ đáp ứng của người tốt nghiệp, sự phù hợp của chương trình đào tạo với thực tiễn sản xuất, kinh doanh, dịch vụ. Thông tin phản hồi và nhu cầu của các bên liên quan được sử dụng làm căn cứ để thiết kế và phát triển chương trình đào tạo.	2,5	2,5
7.4	Tiêu chuẩn 7.4: Trường thực hiện tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo và thực hiện các biện pháp cải tiến chất lượng.	2,5	2,5
7.5	Tiêu chuẩn 7.5: Tỷ lệ tốt nghiệp, bỏ học và thời gian tốt nghiệp trung bình được xác lập, giám sát, đối sánh (nếu có) để cải tiến chất lượng.	2,5	2,5
7.6	Tiêu chuẩn 7.6: Dữ liệu về mức độ đạt chuẩn đầu ra của người học chương trình đào tạo được xác lập và giám sát. Mức độ hài lòng của người tốt nghiệp, đơn vị sử dụng lao động và các bên liên quan được xác lập, giám sát, đối sánh để cải tiến chất lượng.	2,5	2,5
7.7	Tiêu chuẩn 7.7: Tỷ lệ có việc làm, khởi nghiệp và tiếp tục học trình độ khác của người học sau tốt nghiệp được xác lập, giám sát và đối sánh (nếu có) để cải tiến chất lượng. Trong vòng 12 tháng kể từ khi tốt nghiệp, ít nhất 80% người học tốt nghiệp có việc làm.	2,5	2,5

Điểm đánh giá các tiêu chí

Tiêu chí	Điểm tự đánh giá
Tiêu chí 1	7,5
Tiêu chí 2	17,5
Tiêu chí 3	17,5
Tiêu chí 4	15
Tiêu chí 5	15
Tiêu chí 6	10
Tiêu chí 7	17,5
TỔNG	100/100

2.2. Tự đánh giá theo từng tiêu chí, tiêu chuẩn:

2.2.1. Tiêu chí 1: Mục tiêu, chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

*** Đánh giá tổng quát tiêu chí:**

Mục tiêu và sứ mạng của trường Cao đẳng Công nghiệp Bắc Ninh được xác định và điều chỉnh phù hợp với từng giai đoạn cụ thể: Giai đoạn 2015-2020, mục tiêu, sứ mạng của nhà trường là: "Xây dựng trường Cao đẳng Công nghiệp Bắc Ninh trở thành cơ sở giáo dục nghề nghiệp hàng đầu của tỉnh Bắc Ninh và trong cả nước...". Từ năm 2021, mục tiêu, sứ mạng của nhà trường được điều chỉnh: "Tiếp tục xây dựng nhà trường trở thành trường đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, đa ngành, đa lĩnh vực định hướng hội nhập quốc tế". Trong đó định hướng xây dựng mục tiêu chương trình đào tạo ngành Công nghệ ô tô phù hợp với mục tiêu phát triển chung của nhà trường. Mục tiêu được xây dựng phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của nhà trường đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt, và được cụ thể hóa tại Điều 6 Quy chế tổ chức và hoạt động của Nhà trường là "Tổ chức đào tạo nhân lực kỹ thuật trực tiếp trong sản xuất, dịch vụ ở các cấp trình độ cao đẳng, trung cấp, sơ cấp và thường xuyên nhằm trang bị cho người học năng lực thực hành nghề tương xứng với trình độ đào tạo, có sức khỏe, đạo đức lương tâm nghề nghiệp, ý thức kỷ luật, tác phong công nghiệp, tạo điều kiện cho họ có khả năng tìm việc làm, tự tạo việc làm hoặc tiếp tục học lên trình độ cao hơn, đáp ứng yêu cầu thị trường lao động".

Chính vì vậy qua các giai đoạn khác nhau nhà trường luôn hướng đến mục tiêu đào tạo đa ngành, đa lĩnh vực trong đó chú trọng các ngành/ngành công nghiệp, dịch vụ đáp ứng yêu cầu nhân lực của tỉnh. Đặc biệt Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Bắc Ninh lần thứ XX có quán triệt nội dung "Xây dựng trường Cao đẳng Công nghiệp Bắc Ninh trở thành trường Cao đẳng chất lượng cao". Chính vì vậy cuối năm 2020 nhà trường đã điều

chính mục tiêu, sứ mạng là “đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, đa ngành, đa lĩnh vực định hướng hội nhập quốc tế”.

Mục tiêu của chương trình đào tạo ngành Công nghệ ô tô còn được thể hiện vai trò trong việc đáp ứng nhu cầu sử dụng nhân lực của địa phương. Tỉnh Bắc Ninh là một tỉnh công nghiệp. Năm 2022, tỷ trọng khu vực công nghiệp - xây dựng chiếm 76,06%, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản chiếm 2,45%, khu vực dịch vụ 17,68%, thuế sản phẩm 3,81%. Theo báo cáo của Sở LĐTBXH cho thấy hiện nay trên địa bàn tỉnh có 20.594 doanh nghiệp, với nhu cầu lao động trong lĩnh vực công nghiệp-dịch vụ dự kiến là 155-160 nghìn lao động. Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XIX xác định cơ cấu lao động của tỉnh như sau: nông, lâm nghiệp và thủy sản: 12.9%, công nghiệp - xây dựng: 55.8%, dịch vụ 31,3%. Như vậy cơ cấu lao động trên toàn tỉnh thay đổi theo hướng nâng cao tỉ lệ lao động trong các ngành công nghiệp, dịch vụ và xây dựng, giảm lao động trong nông nghiệp.

Khoa Công nghệ ô tô được giao nhiệm vụ phụ trách chương trình đào tạo ngành Công nghệ ô tô. Trên cơ sở mục tiêu chung của nhà trường, khoa Công nghệ ô tô đã chủ động xây dựng mục tiêu của chương trình đào tạo luôn bám sát các mục tiêu, chủ trương của nhà trường và phù hợp với quy hoạch phát triển nhân lực của tỉnh và nhu cầu tuyển dụng của doanh nghiệp để xây dựng các mục tiêu theo từng giai đoạn cụ thể nhằm đáp ứng tốt nhu cầu của doanh nghiệp. Chính vì vậy sau khi tốt nghiệp trên 95% HSSV có việc làm, trong đó 86% có việc làm đúng chuyên ngành.

Trường Cao đẳng Công nghiệp Bắc Ninh là một đơn vị sự nghiệp có thu đảm bảo một phần kinh phí chi thường xuyên, luôn ổn định nên không gây xáo trộn lớn trong việc thực hiện kế hoạch hàng năm của nhà trường. Trường đã thực hiện cơ chế quản lý tài chính thống nhất, đã triển khai xây dựng và thực hiện Quy chế chi tiêu nội bộ, Quy chế cung ứng và quản lý vật tư trong đào tạo, hàng năm việc lập và điều chỉnh dự toán, kế hoạch đều căn cứ vào tình hình thực tế của Nhà trường và sự chỉ đạo của các cấp có thẩm quyền. Các nguồn kinh phí luôn được sử dụng ưu tiên cho các hoạt động đào tạo, mua sắm đầu tư trang thiết bị phục vụ nâng cao chất lượng đào tạo và nâng cao thu nhập cho cán bộ công nhân viên chức và giáo viên, đồng thời thường xuyên thực hiện tiết kiệm chi phí một cách hợp lý, có hiệu quả. Các kế hoạch, dự toán ngân sách hàng năm được lập phù hợp với mục tiêu phát triển của Nhà trường;

Công tác lập kế hoạch tài chính của Nhà trường đạt chuẩn theo các văn bản pháp quy và đáp ứng được yêu cầu về quản lý tài chính của đơn vị.

Chế độ quản lý tài chính thực hiện theo đúng quy định của Nhà nước, đảm bảo tính chính xác, minh bạch và công khai.

**** Những điểm mạnh:***

Mục tiêu, sứ mạng của Nhà trường được xác định rõ ràng theo từng giai đoạn phát triển, được công bố dưới nhiều hình thức.

Trường có đầy đủ các văn bản quy định rõ chức năng, nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức của các bộ phận trực thuộc theo hướng tự chủ, tự chịu trách nhiệm. Các bộ phận được phân cấp hợp lý, có quyền chủ động trong công việc. Trường đã thực hiện định kỳ rà soát, điều chỉnh và bổ sung các văn bản này cho phù hợp với thực tế và điều kiện của Trường;

- Nhà trường có hệ thống các quy định, quy chế quản lý nội bộ đảm bảo mọi hoạt động của nhà trường theo hướng nâng cao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm của các đơn vị. Hằng năm, đều được rà soát, điều chỉnh nhằm đảm bảo phù hợp với thực tế hoạt động của nhà trường và các văn bản của cơ quan quản lý.

- Các đơn vị trực thuộc trường được phân công, phân cấp rõ ràng về chức năng, nhiệm vụ, phù hợp với cơ cấu ngành nghề, quy mô đào tạo và mục tiêu của trường. Cơ cấu tổ chức của trường phù hợp với cơ cấu ngành nghề, quy mô đào tạo và mục tiêu của trường. Hội đồng trường và các hội đồng tư vấn nhà trường hoạt động hiệu quả, không chồng chéo theo đúng chức năng, nhiệm vụ quy định.

*** Những tồn tại:** Không

*** Kế hoạch nâng cao chất lượng.**

- Hằng năm, tiếp tục duy trì việc rà soát, điều chỉnh mục tiêu chương trình đào tạo ngành Công nghệ ô tô đảm bảo phù hợp với chiến lược phát triển chung của nhà trường, đáp ứng nhu cầu của thị trường lao động thuộc lĩnh vực điện lạnh, đặc biệt chú trọng các lĩnh vực công nghiệp.

- Tiếp tục đầu tư các nguồn lực cần thiết nhằm phát triển Khoa Công nghệ ô tô nói chung và chương trình nghề Công nghệ ô tô nói riêng thực sự trở thành chương trình chất lượng cao, đạt chuẩn quốc gia và tiệm cận chuẩn quốc tế.

Điểm đánh giá tiêu chí 1

Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm tự đánh giá
Tiêu chí 1	7,5
<i>Tiêu chuẩn 1</i>	2,5
<i>Tiêu chuẩn 2</i>	2,5
<i>Tiêu chuẩn 3</i>	2,5

Tiêu chuẩn 1.1. Mục tiêu của chương trình đào tạo được xác định rõ ràng, phù hợp với sứ mạng của trường, mục tiêu của giáo dục nghề nghiệp và nhu cầu của thị trường lao động.

*** Mô tả, phân tích, nhận định:**

- Mục tiêu của chương trình đào tạo ngành Công nghệ ô tô phù hợp mục tiêu của nhà trường

Năm 2019: Chương trình ngành Công nghệ ô tô được rà soát điều chỉnh từ chương trình đào tạo năm 2017, trong đó xây dựng mục tiêu là đào tạo nhân lực kỹ thuật trực tiếp trong sản xuất, dịch vụ có trình độ cao đẳng nhằm trang bị cho người học nghề kiến thức chuyên môn và năng lực thực hành các công việc của nghề Công nghệ ô tô trong lĩnh vực công nghiệp, có khả năng làm việc độc lập và tổ chức làm việc theo nhóm; có khả năng sáng tạo, ...

Năm 2022 và 2025: Nhà trường tiến hành rà soát, chỉnh sửa chương trình đào tạo sau 3 năm trên cơ sở mục tiêu đã xác định của ngành Công nghệ ô tô là đào tạo nhân lực kỹ thuật trực tiếp trong sản xuất, dịch vụ có trình độ cao đẳng nhằm trang bị cho người học nghề kiến thức chuyên môn và năng lực thực hành các công việc của nghề Công nghệ ô tô trong lĩnh vực công nghiệp, có khả năng làm việc độc lập và tổ chức làm việc theo nhóm ... hoàn toàn phù hợp với mục tiêu phát triển chung của nhà trường (**1.1.01 - Chương trình đào tạo ngành Công nghệ ô tô năm 2017, 2019, 2022, 2025**).

Chương trình đào tạo ngành Công nghệ ô tô được xây dựng với mục tiêu đào tạo phù hợp mục tiêu và sứ mệnh của trường Cao đẳng Công nghiệp Bắc Ninh (**1.1.02 - Đề án xây dựng và phát triển trường CĐCN Bắc Ninh; 1.1.03 - Quyết định số 371-QĐ/CĐCN ngày 11/12/2020 về việc Công bố Sổ tay chất lượng, sứ mệnh, chiến lược, chính sách chất lượng, mục tiêu chất lượng và Hệ thống đảm bảo chất lượng của Trường Cao đẳng Công nghiệp Bắc Ninh**)

Mục tiêu của chương trình đào tạo ngành Công nghệ ô tô hoàn toàn phù hợp Quy định khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học phải đạt được sau khi tốt nghiệp trình độ cao đẳng ngành Công nghệ ô tô được quy định tại Thông tư số 46/2018/TT-BLĐTBXH ngày 28 tháng 12 năm 2018 của Bộ lao động Thương binh và Xã hội.

- Mục tiêu của chương trình đào tạo ngành Công nghệ ô tô phù hợp nhu cầu thị trường lao động

Theo báo cáo của Sở LĐTBXH Bắc Ninh cho thấy hiện nay trên địa bàn tỉnh có 20.594 doanh nghiệp, với nhu cầu lao động trong lĩnh vực công nghiệp-dịch vụ dự kiến là 155-160 nghìn lao động. Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XIX xác định cơ cấu lao động của tỉnh như sau: nông, lâm nghiệp và thủy sản: 12.9%, công nghiệp - xây dựng: 55.8%, dịch vụ 31,3%. Như vậy cơ cấu lao động trên toàn tỉnh thay đổi theo hướng nâng cao tỉ lệ lao động trong các ngành công nghiệp, dịch vụ và xây dựng, giảm lao động trong nông nghiệp. Việc đào tạo nhân lực chất lượng cao ngành Công nghệ ô tô cũng nằm trong mục tiêu phát triển chung và cung cấp nhân lực chất lượng cao cho tỉnh nhà và các tỉnh lân cận đặc biệt là tỉnh Bắc Giang một tỉnh có sức nóng phát triển công nghiệp rất mạnh mẽ.

Tính đến tháng 4/2023, Bắc Ninh đã hiện có 14.159 doanh nghiệp; có 305.000 lao động làm việc trong các doanh nghiệp, trong đó các Khu công nghiệp có 159.024

người, Dự kiến trong quý II/2023 các doanh nghiệp có nhu cầu tuyển dụng khoảng trên 20.000 lao động. Như vậy phát triển nhân lực kỹ thuật qua đào tạo nói chung và nhân lực ngành Công nghệ ô tô nói riêng hoàn toàn phù hợp với xu hướng phát triển đặc biệt phù hợp với Quyết định số 1446/QĐ-TTg ngày 30 tháng 8 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ: Phê duyệt Chương trình "Đào tạo, đào tạo lại nâng cao kỹ năng nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư"

(1.1.04 - Quyết định số 680/QĐ-UBND về việc Phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch phát triển nhân lực tỉnh Bắc Ninh đến năm 2020, định hướng đến năm 2030; 1.1.05 - Nghị quyết số 12/2020/NQ-HĐND ngày 19 tháng 7 năm 2020 của ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Ninh Về Quy hoạch phát triển giáo dục - đào tạo và nguồn nhân lực; Quy hoạch thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng khoáng sản tỉnh Bắc Ninh đến năm 2030)

Sinh viên ngành Công nghệ ô tô sau khi ra trường được khẳng định vị trí việc làm và có việc làm sau tốt nghiệp đạt trên 95% *(1.1.06- Các chương trình, văn bản liên quan chương trình tổ chức ngày Hội chợ việc làm, tiếp xúc các nhà tuyển dụng năm 2022, 2023, 2024; 2025" ; 1.1.07- Ảnh chụp các hoạt động liên quan tổ chức chương trình ngày hội việc làm, tư vấn việc làm, tuyển dụng cho HSSV sau khi tốt nghiệp hàng năm 2022, 2023, 2024; 2025)*

Nhà trường thực hiện khảo sát lấy ý kiến của người học tốt nghiệp đã đi làm, ý kiến của doanh nghiệp có liên quan về tính phù hợp mục tiêu của chương trình đào tạo, thông qua đó làm căn cứ tham khảo để thực hiện công tác rà soát điều chỉnh mục tiêu đào tạo phù hợp với thực tiễn nghề nghiệp *(1.1.08- Kế hoạch khảo sát năm 2022, 2023, 2024, 2025; 1.1.09- Bộ phiếu khảo sát năm 2022, 2023, 2024, 2025; 1.1.10- Danh sách các đối tượng khảo sát năm 2022, 2023, 2024, 2025; 1.1.11- Tổng hợp phiếu khảo sát năm 2022, 2023, 2024; 1.1.12- Báo cáo kết quả khảo sát năm 2022, 2023, 2024).*

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 1.1: 2,5 điểm.

Tiêu chuẩn 2: Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo được xác định rõ ràng, đáp ứng yêu cầu của Khung trình độ quốc gia Việt Nam đối với các trình độ giáo dục nghề nghiệp, yêu cầu của ngành, nghề đào tạo, nhu cầu của người học, đơn vị sử dụng lao động, các bên liên quan khác và được công bố công khai.

**** Mô tả, phân tích, nhận định:***

- Nhà trường có văn bản giao nhiệm vụ cụ thể cho khoa Công nghệ ô tô phụ trách chương trình đào tạo ngành Công nghệ ô tô và các đơn vị có liên quan đến việc thực hiện chương trình đào tạo

Căn cứ Thông tư số 46/2016/TT-BLĐTBXH ngày 28/12/2016, văn bản hợp nhất Thông tư số 1308/VBHN-BLĐTBXH ngày 05/4/2019 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội Quy định Điều lệ Trường Cao đẳng, nhà trường đã cụ thể hóa chức năng, nhiệm vụ của các phòng, khoa tại Điều 13 Quy chế tổ chức và hoạt động của nhà trường; Thông tư số 15/2021/TT-BLĐTBXH ngày 21 tháng 10 năm 2021 quy định

về điều lệ trường cao đẳng. Trong đó quy định rõ chức năng, nhiệm vụ của từng đơn vị, không có sự trùng chéo, đảm bảo sự phân công, phân cấp quản lý hợp lý, rõ ràng. Giúp các đơn vị chủ động trong công việc của mình đồng thời tăng cường công tác phối hợp nhằm thực hiện tốt nhiệm vụ được giao (**1.2.01 - Quyết định ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của nhà trường năm 2021,2022,2023**).

Hiện nay nhà trường tổ chức đào tạo các ngành nghề theo giấy chứng nhận đã được cấp. Tất cả các ngành/ngành đào tạo của nhà trường được Tổng cục GDNN cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động GDNN: Giấy chứng nhận số 175/2017/GCNĐKHĐ-TCDN ngày 23/6/2017; số 175^a/2017/GCNĐKBS-GDNN ngày 25/8/2017; số 175^b/2017/GCNĐKBS-TCGDNN ngày 26/7/2019

Trên cơ sở giấy chứng nhận được cấp, thông qua quy chế tổ chức và hoạt động của nhà trường, Nhà trường giao nhiệm vụ cụ thể cho khoa Công nghệ ô tô phụ trách chương trình đào tạo ngành Công nghệ ô tô và các đơn vị có liên quan đến việc thực hiện chương trình đào tạo, cụ thể:

- + Khoa Công nghệ ô tô: Thực hiện kế hoạch đào tạo các nghề Công nghệ ô tô; Bảo trì và sửa chữa ô tô.

- + Phòng Đào tạo: Tham mưu giúp Hiệu trưởng, quản lý, tổ chức, triển khai thực hiện công tác đào tạo bao gồm: kế hoạch đào tạo, chương trình đào tạo 3 cấp trình độ, học liệu, tổ chức giảng dạy và chất lượng giảng dạy theo quy chế đào tạo; tổ chức các hoạt động nghiên cứu khoa học.

- + Phòng Kế toán: Tham mưu và giúp Hiệu trưởng trong lĩnh vực quản lý về tài chính, kế toán và tài sản của trường.

- + Phòng Tổ chức - Hành chính: Tham mưu và giúp Hiệu trưởng thực hiện công tác tổ chức, cán bộ; bảo vệ chính trị nội bộ; công tác quản trị hành chính - tổng hợp, văn thư - lưu trữ; công tác thi đua, khen thưởng, kỷ luật; công tác an ninh trật tự và phục vụ.

- + Phòng Công tác học sinh sinh viên: Tham mưu và giúp Hiệu trưởng tổ chức thực hiện, quản lý, giáo dục công tác chính trị - tư tưởng đối với học sinh sinh viên thông qua các hoạt động ngoại khóa và quản lý học sinh sinh viên theo quy chế công tác HSSV; Là đầu mối về các công tác liên quan đến học sinh sinh viên.

- + Phòng Quan hệ công chúng: Tham mưu cho Hiệu trưởng, làm đầu mối, chủ trì tổ chức triển khai thực hiện và quản lý công tác truyền thông và tuyển sinh các hệ đào tạo của nhà trường; thực hiện công tác quan hệ đối ngoại; thực tập sản xuất và thực tập tốt nghiệp cho học sinh sinh viên; tổ chức giới thiệu việc làm, thu thập thông tin của học sinh sinh viên sau khi tốt nghiệp.

- + Khoa Khoa học - Kinh tế - Công nghệ thông tin: Tổ chức các hoạt động giảng dạy các môn học chung, môn học cơ sở (nếu có) trình độ trung cấp, cao đẳng. Thực hiện kế hoạch đào tạo các nghề: Kế toán doanh nghiệp, Công nghệ thông tin, Quản trị mạng máy tính, Thương mại điện tử và các nghề đào tạo bổ sung.

- Mục tiêu của chương trình đào tạo ngành Công nghệ ô tô được rà soát, điều chỉnh theo quy định. công bố công khai, minh bạch

Mục tiêu của chương trình đào tạo và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo ngành Công nghệ ô tô được công bố công khai và đảm bảo các quy định. Thường xuyên rà soát chỉnh sửa chương trình đào tạo có ý nghĩa vô cùng quan trọng. Cập nhật, bổ sung kiến thức kỹ năng mới, lược bớt những kiến thức kỹ năng không còn phù hợp giúp chương trình đào tạo bắt kịp với sự phát triển của khoa học công nghệ, giúp người học thích ứng tốt hơn với các vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp. Khi thực hiện xây dựng, nhà trường căn cứ theo quy định của thông tư số 03/2017/TT-BLĐTBXH để triển khai **(1.2.01- Quyết định thành lập Tổ rà soát, biên soạn chuẩn đầu ra các ngành, nghề đào tạo năm 2022, 2025).**

Năm 2019, trước xu thế chung của các trường trong việc xây dựng chương trình đào tạo theo hướng tích lũy mô đun, nhà trường tiếp tục rà soát, chỉnh sửa chương trình đào tạo các ngành nghề từ đào tạo theo niên chế sang tích lũy mô đun đối với hầu hết các ngành nghề đang đào tạo. Năm 2022, định kỳ sau khóa học nhà trường đã tổ chức tiếp tục rà soát, chỉnh sửa chương trình đào tạo theo hướng tích lũy mô đun **(1.2.02 - Kế hoạch rà soát, biên soạn chuẩn đầu ra ngành Công nghệ ô tô năm 2022, 2025; 1.2.03 - Kế hoạch rà soát, biên soạn chuẩn đầu ra ngành Công nghệ ô tô năm 2022, 2025)**

Sau khi rà soát, các tổ rà soát từng chương trình đã có văn bản báo cáo kết quả rà soát trong đó đánh giá cụ thể những ưu điểm, hạn chế của chương trình đào tạo, những thành tựu khoa học kỹ thuật cần cập nhật, bổ sung vào chương trình chi tiết của các môn học, mô đun đào tạo của từng ngành nghề **(1.2.04 Biên bản hội thảo điều chỉnh, xây dựng chuẩn đầu ra ngành Công nghệ ô tô năm 2022, 2025).**

Căn cứ kết quả rà soát của các tổ, Ban rà soát đã làm việc với các tổ đi đến các kết luận làm căn cứ biên soạn chương trình đào tạo mới. Chương trình đào tạo sau khi được thẩm định và được Hiệu trưởng ký quyết định ban hành đã đảm bảo khắc phục được phần lớn nhưng hạn chế của chương trình cũ, cập nhật bổ sung các thành tựu khoa học kỹ thuật, tuân thủ quy định của Bộ LĐTB&XH. Hình thức công bố mục tiêu của chương trình đào tạo và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo ngành Công nghệ ô tô, trên cơ sở đã được cấp phép nhà trường đã tổ chức rà soát và xây dựng chuẩn đầu ra cho và công khai trên Website của nhà trường địa chỉ: www.bci.edu.vn, Thông qua mạng xã hội Facebook; Đài phát thanh và truyền hình Bắc Ninh; các trang thông tin tuyển sinh của Bộ lao động và các bộ ngành khác

(1.2.05 - Quyết định thành lập Hội đồng thẩm định chuẩn đầu ra các ngành, nghề đào tạo năm 2022, 2025; 1.2.06 - Ý kiến thẩm định, nghiệm thu chuẩn đầu ra ngành Công nghệ ô tô năm 2022, 2025; 1.2.07 Biên bản thẩm định, nghiệm thu chuẩn đầu ra ngành Công nghệ ô tô năm 2022, 2025; 1.2.08 - Quyết định ban hành chuẩn

đầu ra các ngành, nghề đào tạo năm 2022, 2025; **1.2.09** - Kế hoạch khảo sát thu thập ý kiến của nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức, người lao động, người học, doanh nghiệp 2023, 2024, 2025; **1.2.10** - Phiếu khảo sát ý kiến của nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức, người lao động, người học, doanh nghiệp 2023, 2024, 2025; **1.2.11** - Báo cáo tổng hợp kết quả khảo sát của nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức, người lao động, người học, doanh nghiệp 2023, 2024, 2025; **1.2.12** - Website công bố chương trình đào tạo ngành Công nghệ ô tô của trường: <https://bci.edu.vn/chuong-trinh-dao-tao-trinh-do-cao-dang-nganh-tu-dong-hoa-cong-nghiep.html>; **1.2.13** - Tờ rơi tuyển sinh các năm 2023, 2024, 2025, 2026; **1.2.14** - Văn bản tuyển sinh đến các trường THPT).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 1.2: 2,5 điểm.

Tiêu chuẩn 1.3. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo được tích hợp năng lực số cho phù hợp với yêu cầu của chuyển đổi số trong giáo dục nghề nghiệp.

*** Mô tả, phân tích, nhận định:**

Cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 đã có tác động sâu sắc đến tất cả các lĩnh vực kinh tế, xã hội, nghề nghiệp. Để đáp ứng yêu cầu trong tình hình mới và phù hợp với xu hướng phát triển trong lĩnh vực công nghệ thông tin và chuyển đổi số, căn cứ vào Quyết định số 2222/QĐ-TTg ngày 30/12/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chương trình chuyển đổi số trong giáo dục nghề nghiệp đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 và tham khảo mô đun “Năng lực số” theo Công văn số 2468/TCGDNN-ĐTCQ ngày 23/11/2023 của Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp về việc khai thác, sử dụng mô đun đào tạo “Năng lực số”, khi rà soát, cập nhật, chỉnh sửa chuẩn đầu ra nghề Công nghệ ô tô nghiệp, Nhà trường đã xác định kiến thức, kỹ năng số cơ bản và nâng cao đối với người lao động trên môi trường số; lồng ghép vào các năng lực liên quan tới kiến thức, kỹ năng số, công nghệ thông tin nhằm cung cấp các kiến thức, kỹ năng số cơ bản, nâng cao cho người học (**1.2.08** - Quyết định ban hành chuẩn đầu ra các ngành, nghề đào tạo năm 2022, 2025).

Hàng năm, Nhà trường tổ chức khảo sát lấy ý kiến của nhà giáo, cán bộ quản lý, sinh viên về chuẩn đầu ra chương trình đào tạo nhằm đánh giá khả năng ứng dụng năng lực số của chương trình đào tạo (**1.2.09** - Kế hoạch khảo sát thu thập ý kiến của nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức, người lao động, người học, doanh nghiệp 2023, 2024, 2025; **1.2.10** - Phiếu khảo sát ý kiến của nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức, người lao động, người học, doanh nghiệp 2023, 2024, 2025; **1.2.11** - Báo cáo tổng hợp kết quả khảo sát của nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức, người lao động, người học, doanh nghiệp 2023, 2024, 2025;).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 1.3: 2,5 điểm

2.2.2. Tiêu chí 2: Cấu trúc và nội dung của chương trình đào tạo, giáo trình

*** Đánh giá tổng quát tiêu chí:**

Chương trình đào tạo nghề CNOTO được lựa chọn và xây dựng theo Danh mục nghề đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng do Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành.

Hàng năm nhà trường thường xuyên xây dựng rà soát chỉnh sửa chương trình và giáo trình đào tạo, trong đó các Chương trình đào tạo nghề CNOTO được xây dựng, lựa chọn, thẩm định, ban hành, đánh giá và cập nhật theo quy định, thể hiện được khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp, sự phân bổ thời gian, trình tự thực hiện các mô đun, môn học để đảm bảo thực hiện được mục tiêu giáo dục nghề nghiệp và thể hiện được những yêu cầu tối thiểu về cơ sở vật chất, đội ngũ giáo viên để triển khai thực hiện chương trình đào tạo nhằm đảm bảo chất lượng đào tạo, phương pháp đánh giá kết quả học tập, xác định mức độ đạt yêu cầu về năng lực của người học sau khi học xong các mô đun, môn học của chương trình đào tạo. Chương trình đào tạo đảm bảo phù hợp với yêu cầu phát triển của ngành, địa phương và đất nước, phù hợp với kỹ thuật công nghệ trong sản xuất, dịch vụ và đảm bảo việc liên thông giữa các trình độ đào tạo trong hệ thống giáo dục quốc dân.

Năm 2017 thực hiện theo Luật giáo dục nghề nghiệp nghề CNOTO đã được đăng ký theo giấy chứng nhận. Năm 2019, 2022, 2025 nhà trường tiếp tục triển khai rà soát và chỉnh sửa chương trình đào tạo các ngành/ nghề trong đó có nghề CNOTO.

Giáo trình cho các mô đun, môn học của chương trình đào tạo được biên soạn hoặc lựa chọn, thẩm định, ban hành, đánh giá và cập nhật theo quy định. Giáo trình cụ thể hóa yêu cầu về nội dung kiến thức, kỹ năng của từng mô đun, môn học trong chương trình đào tạo; nội dung giáo trình phù hợp để thực hiện phương pháp dạy học tích cực và đảm bảo phù hợp với công nghệ trong sản xuất, kinh doanh, dịch vụ.

*** Những điểm mạnh:**

Chương trình, giáo trình đào tạo nghề CNOTO đáp ứng đầy đủ những kiến thức kỹ năng nghề CNOTO cho người học

Nhà trường có đầy đủ trường trình, giáo trình đào tạo cho nghề CNOTO. Nội dung chương trình được xây dựng theo hướng liên thông hợp lý. Hàng năm được rà soát, điều chỉnh và cập nhật kiến thức mới dưới sự góp ý của các giáo viên, chuyên gia và doanh nghiệp.

Chương trình, giáo trình đào tạo nghề CNOTO của nhà trường có mục tiêu được xác định rõ ràng, quy định cụ thể chuẩn kiến thức, kỹ năng, phương pháp, hình thức đào tạo cho từng trình độ đối với môn học, mô đun.

Hàng năm được rà soát, điều chỉnh và cập nhật kiến thức mới với sự góp ý của các giáo viên, chuyên gia và doanh nghiệp để chương trình, giáo trình nghề CNOTO hoàn thiện hơn.

Chương trình, giáo trình đào tạo nghề CNOTO trình độ cao đẳng của trường được xây dựng, điều chỉnh theo quy định của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

*** Những tồn tại:**

- Chương trình đào tạo, giáo trình đã được rà soát xây dựng và thẩm định; ban hành theo đúng quy định. Tuy nhiên vẫn chưa cập nhật kịp với sự phát triển nhanh chóng của ngành CNOTO hiện nay.

- Công tác đào tạo liên thông còn chưa đạt yêu cầu do nhu cầu học tập nâng cao trình độ của học viên ít, số lượng học viên đăng ký ngành chưa đáp ứng đủ tiêu chí của Trường Đại học liên kết.

*** Kế hoạch nâng cao chất lượng:**

Tiếp tục đẩy mạnh công tác xây dựng chương trình, biên soạn giáo trình cho phù hợp với cơ sở, trang thiết bị của nhà trường cũng như những thay đổi của công nghệ, đáp ứng được nhu cầu thị trường.

Tổ chức lấy ý kiến đóng góp của các doanh nghiệp về sự thích ứng với thực tế của chương trình, giáo trình đào tạo hiện tại.

Phối hợp với một số cơ sở giáo dục đại học có cùng khối nghề đào tạo nhằm thiết kế, xây dựng và công nhận liên thông về chương trình đào tạo.

Duy trì việc thu thập ý kiến nhận xét đánh giá của cán bộ, giảng viên, HSSV về chất lượng chương trình và giáo trình nhằm tạo điều kiện để thực hiện phương pháp dạy học tích cực.

Điểm đánh giá tiêu chí 2

Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm tự đánh giá
Tiêu chí 2	17,5 điểm
<i>Tiêu chuẩn 1</i>	<i>2,5 điểm</i>
<i>Tiêu chuẩn 2</i>	<i>2,5 điểm</i>
<i>Tiêu chuẩn 3</i>	<i>2,5 điểm</i>
<i>Tiêu chuẩn 4</i>	<i>2,5 điểm</i>
<i>Tiêu chuẩn 5</i>	<i>2,5 điểm</i>
<i>Tiêu chuẩn 6</i>	<i>2,5 điểm</i>
<i>Tiêu chuẩn 7</i>	<i>2,5 điểm</i>

Tiêu chuẩn 2.1: Chương trình đào tạo có đầy đủ thông tin, cấu trúc logic, có tính linh hoạt và được cập nhật, phê duyệt, ban hành.

*** Mô tả, phân tích, nhận định:**

Chương trình đào tạo của nhà trường được xây dựng và triển khai dựa trên việc tuân thủ đầy đủ các quy định, hướng dẫn của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội về

quy trình xây dựng, thẩm định, phê duyệt và ban hành chương trình đào tạo trình độ trung cấp, cao đẳng. Cụ thể, nhà trường thực hiện theo Thông tư số 03/2017/TT-BLĐTBXH quy định quy trình xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình; tổ chức biên soạn, lựa chọn, thẩm định giáo trình đào tạo. Đây là văn bản pháp lý nền tảng đảm bảo chương trình được xây dựng theo đúng trình tự, có hội đồng thẩm định, có biên bản đánh giá và quyết định ban hành theo quy định.

Bên cạnh đó, chương trình còn tuân thủ các yêu cầu về khối lượng kiến thức tối thiểu và năng lực đầu ra theo Thông tư 12/2017/TT-BLĐTBXH và Thông tư 48/2018/TT-BLĐTBXH, trong đó quy định cụ thể năng lực mà người học phải đạt được sau khi tốt nghiệp đối với các ngành thuộc lĩnh vực kỹ thuật điện, điện tử và viễn thông (trong đó có nghề ...). Nhà trường đã đối chiếu chương trình với khung năng lực quy định trong các Thông tư nêu trên để đảm bảo nội dung đào tạo phù hợp, không vượt hoặc thiếu khối lượng kiến thức tối thiểu.

Ngoài ra, chương trình cũng được xây dựng theo Thông tư 27/2017/TT-BLĐTBXH về đào tạo liên thông giữa các trình độ, đảm bảo tính linh hoạt, có thể kết nối với các trình độ cao hơn, phù hợp với lộ trình học tập của người học và nhu cầu phát triển nguồn nhân lực.

- Nhà trường đã ban hành các quy trình xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo; tổ chức biên soạn, lựa chọn, thẩm định, duyệt và sử dụng giáo trình đào tạo như “*Quy trình xây dựng, lựa chọn, bổ sung, điều chỉnh chương trình đào tạo*”, quy trình này căn cứ theo Điều 6 - Thông tư 03/2017/TT-BLĐTBXH, **(2.1.01– Quyết định số 445/QĐ-CĐCN ngày 23/12/2021 “Ban hành 19 quy trình bổ sung vào hệ thống cơ sở dữ liệu và hệ thống công cụ bảo đảm chất lượng năm 2021; 2.1.02 – Quyết định số 223/QĐ-CĐCN ngày 27/5/2024 Ban hành “Quy định quy trình xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo; tổ chức biên soạn, lựa chọn, thẩm định, duyệt và sử dụng giáo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng”**

- Nhà trường xây dựng kế hoạch rà soát, chỉnh sửa chương trình đào tạo ngành Công nghệ ô tô **(2.1.03 –Kế hoạch số 15/ KH-CĐCN ngày 28/2/2022 “Kế hoạch rà soát, chỉnh sửa chương trình và xây dựng giáo trình đào tạo các ngành nghề năm 2022”; Kế hoạch số 01/ KH-CĐCN ngày 03/01/2025 “Kế hoạch xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo; tổ chức biên soạn, lựa chọn, thẩm định, duyệt và sử dụng giáo trình đào tạo trình độ Sơ cấp, trình độ Trung cấp, trình độ Cao đẳng các ngành, nghề năm 2025”)**.

- Tiếp đó, Nhà trường thành lập Ban chủ nhiệm chương trình đào tạo ngành Công nghệ ô tô:

+ Danh sách trích ngang Ban chủ nhiệm xây dựng chương trình nghề Công nghệ ô tô năm 2022 (**(2.1.04 – Quyết định số 91/QĐ-CĐCN ngày 22/3/2022 về việc Thành lập ban chủ nhiệm rà soát, chỉnh sửa chương trình đào tạo các ngành nghề năm 2022)**).

+ Danh sách trích ngang Ban chủ nhiệm xây dựng chương trình nghề Công nghệ ô tô năm 2025 (**2.1.05** – *Quyết định số 84/QĐ-CĐCN ngày 11/02/2025 về việc Thành lập Ban chủ nhiệm xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo; tổ chức biên soạn, lựa chọn, thẩm định, duyệt và sử dụng giáo trình đào tạo trình độ Sơ cấp, trình độ Trung cấp, trình độ Cao đẳng các ngành, nghề năm 2025*).

- Nhà trường thành lập Ban rà soát và xây dựng/ Tổ biên soạn chương trình đào tạo ngành Công nghệ ô tô gồm các giảng viên lâu năm có nhiều kinh nghiệm giảng dạy nghề Công nghệ ô tô và các chuyên gia đến từ các doanh nghiệp đối tác :

+ Danh sách trích ngang Ban rà soát, chỉnh sửa chương trình đào tạo ngành Công nghệ ô tô năm 2022 (**2.1.06** – *Quyết định số 92/QĐ-CĐCN ngày 22/3/2022 về việc thành lập ban rà soát, chỉnh sửa chương trình đào tạo năm 2022*).

+ Danh sách trích ngang Tổ biên soạn chương trình đào tạo ngành Công nghệ ô tô năm 2025 (**2.1.07** – *Quyết định số 91/QĐ-CĐCN ngày 14/02/2025 về Thành lập tổ biên soạn chương trình đào tạo, giáo trình đào tạo trình độ Sơ cấp, trình độ Trung cấp, trình độ Cao đẳng, trình độ Cao đẳng liên thông các ngành, nghề năm 2025*).

- Ban chủ nhiệm, ban rà soát, chỉnh sửa chương trình đào tạo ngành Công nghệ ô tô đã tiến hành các cuộc họp để thực hiện đúng theo “*Quy trình xây dựng, lựa chọn, bổ sung, điều chỉnh chương trình đào tạo*” kết hợp với Thông tư 48/2018/TT-BLĐTBXH ngày 28 tháng 12 năm 2018 ban hành quy định khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng trong việc: “Xác định mục tiêu của chương trình, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp đối với ngành, nghề đào tạo; xác định thời gian, khối lượng kiến thức, kỹ năng và nội dung để đưa vào chương trình đào tạo trên cơ sở tiêu chuẩn kỹ năng nghề, chuẩn đầu ra theo cấp trình độ của ngành, nghề đào tạo; Thiết kế cấu trúc chương trình đào tạo, xác định danh mục các môn học, mô đun, thời gian và phân bổ thời gian thực hiện; Thiết kế đề cương chi tiết các môn học, mô đun theo chương trình đào tạo đã xác định, yêu cầu và cách thức đánh giá kết quả học tập của người học; Tổ chức biên soạn chương trình đào tạo, chương trình chi tiết các môn học, mô đun, xây dựng phụ lục “Sơ đồ quan hệ và tiến trình đào tạo các môn học, mô đun” kèm theo chương trình đào tạo đảm bảo phù hợp với trình tự của logic nhận thức, logic sư phạm.

Ban rà soát, chỉnh sửa chương trình đào tạo Công nghệ ô tô tiếp thu trực tiếp các ý kiến đóng góp của Quản lý khoa, các Giảng viên của Khoa Công nghệ ô tô trong quá trình rà soát, xây dựng CTĐT thông qua các cuộc họp chuyên môn của Khoa về rà soát, chỉnh sửa CTĐT, các cuộc họp tổ rà soát, xây dựng. (**2.1.08** – *Các biên bản họp ban rà soát, xây dựng chương trình đào tạo ngành Công nghệ ô tô năm 2022; 2.1.09 - Các biên bản họp tổ biên soạn chương trình đào tạo ngành Công nghệ ô tô năm 2025*).

Sau khi tiếp thu các ý kiến đóng góp, tiểu ban xây dựng rà soát, xây dựng chương trình đào tạo ngành CNOTO trình độ cao đẳng đã hoàn thành “Dự thảo chương trình đào tạo ngành CNOTO độ cao đẳng” và tiến hành Hội thảo lấy ý kiến của chuyên gia là giảng viên trong và ngoài trường, cán bộ quản lý, các nhà khoa học, đơn vị sử dụng lao động về Dự thảo này (**2.1.10 – Giấy mời tham dự Hội thảo góp ý, thẩm định chương trình đào tạo ngành Công nghệ ô tô năm 2022, 2025; 2.1.11 - Phiếu xin ý kiến của chuyên gia là giảng viên của trong và ngoài trường, cán bộ quản lý, các nhà khoa học, đơn vị sử dụng lao động về Dự thảo Chương trình đào tạo ngành Công nghệ ô tô năm 2022, 2025**);

- Sau khi tiếp thu ý kiến góp ý của chuyên gia là giảng viên của trong và ngoài trường, cán bộ quản lý, các nhà khoa học, đơn vị sử dụng lao động về Dự thảo chương trình ngành Công nghệ ô tô, tiểu ban biên soạn hợp và tiếp tục chỉnh sửa, bổ sung, khắc phục những tồn tại, thiếu sót để hoàn chỉnh Dự thảo Chương trình đào tạo ngành Công nghệ ô tô, tiến hành tổ chức thẩm định chương trình đào tạo này.

Nhà trường ban hành Quyết định thành lập Hội đồng thẩm định đáp ứng đúng tiêu chuẩn theo Điều 11-Thông tư số 03/2017/TT-BLĐTBXH:

+ Danh sách trích ngang Hội đồng thẩm định Chương trình đào tạo ngành Công nghệ ô tô trình độ cao đẳng năm 2022 (**2.1.12 - Quyết định số 225/QĐ-CĐCN ngày 20/6/2022 Thành lập Hội đồng thẩm định chương trình đào tạo năm 2022**).

+ Danh sách trích ngang Hội đồng thẩm định Chương trình đào tạo ngành Công nghệ ô tô trình độ cao đẳng năm 2025 (**2.1.13 - Quyết định số 92/QĐ-CĐCN ngày 14/02/2025 về việc Thành lập Hội đồng thẩm định chương trình đào tạo, giáo trình đào tạo trình độ Sơ cấp, trình độ Trung cấp, trình độ Cao đẳng, trình độ Cao đẳng liên thông các ngành, nghề năm 2025**).

Đối với 6 môn học chung của các chương trình đào tạo các nghề, Nhà trường thực hiện đúng nội dung trong các thông tư số 10/2018/TT-BLĐTBXH, thông tư số 11/2018/TT-BLĐTBXH, thông tư số 12/2018/TT-BLĐTBXH, thông tư số 13/2018/TT-BLĐTBXH, thông tư số 24/2018/TT-BLĐTBXH, thông tư số 03/2019/TT-BLĐTBXH. Trong đó các môn học Giáo dục quốc phòng và an ninh, Tin học, Giáo dục thể chất, Pháp luật, Giáo dục chính trị, Tiếng Anh được giữ nguyên nội dung và phân phối thời gian theo quy định (**2.1.14- Quyết định số 01/QĐ-CĐN ngày 02/01/2019 Ban hành 5 môn học thuộc khối các môn học chung trong chương trình đào tạo trình độ Trung cấp, trình độ Cao đẳng; 2.1.15 - Quyết định số 70/QĐ-CĐN ngày 28/02/2019 Ban hành chương trình môn học MH06: Tiếng Anh thuộc khối các môn học chung trong chương trình đào tạo trình độ Trung cấp, trình độ Cao đẳng**).

Tất cả các ý kiến đóng góp, nhận xét, đánh giá của các phản biện và các thành viên của Hội đồng thẩm định Chương trình đào tạo ngành Công nghệ ô tô năm 2022, 2025 đều được đưa vào biên bản trong quá trình thẩm định (**2.1.16 - Phiếu phản biện,**

phiếu đánh giá và biên bản thẩm định Chương trình đào tạo ngành Công nghệ ô tô năm 2022;2025).

- Sau khi Chương trình đào tạo ngành Công nghệ ô tô được được Hội đồng thẩm định đồng ý thông qua, nghiệm thu. Chủ tịch Hội đồng thẩm định báo cáo kết quả thẩm định Chương trình đào tạo ngành Công nghệ ô tô để Hiệu trưởng Nhà trường xem xét, quyết định ban hành chương trình đào tạo này (**2.1.17** – *Biên bản nghiệm thu Chương trình đào tạo ngành Công nghệ ô tô năm 2022; 2025*; **2.1.18** – *Quyết định số 339/QĐ-CĐCN ngày 22/8/2022 về việc “Ban hành chương trình đào tạo trình độ Trung cấp, trình độ cao đẳng năm 2022”*; **2.1.19** – *Quyết định số 263/QĐ-CĐCN ngày 12/6/2025 về việc “Ban hành chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng năm 2025”*).

- Chương trình đào tạo ngành Công nghệ ô tô được cập nhật và đánh giá theo đúng quy định tại Điều 9 - Thông tư 03/2017/TT-BLĐTBXH về thời gian ít nhất 03 năm 01 lần (Năm 2019, sửa đổi, cập nhật, bổ sung bộ Chương trình đào tạo ngành Công nghệ ô tô năm 2017; Năm 2022, sửa đổi, cập nhật, bổ sung bộ Chương trình đào tạo ngành Công nghệ ô tô năm 2019; Năm 2025, sửa đổi, cập nhật, bổ sung bộ Chương trình đào tạo ngành Công nghệ ô tô năm 2022). Việc sửa đổi, cập nhật, bổ sung những nội dung trong chương trình đào tạo được thực hiện theo các bước quy định tại Điều 6, Điều 7 - Thông tư 03/2017/TT-BLĐTBXH. Chương trình đào tạo ngành Công nghệ ô tô sau khi được sửa đổi, cập nhật, bổ sung thành Chương trình đào tạo đã được hoàn thiện, Hội đồng chuyên môn đề xuất Hiệu trưởng Nhà trường xem xét, quyết định ban hành.

Để đáp ứng được xu hướng phát triển của xã hội, Ban xây dựng chương trình nghề Công nghệ ô tô trình độ Cao đẳng đã lấy ý kiến của ý kiến của nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức, người lao động, người học, doanh nghiệp về Chương trình đào tạo ngành Công nghệ ô tô (**1.2.09** - *Kế hoạch khảo sát thu thập ý kiến của nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức, người lao động, người học, doanh nghiệp 2023, 2024, 2025*; **1.2.10** - *Phiếu khảo sát ý kiến của nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức, người lao động, người học, doanh nghiệp 2023, 2024, 2025*; **1.2.11** - *Báo cáo tổng hợp kết quả khảo sát của nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức, người lao động, người học, doanh nghiệp 2023, 2024, 2025*).

Kết quả khảo sát của nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức, người lao động về câu hỏi “*Chương trình đào tạo có đầy đủ thông tin, cấu trúc logic, có tính linh hoạt và được cập nhật, phê duyệt, ban hành*”

Như vậy, Chương trình đào tạo có đầy đủ thông tin, cấu trúc logic, có tính linh hoạt và được cập nhật, phê duyệt, ban hành.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 2.1: 2,5 điểm

2.2. Tiêu chuẩn 2.2: *Nội dung chương trình đào tạo đáp ứng sự thay đổi của khoa học, công nghệ, yêu cầu trong sản xuất, kinh doanh, dịch vụ và nhu cầu của thị trường lao động hoặc của ngành, địa phương.*

*** Mô tả, phân tích, nhận định:**

Công nghệ ô tô được xác định là một trong các nghề đào tạo mũi nhọn của nhà trường theo xu thế phát triển của khoa học, kỹ thuật trong các ngành, lĩnh vực của địa phương và đất nước. Nhà trường xác định điều chỉnh, cập nhật chương trình đào tạo là nhiệm vụ quan trọng nhằm từng bước đưa chương trình dạy nghề sát với thực tế sản xuất của doanh nghiệp và cập nhật các tiến bộ khoa học công nghệ vào giảng dạy đảm bảo phù hợp với yêu cầu phát triển của ngành, địa phương và đất nước, phù hợp với kỹ thuật công nghệ trong sản xuất, dịch vụ. Do vậy trong Đề án thành lập Trường và đề án Trường chất lượng cao, Trường Cao đẳng Công nghiệp Bắc Ninh đã xác định rõ mục tiêu phát triển: “Tiếp tục xây dựng Nhà trường trở thành Trường đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, đa ngành, đa lĩnh vực định hướng hội nhập Quốc tế. Là cơ sở giáo dục nghề nghiệp có uy tín, chất lượng cao, cấp độ khu vực ASEAN”, với phương châm: “Trật tự kỷ cương, khách quan, công bằng, sáng tạo và hiệu quả”, (2.2.01 – Đề án thành lập trường Cao đẳng, Đề án trường chất lượng cao năm 2021; 2.2.02 – Quyết định 1662/QĐ-UBND của Chủ tịch UBND Bắc Ninh về việc “Phê duyệt Dự án đầu tư và phát triển trường Cao đẳng Công nghiệp Bắc Ninh đến năm 2025 trở thành trường chất lượng cao”). Đáp ứng nhu cầu lao động của thị trường cả về số lượng, chất lượng và cơ cấu lao động là phương châm hoạt động của trường; trong đó, Nhà trường xác định việc xây dựng các chương trình đào tạo đảm bảo tính thực tiễn và đáp ứng sự thay đổi của thị trường lao động là hết sức cần thiết. Căn cứ điều 3 chương II Thông tư 03/2017/TT-BLĐTBXH ngày 01/3/2017 của Bộ LĐTBXH: Nội dung chương trình đào tạo phải phù hợp với yêu cầu phát triển của nghề, địa phương và đất nước, phù hợp với kỹ thuật công nghệ trong sản xuất, dịch vụ, Nhà trường khi xây dựng, chỉnh sửa các Chương trình đào tạo ngành Công nghệ ô tô có nội dung đáp ứng sự thay đổi của khoa học, công nghệ, yêu cầu trong sản xuất, kinh doanh, dịch vụ và nhu cầu của thị trường lao động, đảm bảo tính thực tiễn và đáp ứng sự thay đổi của thị trường lao động

Tất cả các mô đun, môn học của Chương trình đào tạo ngành Công nghệ ô tô năm 2022, 2025 được thông qua Hội đồng thẩm định chương trình, được lấy ý kiến của Nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức, người lao động, người học, doanh nghiệp hàng năm (năm 2023, 2024, 2025). Các ý kiến đóng góp và đánh giá của họ đều nhất trí là Nội dung chương trình đào tạo đáp ứng sự thay đổi của khoa học, công nghệ, yêu cầu trong sản xuất, kinh doanh, dịch vụ và nhu cầu của thị trường lao động hoặc của ngành, địa phương (1.2.09 - Kế hoạch khảo sát thu thập ý kiến của nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức, người lao động, người học, doanh nghiệp 2023, 2024, 2025; 1.2.10 - Phiếu khảo sát ý kiến của nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức, người lao động, người học, doanh

nghiệp 2023, 2024, 2025; **1.2.11** - Báo cáo tổng hợp kết quả khảo sát của nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức, người lao động, người học, doanh nghiệp 2023, 2024, 2025).

Kết quả khảo sát của nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức, người lao động về câu hỏi “*Nội dung chương trình đào tạo đáp ứng sự thay đổi của khoa học, công nghệ, yêu cầu trong sản xuất, kinh doanh, dịch vụ và nhu cầu của thị trường lao động hoặc của ngành, địa phương*”

*** So sánh sự thay đổi trong chương trình đào tạo qua các lần chỉnh sửa**

Chương trình ngành Công nghệ ô tô năm 2019 đào tạo có tổng giờ là 3225 giờ - 128 tín chỉ gồm có 37 môn học, mô đun; Khối lượng lý thuyết 898 giờ; khối lượng thực hành, thực tập, thí nghiệm 23275 giờ (Theo Quyết định số 256/QĐ-CĐCN ngày 06/09/2019 Ban hành năm 2019).

TT	Mã MH/ MD	Tên môn học, mô đun	Số tín chỉ	Thời gian đào tạo (giờ)			
				Tổng số	Trong đó		
					Lý thuyết	Thực hành/ thực tập/ thí nghiệm/ thảo luận	Kiểm tra
	I	Các môn học chung	29	435	157	255	23
1	MH 01	Giáo dục chính trị	5	75	41	29	5
2	MH 02	Pháp luật	2	30	18	10	2
3	MH 03	Giáo dục thể chất	4	60	5	51	4
4	MH 04	Giáo dục quốc phòng và an ninh	5	75	36	35	4
5	MH 05	Tin học	5	75	15	58	2
6	MH 06	Tiếng Anh	8	120	42	72	6
	II.	Các môn học, mô đun chuyên môn	99	2790	741	1882	167
	II.1	Môn học, mô đun cơ sở	28	480	258	182	40
7	MH 07	Kỹ thuật điện	2	30	20	8	2
8	MH 08	Kỹ thuật điện tử	2	30	22	6	2
9	MH 09	Cơ kỹ thuật	4	60	38	18	4

10	MH 10	Vật liệu cơ khí	2	30	24	4	2
11	MH 11	Dung sai lắp ghép và đo lường kỹ thuật	2	30	19	9	2
12	MH 12	Vẽ kỹ thuật cơ khí	3	45	25	15	5
13	MH 13	Công nghệ khí nén - thủy lực ứng dụng	2	30	26	2	2
14	MH 14	Nhiệt kỹ thuật	2	30	23	5	2
15	MH 15	An toàn vệ sinh lao động	2	30	16	12	2
16	MĐ 16	Thực hành AUTOCAD	2	45	15	27	3
17	MĐ 17	Sử dụng dụng cụ cầm tay	3	75	15	52	8
18	MĐ 18	Thực hành Hàn	2	45	15	24	6
	II.2	Các môn học, mô đun chuyên môn ngành	71	2310	483	1700	127
19	MH 19	Kỹ thuật chung về ô tô và công nghệ sửa chữa	2	30	20	8	2
20	MĐ 20	Bảo dưỡng và sửa chữa cơ cấu trục khuỷu - thanh truyền và bộ phận cố định của động cơ	4	105	30	68	7
21	MĐ 21	Bảo dưỡng và sửa chữa hệ thống phân phối khí	2	60	15	39	6
22	MĐ 22	Bảo dưỡng và sửa chữa hệ thống bôi trơn và hệ thống làm mát	2	60	15	39	6
23	MĐ 23	Bảo dưỡng và sửa chữa hệ thống nhiên liệu động cơ xăng dùng bộ chế hòa khí	2	45	15	24	6
24	MĐ 24	Bảo dưỡng và sửa chữa hệ thống nhiên liệu động cơ diesel	4	90	28	55	7

25	MĐ 25	Bảo dưỡng và sửa chữa trang bị điện ô tô	5	150	45	97	8
26	MĐ 26	Bài tập tổng hợp chẩn đoán, sửa chữa Pan động cơ	8	300	30	262	8
27	MĐ 27	Bảo dưỡng và sửa chữa hệ thống truyền lực	4	105	30	68	7
28	MĐ 28	Bảo dưỡng và sửa chữa hệ thống di chuyển	2	45	15	24	6
29	MĐ 29	Bảo dưỡng và sửa chữa hệ thống lái	2	45	15	24	6
30	MĐ 30	Bảo dưỡng và sửa chữa hệ thống phanh	2	60	15	39	6
31	MĐ 31	Bài tập nâng cao bảo dưỡng và sửa chữa ô tô	8	300	30	262	8
32	MĐ 32	Bảo dưỡng và sửa chữa hệ thống phun xăng điện tử	2	60	20	34	6
33	MĐ 33	Bảo dưỡng và sửa chữa hệ thống phanh ABS	2	60	15	39	6
34	MĐ 34	Bảo dưỡng và sửa chữa hệ thống điều hòa không khí trên ô tô	2	60	15	39	6
35	MĐ 35	Bảo dưỡng và sửa chữa hộp số tự động ô tô	2	60	15	39	6
36	MĐ 36	Thực tập tốt nghiệp	11	450	15	425	10
37	MĐ 37	Đồ án tốt nghiệp	5	225	100	115	10
Tổng cộng			128	3225	898	2137	190

Chương trình ngành Công nghệ ô tô năm 2022 đào tạo gồm 35 môn học, mô đun; tổng số giờ đào tạo **3190** giờ, 122 tín chỉ; Khối lượng lý thuyết 962 giờ; khối lượng thực hành, thực tập, thí nghiệm 2228 giờ chương trình đảm bảo về chuẩn đầu ra của sinh viên hệ cao đẳng ngành Công nghệ ô tô (Theo Quyết định số 339/QĐ-CDCN ngày 22/8/2022 Ban hành năm 2022).

TT	Tên môn học, mô đun	Thời gian đào tạo (giờ)
----	---------------------	-------------------------

	Mã MH, MĐ		Số tín chỉ	Tổng số	Trong đó		
					Lý thuyết	Thực hành/ thực tập/thí nghiệm/ bài tập/thảo luận	Kiểm tra
	I	Các môn học chung	29	435	157	255	23
1	MH 01	Giáo dục chính trị	5	75	41	29	5
2	MH 02	Pháp luật	2	30	18	10	2
3	MH 03	Giáo dục thể chất	4	60	5	51	4
4	MH 04	Giáo dục quốc phòng và an ninh	5	75	36	35	4
5	MH 05	Tin học	5	75	15	58	2
6	MH 06	Tiếng Anh	8	120	42	72	6
	II	Các môn học, mô đun đào tạo chuyên ngành	93	2755	805	1853	97
	<i>II.1</i>	<i>Các môn học, mô đun kỹ thuật cơ sở</i>	28	525	270	222	33
7	MH 07	Kỹ thuật điện	2	30	23	5	2
8	MH 08	Kỹ thuật điện tử	2	30	22	6	2
9	MH 09	Cơ kỹ thuật	4	60	39	17	4
10	MH 10	Vật liệu cơ khí	2	30	24	4	2
11	MH 11	Dung sai lắp ghép và đo lường kỹ thuật	2	30	20	8	2
12	MH 12	Vẽ kỹ thuật cơ khí	4	60	29	27	4
13	MH 13	Công nghệ khí nén - thủy lực ứng dụng	2	30	26	2	2
14	MH 14	An toàn vệ sinh lao động	2	30	22	6	2
15	MĐ 15	Thực hành Autocad	2	60	20	37	3
16	MĐ 16	Gia công chi tiết và cụm chi tiết bằng dụng cụ cầm tay	4	120	30	82	8

17	MĐ 17	Thực hành Hàn	2	45	15	28	2
	II.2	<i>Các môn học, mô đun chuyên môn ngành</i>	65	2230	535	1631	64
18	MH 18	Kỹ thuật chung về ô tô và công nghệ sửa chữa	3	45	35	7	3
19	MĐ 19	Bảo dưỡng và sửa chữa cơ cấu trục khuỷu - thanh truyền và bộ phận cố định của động cơ	4	120	35	81	4
20	MĐ 20	Bảo dưỡng và sửa chữa hệ thống phân phối khí	2	60	20	38	2
21	MĐ 21	Bảo dưỡng, sửa chữa hệ thống bôi trơn và hệ thống làm mát	2	60	20	38	2
22	MĐ 22	Bảo dưỡng và sửa chữa hệ thống nhiên liệu động cơ xăng dùng bộ chế hòa khí	2	45	20	23	2
23	MĐ 23	Bảo dưỡng và sửa chữa hệ thống nhiên liệu động cơ diesel	3	95	32	60	3
24	MĐ 24	Bảo dưỡng và sửa chữa trang bị điện ô tô	5	150	44	101	5
25	MĐ 25	Bảo dưỡng và sửa chữa hệ thống truyền lực	4	120	35	81	4
26	MĐ 26	Bảo dưỡng và sửa chữa hệ thống di chuyển	2	45	16	27	2
27	MĐ 27	Bảo dưỡng và sửa chữa hệ thống lái	2	45	16	27	2
28	MĐ 28	Bảo dưỡng và sửa chữa hệ thống phanh	2	60	20	38	2
29	MĐ 29	Bảo dưỡng và sửa chữa hệ thống phun xăng điện tử	2	60	22	36	2
30	MĐ 30	Bảo dưỡng và sửa chữa hệ thống phanh ABS	2	60	16	42	2

31	MĐ 31	Bảo dưỡng và sửa chữa hệ thống điều hòa không khí trên ô tô	2	60	17	41	2
32	MĐ 32	Bảo dưỡng và sửa chữa hộp số tự động ô tô	2	60	17	41	2
33	MĐ 33	Thực hành chẩn đoán và sửa chữa ô tô	5	200	40	150	10
34	MĐ 34	Thực tập tốt nghiệp	16	720	50	660	10
35	MĐ 35	Đồ án tốt nghiệp	5	225	80	140	5
Tổng cộng			122	3190	962	2108	120

Chương trình đào tạo năm 2022 Tập trung rút gọn các môn học mô đun cơ bản và tăng thời gian học cho các môn học chuyên ngành đồng thời rút ngắn thời gian đào tạo theo định hướng chung của nhà trường nhưng vẫn đảm bảo về chuẩn đầu ra.

Chương trình đào tạo nghề Công nghệ ô tô trình độ cao đẳng năm 2025 có tổng số giờ tín chỉ là 3096 giờ - 106 tín chỉ, gồm có 34 môn học, mô đun trong đó có 2 môn học, mô đun là môn tự chọn chuyên sâu. Khối lượng lý thuyết 943 giờ; khối lượng thực hành, thực tập, thí nghiệm 2153 giờ (*Theo Quyết định số 263/QĐ-CĐCN ngày 12/06/2025 Ban hành năm 2025*)

Mã MH, MĐ	Tên môn học, mô đun	Số tín chỉ	Thời gian đào tạo (giờ)			
			Tổng số	Trong đó		
				Lý thuyết	Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập	Thi/ Kiểm tra
I	Các môn học chung					
MH 01	Giáo dục chính trị	5	75	41	29	5
MH 02	Pháp luật	2	30	18	10	2
MH 03	Giáo dục thể chất	2	60	5	51	4
MH 04	Giáo dục quốc phòng và an ninh	3	75	36	35	4

MH 05	Tin học	3	75	15	58	2
MH 06	Tiếng Anh	4	120	42	72	6
II	Các môn học, mô đun đào tạo chuyên ngành					
II.1	Môn học, mô đun cơ sở					
MĐ 07	Bảo vệ môi trường, sử dụng hiệu quả năng lượng và tài nguyên	1	36	6	22	8
MH 08	Kỹ thuật điện - điện tử	3	45	33.5	7	4.5
MH 09	Cơ kỹ thuật	3	45	30	10.5	4.5
MH 10	Vật liệu cơ khí	2	30	23.5	3	3.5
MH 11	Dung sai lắp ghép và đo lường kỹ thuật	2	30	18.5	8	3.5
MH 12	Vẽ kỹ thuật cơ khí	3	45	24.5	14	6.5
MH 13	Công nghệ khí nén - thủy lực ứng dụng	2	30	24.5	2	3.5
MH 14	An toàn vệ sinh lao động	2	30	21.5	5	3.5
MĐ 15	Thực hành Autocad	2	45	16	23	6
MĐ 16	Gia công chi tiết và cụm chi tiết bằng dụng cụ cầm tay	2	90	20	58	12
MĐ 17	Thực hành Hàn	2	45	8	31	6
II.2	Môn học, mô đun chuyên môn					
MH 18	Kỹ thuật chung về ô tô và công nghệ sửa chữa	3	45	34	6.5	4.5
MĐ 19	Bảo dưỡng, sửa chữa cơ cấu trục khuỷu - thanh truyền và bộ phận cố định của động cơ	4	120	35	75	10
MĐ 20	Bảo dưỡng, sửa chữa hệ thống phân phối khí	2	60	20	32	8
MĐ 21	Bảo dưỡng, sửa chữa hệ thống bôi trơn và hệ thống làm mát	2	60	20	32	8
MĐ 22	Bảo dưỡng, sửa chữa hệ thống nhiên liệu động cơ xăng	3	90	29	52	9
MĐ 23	Bảo dưỡng, sửa chữa hệ thống nhiên liệu động cơ diesel	4	135	43	81	11

MĐ 24	Bảo dưỡng, sửa chữa trang bị điện ô tô	5	150	45	94	11
MĐ 25	Bảo dưỡng, sửa chữa hệ thống truyền lực ô tô	4	120	35	75	10
MĐ 26	Bảo dưỡng, sửa chữa hệ thống di chuyển và hệ thống lái	2	75	24	42	9
MĐ 27	Bảo dưỡng, sửa chữa hệ thống phanh	2	60	20	32	8
MĐ 28	Bảo dưỡng, sửa chữa hệ thống phanh ABS	2	60	20	32	8
MĐ 29	Bảo dưỡng, sửa chữa hệ thống điều hòa không khí trên ô tô	2	60	20	32	8
MĐ 30	Bảo dưỡng, sửa chữa hộp số tự động ô tô	2	60	20	32	8
MĐ 31	Thực tập tốt nghiệp	16	720	50	660	10
MĐ 32	Đồ án tốt nghiệp	5	225	100	120	5
II.3	Môn học, mô đun tự chọn nâng cao					
<i>Chuyên sâu Bảo dưỡng, sửa chữa xe ô tô điện</i>						
MĐ 33	Kỹ thuật lái xe ô tô	2	60	15	37	8
MĐ 34	Bảo dưỡng, sửa chữa xe ô tô điện	3	90	30	51	9
<i>Chuyên sâu Hệ thống xe tự hành trong chuỗi cung ứng</i>						
MĐ 33	Kỹ thuật lái xe ô tô	2	60	15	37	8
MĐ 35	Hệ thống xe tự hành trong chuỗi cung ứng	3	90	30	51	9
Tổng cộng		106	3096	943	1924	229

Theo định hướng phát triển và xu thế chung trong đào tạo chuyên ngành, năm 2025 nhà trường tiến hành rà soát, chỉnh sửa và cập nhật chương trình, đồng thời bổ sung một số mô đun tự chọn mang tính chuyên sâu để đáp ứng yêu cầu thực tiễn của các doanh nghiệp tuyển dụng. Việc cập nhật này giúp sinh viên định hướng nghề nghiệp và xác định vị trí việc làm phù hợp ngay từ đầu, đồng thời hỗ trợ các doanh nghiệp lựa chọn được nguồn nhân lực đáp ứng đúng nhu cầu, hạn chế việc phải tốn thêm chi phí và thời gian đào tạo lại sau khi tuyển dụng.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 2.2: 2,5 điểm

Tiêu chuẩn 2.3: *Chương trình đào tạo được thiết kế và phát triển dựa trên nhu cầu và phản hồi của các bên liên quan, bảo đảm đạt được chuẩn đầu ra. Mỗi môn học, mô-đun phải thể hiện vị trí, vai trò và tiến trình đạt được chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo.*

*** Mô tả, phân tích, nhận định:**

Đáp ứng nhu cầu của thị trường lao động luôn là ưu tiên hàng đầu của Nhà trường, vì vậy, khi xây dựng chương trình, Nhà trường đều mời các đại diện cho các doanh nghiệp tham gia, sự đóng góp của các chuyên gia trong lĩnh vực chuyên ngành giúp cho Nhà trường điều chỉnh chương trình theo sát với thực tế. Khi thẩm định các chương trình, Nhà trường cũng mời đại diện các doanh nghiệp, đại diện cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục nghề nghiệp tham gia Hội đồng thẩm định (2.1.12 - Quyết định số 225/QĐ-CĐCN ngày 20/6/2022 Thành lập Hội đồng thẩm định chương trình đào tạo năm 2022; 2.1.13 - Quyết định số 92/QĐ-CĐCN ngày 14/02/2025 về việc Thành lập Hội đồng thẩm định chương trình đào tạo, giáo trình đào tạo trình độ Sơ cấp, trình độ Trung cấp, trình độ Cao đẳng, trình độ Cao đẳng liên thông các ngành, nghề năm 2025).

Căn cứ vào thông tư 03/2017/TT- BLĐTBXH ngày 01/03/2017 về quy trình xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo và Thông tư 12/2017/TT-BLĐTBXH ngày 20 tháng 04 năm 2017 Quy định khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng, Thông tư 48/2018/TT-BLĐTBXH ngày 28 tháng 12 năm 2018 ban hành quy định khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng các ngành, nghề thuộc lĩnh vực kỹ thuật điện, điện tử và viễn thông.

Chương trình đào tạo ngành Công nghệ ô tô trình độ cao đẳng thể hiện chi tiết mục tiêu chung, mục tiêu cụ thể về kiến thức kỹ năng nghề nghiệp, yêu cầu đầu ra của nghề được xác định rõ ràng đảm bảo đúng theo quy định ban hành về việc quy định khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học trình độ cao đẳng đạt được sau khi tốt nghiệp (2.3.01 – Quy định khối lượng kiến thức, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp trình độ cao đẳng nghề Công nghệ ô tô năm 2022; 2025). Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo ngành Công nghệ ô tô trình độ cao đẳng đã quy định rõ các chuẩn đầu ra về: Kiến thức; Kỹ năng; Năng lực tự chủ tự chịu trách nhiệm; Vị trí việc làm của người học sau tốt nghiệp có thể đảm nhận; khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường. Chuẩn đầu ra của ngành Công nghệ ô tô là cơ sở để Nhà trường xây dựng chương trình đào tạo ngành Công nghệ ô tô trình độ cao đẳng.

Trong chương trình đào tạo mỗi môn học/ mô-đun của ngành Công nghệ ô tô trình độ cao đẳng đều chỉ rõ khối lượng kiến thức và thời gian, mục tiêu của mỗi mô-đun/môn học và mục tiêu của từng chương, bài: về kiến thức; kỹ năng; năng lực tự chủ,

tự chịu trách nhiệm của người học sau mỗi chương, bài; khối lượng kiến thức và thời gian. Chương trình đào tạo của mỗi môn học/ mô-đun đều có phương pháp đánh giá kết quả học tập, xác định mức độ đạt yêu cầu về năng lực của người học sau khi học xong các mô-đun, môn học được thể hiện ở Mục V (Nội dung và Phương pháp đánh giá) bao gồm: (1) Nội dung đánh giá: Kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và trách nhiệm; (2) Phương pháp đánh giá: kiểm tra định kỳ, thi kết thúc môn học/mô-đun

- Chương trình đào tạo ngành Công nghệ ô tô trình độ cao đẳng năm 2022 đào tạo gồm 35 môn học, mô-đun; tổng số giờ đào tạo **3190** giờ, 122 tín chỉ; Khối lượng lý thuyết 962 giờ; khối lượng thực hành, thực tập, thí nghiệm 2228 giờ chương trình đảm bảo về chuẩn đầu ra của sinh viên hệ cao đẳng ngành Công nghệ ô tô (**2.1.18 - Quyết định số 339/QĐ-CĐCN ngày 22/8/2022 Ban hành chương trình đào tạo trình độ Trung cấp, trình độ cao đẳng năm 2022**).

- Chương trình đào tạo ngành Công nghệ ô tô trình độ cao đẳng năm 2025 có tổng số giờ tín chỉ là 3096 giờ - 106 tín chỉ, gồm có 34 môn học, mô-đun trong đó có 2 môn học, mô-đun là môn tự chọn chuyên sâu. Khối lượng lý thuyết 943 giờ; khối lượng thực hành, thực tập, thí nghiệm 2153 giờ. Trong đó có 02 chuyên sâu đó là Bảo dưỡng, sửa chữa xe ô tô điện (OT- 01) và Hệ thống xe tự hành trong chuỗi cung ứng (OT- 02) (**2.1.19 - Quyết định số 263/QĐ-CĐCN ngày 12/6/2025 về việc “Ban hành chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng năm 2025”**).

- Tất cả các môn học, mô-đun thuộc Chương trình đào tạo ngành Công nghệ ô tô trình độ cao đẳng được thông qua Hội đồng thẩm định chương trình, được đánh giá là *Chương trình đào tạo được thiết kế và phát triển dựa trên nhu cầu và phản hồi của các bên liên quan, bảo đảm đạt được chuẩn đầu ra. Mỗi môn học, mô-đun phải thể hiện vị trí, vai trò và tiến trình đạt được chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo* (**2.1.16 - Phiếu phản biện, phiếu đánh giá và biên bản thẩm định Chương trình đào tạo nghề Công nghệ ô tô năm 2022; 2025**).

Để đáp ứng được xu hướng phát triển của xã hội, thể hiện được khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp, Nhà trường hàng năm sẽ lấy ý kiến của nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức, người lao động, người học, doanh nghiệp. Họ đều nhất trí đánh giá *Chương trình đào tạo được thiết kế và phát triển dựa trên nhu cầu và phản hồi của các bên liên quan, bảo đảm đạt được chuẩn đầu ra. Mỗi môn học, mô-đun phải thể hiện vị trí, vai trò và tiến trình đạt được chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo* (**1.2.09 - Kế hoạch khảo sát thu thập ý kiến của nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức, người lao động, người học, doanh nghiệp 2023, 2024, 2025; 1.2.10 - Phiếu khảo sát ý kiến của nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức, người lao động, người học, doanh nghiệp 2023, 2024, 2025; 1.2.11 - Báo cáo tổng hợp kết quả khảo sát của nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức, người lao động, người học, doanh nghiệp 2023, 2024, 2025**).

Kết quả khảo sát của nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức, người lao động về câu hỏi “Chương trình đào tạo được thiết kế và phát triển dựa trên nhu cầu và phản hồi của các bên liên quan, bảo đảm đạt được chuẩn đầu ra. Mỗi môn học, mô-đun phải thể hiện vị trí, vai trò và tiến trình đạt được chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo”

Chương trình đào tạo ngành Công nghệ ô tô năm 2022, 2025 được thiết kế và phát triển dựa trên nhu cầu và phản hồi của các bên liên quan, bảo đảm đạt được chuẩn đầu ra. Mỗi môn học, mô-đun phải thể hiện vị trí, vai trò và tiến trình đạt được chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 2.3: 2,5 điểm

Tiêu chuẩn 2.4: Chương trình đào tạo được định kỳ rà soát, đánh giá, cập nhật và cải tiến để đáp ứng yêu cầu của thị trường lao động, sự phát triển của ngành, địa phương.

*** Mô tả, phân tích, nhận định:**

- Chương trình đào tạo ngành Công nghệ ô tô được cập nhật và đánh giá theo đúng quy định tại Điều 9 - Thông tư 03/2017/TT-BLĐT BXH về thời gian ít nhất 03 năm 01 lần (Năm 2022, sửa đổi, cập nhật, bổ sung bộ Chương trình đào tạo ngành Công nghệ ô tô năm 2019; Năm 2025, sửa đổi, cập nhật, bổ sung bộ Chương trình đào tạo ngành Công nghệ ô tô năm 2022). Việc sửa đổi, cập nhật, bổ sung những nội dung trong chương trình đào tạo được thực hiện theo các bước quy định tại Điều 6, Điều 7 - Thông tư 03/2017/TT-BLĐT BXH. Chương trình đào tạo ngành Công nghệ ô tô sau khi được sửa đổi, cập nhật, bổ sung thành Chương trình đào tạo đã được hoàn thiện, Hội đồng chuyên môn đề xuất Hiệu trưởng Nhà trường xem xét, quyết định ban hành (*Các minh chứng 2.1.03; 2.1.04; 2.1.05; 2.1.06; 2.1.07; 2.1.08; 2.1.09; 2.1.10; 2.1.11; 2.1.12; 2.1.13; 2.1.14; 2.1.15; 2.1.16; 2.1.17; 2.1.18; 2.1.19*).

Hàng năm, Nhà trường tổ chức khảo sát lấy ý kiến của nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức, người lao động, người học, doanh nghiệp về Chương trình đào tạo ngành Công nghệ ô tô (*1.2.09 - Kế hoạch khảo sát thu thập ý kiến của nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức, người lao động, người học, doanh nghiệp 2023, 2024, 2025; 1.2.10 - Phiếu khảo sát ý kiến của nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức, người lao động, người học, doanh nghiệp 2023, 2024, 2025; 1.2.11 - Báo cáo tổng hợp kết quả khảo sát của nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức, người lao động, người học, doanh nghiệp 2023, 2024, 2025*).

Kết quả khảo sát của nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức, người lao động về câu hỏi về chương trình đào tạo ngành Công nghệ ô tô hàng năm.

Chương trình đào tạo ngành Công nghệ ô tô năm 2022, năm 2025 được định kỳ rà soát, đánh giá, cập nhật và cải tiến để đáp ứng yêu cầu của thị trường lao động, sự phát triển của ngành, địa phương.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 2.4: 2,5 điểm

Tiêu chuẩn 2.5: Giáo trình được biên soạn hoặc lựa chọn, thẩm định, ban hành đủ cho các mô đun, môn học của chương trình đào tạo.

*** Mô tả, phân tích, nhận định:**

Căn cứ vào Thông tư số 03/2017/TT-BLĐT BXH ngày 01/3/2017 Quy định về quy trình xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình tổ chức biên soạn, lựa chọn, thẩm định giáo trình, năm 2019 Nhà trường rà soát và chỉnh sửa chương trình đào tạo. Nhà trường đã ban hành nhiều quy trình bổ sung vào hệ thống cơ sở dữ liệu và hệ thống công cụ bảo đảm chất lượng, trong đó có “Quy trình xây dựng, lựa chọn, bổ sung, điều chỉnh chương trình, giáo trình đào tạo”, quy trình này căn cứ theo Điều 6 - Thông tư 03/2017/TT-BLĐT BXH, (1.1.01— Quyết định số 445/QĐ-CĐCN ngày 23/12/2021 “Ban hành 19 quy trình bổ sung vào hệ thống cơ sở dữ liệu và hệ thống công cụ bảo đảm chất lượng năm 2021; 1.1.02 — Quyết định số 223/QĐ-CĐCN ngày 27/5/2024 Ban hành “Quy định quy trình xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo; tổ chức biên soạn, lựa chọn, thẩm định, duyệt và sử dụng giáo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng”

- Nhà trường xây dựng kế hoạch rà soát, chỉnh sửa chương trình đào tạo ngành Công nghệ ô tô (1.1.03 – Kế hoạch số 12/ KH-CĐCN ngày 22/3/2019 “Kế hoạch rà soát, chỉnh sửa chương trình và xây dựng giáo trình đào tạo các ngành nghề năm 2019”; Kế hoạch số 15/ KH-CĐCN ngày 28/2/2022 “Kế hoạch rà soát, chỉnh sửa chương trình và xây dựng giáo trình đào tạo các ngành nghề năm 2022”).

- Nhà trường đã thành lập Ban rà soát, biên soạn giáo trình đào tạo ngành Công nghệ ô tô năm 2022, năm 2025.

+ Danh sách trích ngang Ban rà soát, biên soạn giáo trình đào tạo ngành Công nghệ ô tô năm 2022 (2.5.01 – Quyết định số 395/QĐ-CĐCN ngày 26/9/2022 về việc thành lập ban rà soát, chỉnh sửa giáo trình các ngành nghề đào tạo năm 2022).

+ Danh sách trích ngang Tổ biên soạn giáo trình đào tạo ngành Công nghệ ô tô năm 2025 (2.1.07 – Quyết định số 91/QĐ-CĐCN ngày 14/02/2025 về Thành lập tổ biên soạn chương trình đào tạo, giáo trình đào tạo trình độ Sơ cấp, trình độ Trung cấp, trình độ Cao đẳng, trình độ Cao đẳng liên thông các ngành, nghề năm 2025.

- Ban rà soát, biên soạn giáo trình đào tạo ngành Công nghệ ô tô tuân thủ đúng mục tiêu, nội dung các môn học, mô đun trong chương trình đào tạo. Nội dung kiến thức, kỹ năng phải đảm bảo đúng mục tiêu của từng chương, từng bài trong mỗi môn học mô đun. Trình bày ngắn gọn dễ hiểu đảm bảo phù hợp với trang thiết bị, nguồn học liệu và phương tiện dạy học (2.1.18 – Quyết định số 339/QĐ-CĐCN ngày 22/8/2022 Ban hành chương trình đào tạo trình độ Trung cấp, trình độ cao đẳng năm 2022; 2.1.19 – Quyết định số 263/QĐ-CĐCN ngày 12/6/2025 về việc “Ban hành chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng năm 2025”).

- Ban rà soát, biên soạn giáo trình đã tổ chức họp ban biên soạn giáo trình, phân công các thành viên, tổ chức hội thảo để tiến hành biên soạn giáo trình cho tất cả các môn học, mô đun của giáo trình đào tạo ngành Công nghệ ô tô

- Ban rà soát, biên soạn giáo trình đào tạo ngành Công nghệ ô tô tiếp thu trực tiếp các ý kiến đóng góp của Quản lý khoa, các Giảng viên của Khoa Công nghệ ô tô trong quá trình rà soát, xây dựng giáo trình đào tạo thông qua các cuộc họp chuyên môn của Khoa về rà soát, chỉnh sửa giáo trình đào tạo, thông qua các cuộc họp tiểu ban rà soát, biên soạn giáo trình đào tạo. (2.5.02 – Các biên bản họp ban rà soát, biên soạn giáo trình ngành Công nghệ ô tô năm 2022; 2.5.03 – Các biên bản họp ban rà soát, biên soạn giáo trình ngành Công nghệ ô tô năm 2025).

Sau khi tiếp thu các ý kiến đóng góp, tiểu ban rà soát, biên soạn giáo trình đào tạo ngành Công nghệ ô tô trình độ cao đẳng đã hoàn thành “Dự thảo giáo trình đào tạo ngành Công nghệ ô tô trình độ cao đẳng” và tiến hành Hội thảo lấy ý kiến của chuyên gia là giảng viên trong và ngoài trường, cán bộ quản lý, các nhà khoa học, đơn vị sử dụng lao động về Dự thảo này (2.5.04– Giấy mời tham dự Hội thảo góp ý, thẩm định giáo trình đào tạo ngành Công nghệ ô tô năm 2022, 2025; 2.5.05 - Phiếu xin ý kiến của chuyên gia là giảng viên của trong và ngoài trường, cán bộ quản lý, các nhà khoa học, đơn vị sử dụng lao động về Dự thảo giáo trình đào tạo ngành Công nghệ ô tô năm 2022, 2025);

- Sau khi tiếp thu ý kiến góp ý của chuyên gia là giảng viên của trong và ngoài trường, cán bộ quản lý, các nhà khoa học, đơn vị sử dụng lao động về Dự thảo giáo trình đào tạo ngành Công nghệ ô tô , tiểu ban biên soạn họp và tiếp tục chỉnh sửa, bổ sung, khắc phục những tồn tại, thiếu sót để hoàn chỉnh Dự thảo giáo trình đào tạo ngành Công nghệ ô tô , tiến hành tổ chức thẩm định giáo trình đào tạo này.

Nhà trường ban hành Quyết định thành lập Hội đồng thẩm định giáo trình đào tạo ngành Công nghệ ô tô :

+ Danh sách trích ngang Hội đồng thẩm định giáo trình đào tạo ngành Công nghệ ô tô trình độ cao đẳng năm 2022 (2.5.06 - Quyết định số 395a/QĐ-CĐCN ngày 26/9/2022 về việc thành lập hội đồng thẩm định giáo trình đào tạo các ngành nghề năm 2022).

+ Danh sách trích ngang Hội đồng thẩm định Giáo trình đào tạo ngành Công nghệ ô tô trình độ cao đẳng năm 2025 (2.1.13 - Quyết định số 92/QĐ-CĐCN ngày 14/02/2025 về việc Thành lập Hội đồng thẩm định chương trình đào tạo, giáo trình đào tạo trình độ Sơ cấp, trình độ Trung cấp, trình độ Cao đẳng, trình độ Cao đẳng liên thông các ngành, nghề năm 2025).

Tất cả các ý kiến đóng góp, nhận xét, đánh giá của các phản biện và các thành viên của Hội đồng thẩm định giáo trình đào tạo ngành Công nghệ ô tô năm 2022, 2025 đều được đưa vào biên bản trong quá trình thẩm định (2.5.07 - Phiếu phản biện, phiếu

đánh giá và biên bản thẩm định giáo trình đào tạo ngành Công nghệ ô tô năm 2022; 2025).

- Có 6 môn học chung căn cứ theo Thông tư 10/2018/TT-BLĐT BXH, 11/2018/TT-BLĐT BXH, Thông tư 12/2018/TT-BLĐT BXH, Thông tư 13/2018/TT-BLĐT BXH, 24/2018/TT-BLĐT BXH, Thông tư 03/2019/TT-BLĐT BXH quy định về các môn học: Giáo dục quốc phòng và an ninh, Tin học, Giáo dục thể chất, Pháp luật, Giáo dục chính trị, Tiếng Anh thuộc khối các môn học chung trong chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng vào chương trình nghề Công nghệ ô tô trình độ cao đẳng. thì Nhà trường ra quyết định ban hành giáo trình các môn học chung lưu hành nội bộ trình độ trung cấp, cao đẳng

Sau khi giáo trình đào tạo ngành Công nghệ ô tô được được Hội đồng thẩm định đồng ý thông qua, nghiệm thu. Chủ tịch Hội đồng thẩm định báo cáo kết quả thẩm định giáo trình đào tạo ngành Công nghệ ô tô đề Hiệu trưởng Nhà trường xem xét, quyết định ban hành giáo trình đào tạo này (**2.5.08** – *Biên bản nghiệm thu giáo trình đào tạo ngành Công nghệ ô tô năm 2022; 2025; 2.5.09* – *Quyết định số 433a/QĐ-CĐCN ngày 12/10/2022 Quyết định ban hành giáo trình đào tạo lưu hành nội bộ năm 2022; 2.5.10* - *Quyết định số 388/QĐ-CĐCN ngày 03/9/2025 Quyết định ban hành danh mục Giáo trình đào tạo lưu hành nội bộ trình độ Trung cấp, trình độ Cao đẳng năm 2025).*

Tất cả các môn học/ mô đun (100%) trong chương trình đào tạo ngành Công nghệ ô tô đều có đầy đủ giáo trình đào tạo (**2.5.11** - *Bảng thống kê giáo trình ngành Công nghệ ô tô trình độ cao đẳng năm 2022, 2025; 2.5.12* - *Bản in giáo trình ngành Công nghệ ô tô trình độ cao đẳng năm 2022, 2025).*

Hằng năm, Nhà trường tổ chức khảo sát lấy ý kiến của nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức, người lao động, người học, doanh nghiệp về Chương trình đào tạo ngành Công nghệ ô tô (**1.2.09** - *Kế hoạch khảo sát thu thập ý kiến của nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức, người lao động, người học, doanh nghiệp 2023, 2024, 2025; 1.2.10* - *Phiếu khảo sát ý kiến của nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức, người lao động, người học, doanh nghiệp 2023, 2024, 2025; 1.2.11* - *Báo cáo tổng hợp kết quả khảo sát của nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức, người lao động, người học, doanh nghiệp 2023, 2024, 2025).*

Kết quả khảo sát của nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức, người lao động về câu hỏi “*Giáo trình được biên soạn hoặc lựa chọn, thẩm định, ban hành đủ cho các mô đun, môn học của chương trình đào tạo*”. Chương trình đào tạo ngành Công nghệ ô tô năm 2022, 2025 được biên soạn hoặc lựa chọn, thẩm định, ban hành đủ cho các mô đun, môn học của chương trình đào tạo.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 2.5: 2,5 điểm

Tiêu chuẩn 2.6: *Giáo trình cụ thể hóa yêu cầu về nội dung kiến thức, kỹ năng của từng mô-đun, môn học trong chương trình đào tạo, tạo điều kiện để thực hiện phương pháp dạy học tích cực, bảo đảm đáp ứng yêu cầu của ngành, nghề đào tạo.*

*** Mô tả, phân tích, nhận định:**

Khi xây dựng chương trình đào tạo cũng như biên soạn giáo trình, các tổ biên soạn bám sát quy định của Thông tư số 03/2017/TT-BLĐT BXH; Thông tư số 48/2018/TT-BLĐT BXH, ngày 28 tháng 12 năm 2018 về việc ban hành quy định khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng các ngành, nghề thuộc lĩnh vực kỹ thuật điện, điện tử và viễn thông trong đó có ngành/ nghề Công nghệ ô tô .

Giáo trình đào tạo được xây dựng, biên soạn hoặc lựa chọn trên cơ sở tuân thủ mục tiêu và nội dung của các môn học, mô đun trong CTĐT đã xây dựng, đảm bảo cụ thể hóa yêu cầu về nội dung, kiến thức, kỹ năng của từng mô đun, môn học trong CTĐT, nội dung trong giáo trình phù hợp để thực hiện phương pháp dạy học tích cực, phục vụ tốt cho việc giảng dạy các mô đun/môn học trong chương trình đào tạo. Trong từng môn học có yêu cầu về kiến thức cần nắm được, kỹ năng vận dụng, phương pháp giảng dạy, bài tập liên hệ, bài tập nhóm và hướng dẫn tự học, giúp học sinh vận dụng kiến thức trong bài học được tốt hơn. Giáo trình thuận lợi cho việc dạy học tích hợp, có nội dung dạy học lý thuyết, nội dung dạy học thực hành, và hệ thống bài tập đan xen nhằm đảm bảo chất lượng giáo trình đáp ứng yêu cầu đổi mới về nội dung và phương pháp dạy học. Từ đó Nhà trường đã ban hành chương trình đào tạo, tổ chức thẩm định và ban hành toàn bộ giáo trình đào tạo cho các chương trình cao đẳng năm 2022, 2025.

Giáo trình đào tạo ngành Công nghệ ô tô trình độ cao đẳng năm 2022, 2025 đã *cụ thể hóa yêu cầu về nội dung kiến thức, kỹ năng của từng mô-đun, môn học trong chương trình đào tạo, tạo điều kiện để thực hiện phương pháp dạy học tích cực, bảo đảm đáp ứng yêu cầu của ngành, nghề đào tạo* thể hiện qua ý kiến, nhận xét đánh giá của các chuyên gia, giảng viên, phản biện..., thể hiện trong biên bản, hồ sơ của Hội thảo biên soạn giáo trình ngành Công nghệ ô tô , biên bản của Hội đồng thẩm định giáo trình (2.5.05 – *Phiếu xin ý kiến của chuyên gia là giảng viên của trong và ngoài trường, cán bộ quản lý, các nhà khoa học, đơn vị sử dụng lao động về Dự thảo giáo trình đào tạo ngành Công nghệ ô tô năm 2022, 2025; 2.5.07 - Phiếu phản biện, phiếu đánh giá và biên bản thẩm định giáo trình đào tạo ngành Công nghệ ô tô năm 2022; 2025; 2.5.08 – Biên bản nghiệm thu giáo trình đào tạo ngành Công nghệ ô tô năm 2022; 2025*).

Hàng năm, Nhà trường đều có kế hoạch và tổ chức thu thập ý kiến của Nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức, người lao động, người học, doanh nghiệp. Các ý kiến đóng góp và đánh giá của họ đều nhất trí đối với *giáo trình đào tạo đã cụ thể hóa yêu cầu về nội dung kiến thức, kỹ năng của từng mô-đun, môn học trong chương trình đào tạo, tạo điều kiện để thực hiện phương pháp dạy học tích cực, bảo đảm đáp ứng yêu cầu của*

ngành, nghề đào tạo (1.2.09 - Kế hoạch khảo sát thu thập ý kiến của nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức, người lao động, người học, doanh nghiệp 2023, 2024, 2025; 1.2.10 - Phiếu khảo sát ý kiến của nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức, người lao động, người học, doanh nghiệp 2023, 2024, 2025; 1.2.11 - Báo cáo tổng hợp kết quả khảo sát của nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức, người lao động, người học, doanh nghiệp 2023, 2024, 2025)

Kết quả khảo sát của nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức, người lao động về câu hỏi “*cụ thể hóa yêu cầu về nội dung kiến thức, kỹ năng của từng mô-đun, môn học trong chương trình đào tạo, tạo điều kiện để thực hiện phương pháp dạy học tích cực, bảo đảm đáp ứng yêu cầu của ngành, nghề đào tạo*”. Toàn bộ giáo trình đào tạo ngành Công nghệ ô tô năm 2022, 2025 của Nhà trường biên soạn đã *cụ thể hóa yêu cầu về nội dung kiến thức, kỹ năng của từng mô-đun, môn học trong chương trình đào tạo, tạo điều kiện để thực hiện phương pháp dạy học tích cực, bảo đảm đáp ứng yêu cầu của ngành, nghề đào tạo*.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 2.6: 2,5 điểm

Tiêu chuẩn 2.7: *Giáo trình định kỳ được rà soát, đánh giá và cập nhật theo quy định, đáp ứng sự đổi mới của chương trình đào tạo.*

*** Mô tả, phân tích, nhận định:**

Để chất lượng của giáo trình đảm bảo phù hợp giữa giảng dạy và thực tiễn cũng như phù hợp với sản xuất kinh doanh và dịch vụ. Hàng năm, Nhà trường đều tổ chức lấy ý kiến của Giảng viên chuyên môn, chuyên gia từ các cơ sở sản xuất, cán bộ quản lý, HSSV sau khi tốt nghiệp, đánh giá về chất lượng giáo trình và mức độ đáp ứng yêu cầu đổi mới về nội dung, phương pháp dạy học, đổi mới về kỹ thuật công nghệ để nhà trường rút kinh nghiệm cho việc biên soạn giáo trình ngành Công nghệ ô tô đảm bảo chất lượng và phù hợp với yêu cầu thực tế, cập nhật các tiến bộ khoa học kỹ thuật, công nghệ mới vào giáo trình đào tạo.

Giáo trình đào tạo ngành Công nghệ ô tô định kỳ được rà soát, đánh giá và cập nhật theo quy định, đáp ứng sự đổi mới của chương trình đào tạo. Khi Nhà trường có kế hoạch rà soát, cập nhật, chỉnh sửa chương trình đào tạo thì đều có kế hoạch để rà soát, cập nhật, chỉnh sửa giáo trình theo chương trình đào tạo. 100% giáo trình của Nhà trường đều được rà soát, cập nhật đúng quy định, đáp ứng sự thay đổi của chương trình đào tạo (2.1.03 - Kế hoạch số 15/ KH-CĐCN ngày 28/2/2022 “Kế hoạch rà soát, chỉnh sửa chương trình và xây dựng giáo trình đào tạo các ngành nghề năm 2022”; Kế hoạch số 01/ KH-CĐCN ngày 03/01/2025 “Kế hoạch xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo; tổ chức biên soạn, lựa chọn, thẩm định, duyệt và sử dụng giáo trình đào tạo trình độ Sơ cấp, trình độ Trung cấp, trình độ Cao đẳng các ngành, nghề năm 2025”; 2.5.01 - Quyết định số 395/QĐ-CĐCN ngày 26/9/2022 về việc thành lập ban rà soát, chỉnh sửa giáo trình các ngành nghề đào tạo năm 2022; 2.1.07 - Quyết định số 91/QĐ-

CĐCN ngày 14/02/2025 về Thành lập tổ biên soạn chương trình đào tạo, giáo trình đào tạo trình độ Sơ cấp, trình độ Trung cấp, trình độ Cao đẳng, trình độ Cao đẳng liên thông các ngành, nghề năm 2025; **2.5.02** - Các biên bản họp ban rà soát, biên soạn giáo trình nghề Công nghệ ô tô năm 2022; **2.5.03** - Các biên bản họp ban rà soát, biên soạn giáo trình nghề Công nghệ ô tô năm 2025; **2.5.04** - Giấy mời tham dự Hội thảo góp ý, thẩm định giáo trình đào tạo ngành Công nghệ ô tô năm 2022, 2025; **2.5.05** - Phiếu xin ý kiến của chuyên gia là giảng viên của trong và ngoài trường, cán bộ quản lý, các nhà khoa học, đơn vị sử dụng lao động về Dự thảo giáo trình đào tạo ngành Công nghệ ô tô năm 2022, 2025; **2.5.06** - Quyết định số 395a/QĐ-CĐCN ngày 26/9/2022 về việc thành lập hội đồng thẩm định giáo trình đào tạo các ngành nghề năm 2022; **2.1.13** - Quyết định số 92/QĐ-CĐCN ngày 14/02/2025 về việc Thành lập Hội đồng thẩm định chương trình đào tạo, giáo trình đào tạo trình độ Sơ cấp, trình độ Trung cấp, trình độ Cao đẳng, trình độ Cao đẳng liên thông các ngành, nghề năm 2025; **2.5.07** - Phiếu phản biện, phiếu đánh giá và biên bản thẩm định giáo trình đào tạo ngành Công nghệ ô tô năm 2022; 2025; **2.5.08** - Biên bản nghiệm thu giáo trình đào tạo ngành Công nghệ ô tô năm 2022; 2025; **2.5.09** - Quyết định số 433a/QĐ-CĐCN ngày 12/10/2022 Quyết định ban hành giáo trình đào tạo lưu hành nội bộ năm 2022; **2.5.10** - Quyết định số 388/QĐ-CĐCN ngày 03/9/2025 Quyết định ban hành danh mục Giáo trình đào tạo lưu hành nội bộ trình độ Trung cấp, trình độ Cao đẳng năm 2025; **2.5.11** - Bảng thống kê giáo trình ngành Công nghệ ô tô trình độ cao đẳng năm 2022, 2025; **2.5.12** - Bản in giáo trình ngành Công nghệ ô tô trình độ cao đẳng năm 2022, 2025

Hàng năm, Nhà trường đều có kế hoạch và tổ chức thu thập ý kiến của Nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức, người lao động, người học, doanh nghiệp (**1.2.09** - Kế hoạch khảo sát thu thập ý kiến của nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức, người lao động, người học, doanh nghiệp 2023, 2024, 2025; **1.2.10** - Phiếu khảo sát ý kiến của nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức, người lao động, người học, doanh nghiệp 2023, 2024, 2025; **1.2.11** - Báo cáo tổng hợp kết quả khảo sát của nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức, người lao động, người học, doanh nghiệp 2023, 2024, 2025).

Kết quả khảo sát của nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức, người lao động về câu hỏi “Giáo trình định kỳ được rà soát, đánh giá và cập nhật theo quy định, đáp ứng sự đổi mới của chương trình đào tạo”

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 2.7: 2,5 điểm

2.2.3. Tiêu chí 3 - Hoạt động đào tạo

*** Đánh giá tổng quát tiêu chí:**

Hoạt động đào tạo được xác định là một hoạt động trung tâm của khoa Công nghệ ô tô nói riêng cũng như của Nhà trường nói chung. Quá trình tổ chức các hoạt động đào tạo phải luôn hướng tới và đạt được mục tiêu đào tạo. Để làm được điều

đó, khoa đã có chủ trương thực hiện đa dạng hóa các phương thức tổ chức đào tạo đáp ứng nhu cầu của người học, yêu cầu của người sử dụng lao động. Không ngừng nâng cao chất lượng đào tạo, vươn tới đạt chuẩn đào tạo của các nước tiên tiến trong khu vực và quốc tế.

Chất lượng đào tạo được Nhà trường coi là sự sống còn trong việc thực hiện sứ mạng và khẳng định vị trí và thương hiệu nhà trường cũng như của khoa Công nghệ ô tô. Trong quá trình tổ chức dạy và học, kế hoạch đào tạo được khoa xây dựng khoa học, phù hợp trên cơ sở điều kiện thực tế và đặc biệt quan tâm tới các yêu cầu của thực tiễn sản xuất, kinh doanh và thực hiện nghiêm túc.

Nhà trường chủ trương và thường xuyên quan tâm chỉ đạo thực hiện đổi mới phương pháp dạy học, phương pháp và quy trình thi, kiểm tra, đánh giá phù hợp với phương thức đào tạo, hình thức học tập và đặc thù của môn học, mô-đun nghề Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí.

Công tác dạy và học được thực hiện nghiêm túc, hiệu quả; việc tuyển sinh được thực hiện đúng thủ tục, đúng nguyên tắc, thể hiện được sự đa dạng hoá hình thức tổ chức và sự sáng tạo, chương trình đào tạo ngày càng thể hiện sự gắn kết với thị trường lao động, đáp ứng nhu cầu việc làm của người học và yêu cầu của người sử dụng.

**** Các điểm mạnh:***

Trong những năm qua, với sự nỗ lực rất lớn của toàn thể cán bộ công nhân viên nhà trường, Trường Cao đẳng Công nghiệp Bắc Ninh đã ngày càng khởi sắc trên tất cả các phương diện. Trong đó, khoa Công nghệ ô tô đã hoàn thành xuất sắc các nhiệm vụ được giao thể hiện ở các mặt:

- Kết quả tuyển sinh nhiều năm từ 2023-2025 đều đạt từ 95% trở lên so với kế hoạch đề ra. Thực hiện đúng các quy định về công tác tuyển sinh, xét tuyển.

- Trường và khoa đã xây dựng kế hoạch, tiến độ đào tạo hợp lý khoa học, chương trình giáo trình đầy đủ được cập nhật và điều chỉnh hàng năm. Trong giảng dạy ngành Công nghệ ô tô, giáo viên đã sử dụng nhiều phương pháp, nhiều phần mềm ứng dụng, video mô phỏng phát huy tính tích cực, tự giác, năng động, khả năng làm việc độc lập, tổ chức làm việc theo nhóm của người học.

- Công tác phối hợp với doanh nghiệp được Trường và khoa chuyên môn chú trọng. Sinh viên ngành Công nghệ ô tô được thực tập, thực hành ở nhiều doanh nghiệp khác nhau, nội dung thực tập, thực hành phù hợp với chuyên môn nghề. Đặc biệt, đã phối hợp với doanh nghiệp để sản xuất ra sản phẩm ngay tại xưởng, tạo điều kiện thuận lợi cho giáo viên và sinh viên được tiếp cận môi trường doanh nghiệp trong suốt thời gian đào tạo.

- Thực hiện công tác thi, kiểm tra đánh giá kết quả học tập của sinh viên đúng quy chế, nghiêm túc, công khai. Sinh viên được cấp bằng tốt nghiệp kịp thời tạo điều kiện cho người học, hồ sơ được lưu trữ đầy đủ.

- Công tác kiểm tra, giám sát thực hiện hiệu quả. Trường khoa có kế hoạch kiểm tra nội bộ đã góp phần kịp thời điều chỉnh các hoạt động dạy và học cho phù hợp. Nhà trường có tổ thanh kiểm tra công tác đào tạo, luôn thực hiện kiểm tra đột xuất, kiểm tra có kế hoạch..

*** Những tồn tại:** Không

*** Các điểm cần cải thiện:**

- Mặc dù Trường và khoa chuyên môn đã rất cố gắng chuẩn bị các điều kiện cần thiết về cơ sở vật chất, đội ngũ, chương trình, giáo trình nhưng hiệu quả chưa tương xứng.

- Cần chú trọng nâng cao các kỹ năng cho sinh viên, cập nhật thêm các tài liệu, các phần mềm mà Trường chưa có và các doanh nghiệp đang sử dụng.

- Cần có chiến lược mở rộng quy mô các ngành nghề, nâng cao chất lượng đội ngũ giảng viên và có chính sách để thu hút giảng viên có kinh nghiệm và trình độ tham gia giảng dạy.

Điểm đánh giá:

Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm đánh giá
Tiêu chí 3	17,5 (điểm)
<i>Tiêu chuẩn 3.1</i>	<i>2,5 điểm</i>
<i>Tiêu chuẩn 3.2</i>	<i>2,5 điểm</i>
<i>Tiêu chuẩn 3.3</i>	<i>2,5 điểm</i>
<i>Tiêu chuẩn 3.4</i>	<i>2,5 điểm</i>
<i>Tiêu chuẩn 3.5</i>	<i>2,5 điểm</i>
<i>Tiêu chuẩn 3.6</i>	<i>2,5 điểm</i>
<i>Tiêu chuẩn 3.7</i>	<i>2,5 điểm</i>

Tiêu chuẩn 3.1: Chính sách tuyển sinh được xác định rõ ràng, được công bố công khai và được cập nhật. Các hoạt động tư vấn tuyển sinh giúp người học lựa chọn đúng ngành, nghề đào tạo, phát huy năng lực, sở trường của người học. Kết quả tuyển sinh đạt tối thiểu 80% chỉ tiêu theo kế hoạch của cơ sở đào tạo.

*** Mô tả, phân tích, nhận định:**

Thực hiện công tác đào tạo trên cơ sở đội ngũ giáo viên, cơ sở vật chất, trang thiết bị, chương trình, giáo trình và các điều kiện khác để tổ chức giảng dạy và học tập. Trường đã đăng ký và Tổng cục GDNN cấp giấy phép đào tạo với tổng số 08 nghề cao đẳng trong đó có nghề Công nghệ ô tô với quy mô 30 sinh viên hệ cao đẳng, 18 trung cấp tại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp (**3.1.01 - Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp số 175/2017/GCNDKHD-TCDN** ngày 23/6/2017). Hàng năm nhà trường căn cứ vào Thông tư số 05/2017/TT-BLĐTBXH ngày 02/3/2017, Thông tư số 07/2019/TT-BLĐTBXH ngày 07/3/2019; Thông tư số 05/2021/TT-BLĐTBXH ngày 07/7/2021 của Bộ Lao động TB&XH, Quy định quy chế tuyển sinh và xác định chỉ tiêu tuyển sinh trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng. Trên cơ sở đó, Trường đã xây dựng và ban hành Quy chế tuyển sinh xác định chỉ tiêu tuyển trình độ trung cấp, cao đẳng với đầy đủ các thông tin về đối tượng áp dụng, thời gian, hình thức tuyển sinh, nội dung, hồ sơ, tổ chức thực hiện. Xác định chỉ tiêu tuyển sinh theo các quy định và Giấy chứng nhận đăng ký GDNN được cấp, các chính sách ưu tiên được thể hiện rõ. Trong đó nghề Công nghệ ô tô với chỉ tiêu 3 năm 2023, 2024, 2025 trên 80 sinh viên (**3.1.02 - Các Quyết định ban hành Quy chế tuyển sinh và xác định chỉ tiêu tuyển sinh trung cấp, cao đẳng hàng năm**).

Năm 2023, 2024, 2025 chỉ tiêu nghề Công nghệ ô tô hiện nhà trường đang tuyển sinh theo kế hoạch (**3.1.03 - Kế hoạch tuyển sinh của trường Cao đẳng Công nghiệp Bắc Ninh hàng năm**).

Bảng tổng hợp kế hoạch và kết quả tuyển sinh:

TT	Năm học	Kế hoạch tuyển sinh	Kết quả tuyển sinh	Tỷ lệ kết quả	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)=(4)*100/(3)	
1	2022-2023	65	67	103,1%	Khóa 13
2	2023-2024	80	82	102,5%	Khóa 14
3	2024-2025	95	90	94,7%	Khóa 15
4	2025-2026	120	118	98,3%	Khóa 16

Hàng năm, trên cơ sở xác định chỉ tiêu tuyển sinh, nhà trường đã ra thông báo tuyển sinh và tuyên truyền rộng rãi trên các phương tiện thông tin đại chúng như tại trang Website của trường www.bci.edu.vn, mã QR code để tuyển sinh online, treo các banzôn tại cổng trường, tại các trường THCS, THPT trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh và trên đài, báo Bắc Ninh, trong các chương trình tư vấn tuyển sinh và giới thiệu việc làm của trường trong đó có nghề Công nghệ ô tô được chú trọng tuyên truyền đào tạo chất lượng

cao (3.1.04 - Thông báo tuyển sinh hàng năm; 3.1.05- Hình ảnh banzon, mã QR code dùng cho công tác tuyển sinh).

Các năm 2023, 2024, 2025 Trường thành lập Hội đồng tuyển sinh với thành phần đúng quy định, thành lập Ban thư ký hội đồng làm chức năng tham mưu tổ chức xét tuyển theo đúng các quy chế tuyển sinh tùy theo ngành, nghề. Trình độ có điều kiện xét tuyển khác nhau, sau khi xét tuyển có bộ phận thanh kiểm tra lại kết quả tuyển sinh để đảm bảo học sinh, sinh viên trúng tuyển đáp ứng các yêu cầu của ngành, nghề theo học trong đó có nghề Công nghệ ô tô dựa trên kết quả thi hoặc tổng kết 3 môn (Toán, Lý, Hóa) (3.1.06- Quyết định thành lập Hội đồng tuyển sinh hàng năm; Quyết định thành lập Ban thư ký và tư vấn tuyển sinh hàng năm).

Tại Trường, phòng Quan hệ công chúng được giao nhiệm vụ thu nhận hồ sơ dự tuyển của HSSV bằng hình thức trực tiếp và trực tuyến, hồ sơ gửi qua bưu điện, tổng hợp hồ sơ chuyển cho Hội đồng tuyển sinh xét tuyển theo từng đợt trong năm. Kết quả xét duyệt được thông báo rộng rãi và niêm yết công khai tại trường (3.1.07 - Hồ sơ đăng ký xét tuyển hàng năm ; 3.1.08 - Biên bản họp Hội đồng tuyển sinh hàng năm ; 3.1.09 - Quyết định phê duyệt danh sách trúng tuyển hàng năm).

Sau khi có kết quả phê duyệt trúng tuyển, Trường xác định thời điểm nhập học và gửi giấy báo kết quả trúng tuyển, dự kiến thời gian nhập học, các hồ sơ cần hoàn thiện, người học có thể nhận giấy báo trực tiếp tại trường các trường hợp ở xa nhà, trường gửi qua đường bưu điện đồng thời gọi điện thông báo tới người học.

Căn cứ vào danh sách trúng tuyển các ngành nghề, phòng Đào tạo biên chế các lớp học đảm bảo số lượng theo quy định, cụ thể nghề Công nghệ ô tô trình độ cao đẳng kết quả tuyển sinh và biên chế các lớp qua các năm 2023, 2024, 2025 kết quả đều đạt trên 90% chỉ tiêu (3.1.10 - Các Quyết định biên chế các lớp tuyển sinh hàng năm).

Hàng năm nhà trường đều có các Báo cáo đánh giá về công tác tuyển sinh, trong đó đã nêu cụ thể số sinh viên các nghề tuyển được so với kế hoạch, đánh giá được những khó khăn, tồn tại trên cơ sở đó đề ra phương hướng, giải pháp cho các năm tiếp theo. Báo cáo tuyển sinh năm 2021, phương án tuyển sinh năm 2022 ngày 25/11/2021; Báo cáo tuyển sinh năm 2022, phương án tuyển sinh năm 2023, Báo cáo tuyển sinh năm 2023, phương án tuyển sinh năm 2024; Báo cáo tuyển sinh năm 2024, phương án tuyển sinh năm 2025 các Báo cáo được gửi về Sở Lao động TB&XH tỉnh Bắc Ninh, Tổng cục GDNN tổng hợp theo quy định (3.1.11 - Báo cáo công tác tuyển sinh năm 2023-2024, 2024-2025, 2025-2026).

Để công tác tuyển sinh đảm bảo đúng quy chế tuyển sinh, xác định chỉ tiêu tuyển sinh hàng năm nhà trường đã thành lập Ban thanh kiểm tra công tác tuyển sinh: (3.1.12 – Quyết định thành lập ban thanh kiểm tra công tác tuyển sinh năm 2023, 2024, 2025); tại các biên bản kiểm tra các năm không có các trường hợp vi phạm quy chế tuyển sinh, việc xác định chỉ tiêu tuyển sinh phù hợp với quy mô và kế hoạch được giao, không có

các khiếu nại, tố cáo sai phạm về công tác tuyển sinh (**3.1.13** - *Biên bản thanh kiểm tra công tác tuyển sinh năm 2023, 2024, 2025*).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 3.1: 2,5 điểm

Tiêu chuẩn 3.2: Các phương pháp đào tạo phù hợp với nội dung, mục tiêu của từng mô đun, môn học để góp phần đạt được mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo.

*** Mô tả, phân tích, nhận định:**

Thực hiện quản lý công tác đào tạo đúng quy định theo Thông tư số 23/2018/TT – BLĐTBXH ngày 06/12/2018 của Bộ Lao động TB&XH nhà trường đã xây dựng và ban hành Quy định về việc quản lý, sử dụng hồ sơ, sổ sách trong đào tạo trình độ cao đẳng, trung cấp tại Quyết định số 38/QĐ-CĐCN ngày 25/3/2019 trong đó quy định đầy đủ về kế hoạch, tiến độ đào tạo, kế hoạch giáo viên cũng như hồ sơ, sổ sách của giáo viên. (**3.2.01** - *Quyết định số 38/QĐ-CĐCN ngày 25/3/2019 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Công nghiệp Bắc Ninh về việc quản lý, sử dụng hồ sơ sổ sách trong đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng*).

Hàng năm phòng Đào tạo chủ trì phối hợp cùng các khoa chuyên môn xây dựng Kế hoạch đào tạo, Tiến độ đào tạo cho chung toàn trường trong đó có nghề Công nghệ ô tô đã được Hiệu trưởng nhà trường phê duyệt (**3.2.02** - *Kế hoạch đào tạo khóa học 2023-2026, 2024-2027, 2025-2028*; **3.2.03** - *Tiến độ giảng dạy năm học 2023-2024, 2024-2025, 2025-2026*) sau khi có kế hoạch và tiến độ Khoa căn cứ vào chuyên môn, nhiệm vụ của từng giáo viên. Khoa xây dựng kế hoạch giáo viên theo từng học kỳ, 22 giáo viên tham gia giảng dạy thực hiện đúng kế hoạch giảng dạy và tiến độ giảng dạy đúng theo thời khóa biểu đã được Ban Giám hiệu ký duyệt (**3.2.04** - *Kế hoạch giáo viên theo học kỳ năm học 2022-2023, 2023-2024, 2024-2025, 2025-2026*; **3.2.05** - *Thời khóa biểu theo tuần học của năm học 2023-2024, 2024-2025, 2025-2026*). Riêng năm 2022 do tình hình dịch Covid-19 vẫn còn, Trường đã điều chỉnh tiến độ đào tạo vào thời gian hè, thay đổi học theo hình thức học lý thuyết online, điều chỉnh kế hoạch học tập đối với các lớp đang học mô đun (**3.2.06** - *Các Thông báo điều chỉnh tiến độ đào tạo năm học do dịch Covid-19*).

Trường căn cứ các Thông tư số 09/2017/TT-BLĐTBXH ngày 13/3/2017; Thông tư 04/2022/TT-BLĐTBXH ngày 30/3/2022 đã xây dựng và ban hành các Quy chế đào tạo về việc thực hiện chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo niên chế (**3.2.07**- *Quyết định số 142a/QĐ-CĐCN, ngày 18/9/2017 của Hiệu trưởng về việc ban hành Quy chế Quy định việc tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ Trung cấp, trình độ Cao đẳng theo niên chế*); Quy chế đào tạo về việc thực hiện chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo phương thức tích lũy mô đun (**3.2.08**- *Quyết định số 205/QĐ-CĐCN, ngày 30/7/2019; Quyết định số 320/QĐ-CĐCN ngày 10/8/2022, về việc ban hành Quy chế tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình*

độ Trung cấp, trình độ Cao đẳng theo phương thức tích lũy mô đun; Quyết định số 233/QĐ-CĐCN ngày 17/5/2023, về việc sửa đổi, bổ sung một số điều Quy chế tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ Trung cấp, trình độ Cao đẳng theo phương thức tích lũy mô đun kèm theo Quyết định số 320/QĐ-CĐCN ngày 10/08/2022; Căn cứ Quyết định số 78/QĐ-CĐCN, ngày 06/02/2024 của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Công nghiệp Bắc Ninh về việc tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo phương thức tích lũy mô-đun).

Các năm học 2022 đến 2025 trường thực hiện đào tạo theo phương thức tích lũy mô đun áp dụng cho toàn bộ các lớp nghề Công nghệ ô tô trình độ cao đẳng. Kế hoạch đào tạo được xây dựng theo từng khóa nhập học, tiến độ đào tạo được xây dựng theo từng năm học cho các lớp. Kế hoạch và tiến độ thể hiện nội dung đào tạo theo từng học kỳ, năm học. Kế hoạch và tiến độ các lớp nghề Công nghệ ô tô trình độ cao đẳng có mặt trong 3 năm tính tới thời điểm đánh giá (tháng 11/2025) như sau:

- Năm học 2022 - 2023: Tổng số 07 lớp các khóa 11, 12, 13;
- Năm học 2023 - 2024: Tổng số 08 lớp các khóa 12, 13, 14.
- Năm học 2024 - 2025: Tổng số 09 lớp các khóa 13, 14, 15.
- Năm học 2025 - 2026: Tổng số 10 lớp các khóa 14, 15, 16

Giáo viên tham gia giảng dạy nghề Công nghệ ô tô trình độ cao đẳng có đầy đủ hồ sơ, giáo án, sổ tay giáo viên, sổ lên lớp. Các hồ sơ được lưu trữ đầy đủ, rõ ràng đúng quy định (**3.2.09-Sổ lên lớp, Giáo án giảng dạy, Sổ tay nhà giáo nghề Công nghệ ô tô năm học 2022-2023, 2023-2024, 2024-2025, 2025-2026; 3.3.10 - Các Biên bản dự giờ ngày năm 2024, 2025, 2025).**

Khoa ký duyệt hồ sơ, giáo án cho giáo viên trước khi lên lớp, tổ chức dự giờ thường xuyên, đột xuất đối với giáo viên trong khoa; Trường hàng năm thành lập các tổ thanh kiểm tra đào tạo và để nâng cao chất lượng đào tạo, nhà trường đã thành lập Tổ khảo thí và đảm bảo chất lượng trực thuộc phòng Đào tạo tại Quyết định số 96/QĐ-CĐCN ngày 23/3/2022 (**3.3.11 - Quyết định thành lập tổ thanh kiểm tra đào tạo, khảo thí BDBCL hàng năm).**

Thực hiện các quyết định, hàng năm các tổ thanh kiểm tra đã chủ động lập kế hoạch và tổ chức kiểm tra theo đúng kế hoạch (**3.3.12- Kế hoạch kiểm tra đào tạo hàng năm).** Đã kiểm tra khoa Công nghệ ô tô và đã đánh giá việc tổ chức giảng dạy đúng kế hoạch, tiến độ, hồ sơ đầy đủ, cấp phát vật tư đầy đủ theo quy định. Kết quả kiểm tra chi tiết đối với giáo viên được thể hiện đầy đủ trong các Báo cáo kết quả kiểm tra, giám sát hoạt động dạy - học và Báo cáo Kết quả kiểm tra đào tạo của ngành CNOTO.

Qua công tác kiểm tra, dự giờ đã giúp cho khoa và nhà trường chủ động điều chỉnh kế hoạch, tiến độ phù hợp, đảm bảo chất lượng nâng cao ý thức giáo viên, đảm bảo chất lượng đào tạo, hiệu quả (**3.3.13 - Các biên bản thanh, kiểm tra các hoạt động**

đào tạo các năm 2023, 2024, 2025 và Các báo cáo kết quả thanh kiểm tra các hoạt động đào tạo năm học 2023, 2024, 2025).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 3.2: 2,5 điểm

Tiêu chuẩn 3.3: Các hoạt động dạy và học phát huy tính tích cực, tự giác, khả năng làm việc độc lập, tổ chức làm việc theo nhóm của người học, thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng nghề nghiệp, kỹ năng tự học, tự nghiên cứu và học tập suốt đời.

*** Mô tả, phân tích, nhận định:**

Hàng năm, phòng Đào tạo chủ trì phối hợp cùng các khoa chuyên môn xây dựng Kế hoạch đào tạo, Tiến độ đào tạo cho chung toàn trường được Hiệu trưởng nhà trường phê duyệt (3.2.02 - Kế hoạch đào tạo các khóa học ; 3.2.03 - Tiến độ giảng dạy các năm học) sau khi có kế hoạch và tiến độ Khoa căn cứ vào chuyên môn, nhiệm vụ của từng giáo viên mà xây dựng kế hoạch giáo viên theo từng học kỳ. Thời khóa biểu hàng tuần được lập và lưu trữ tại khoa - phòng Đào tạo. Giáo viên tham gia giảng dạy đúng theo thời khóa biểu đã được lãnh đạo nhà trường ký duyệt (3.2.04 -Kế hoạch giáo viên theo học kỳ năm học; 3.2.05 - Thời khóa biểu theo tuần học của năm học).

Trường căn cứ các Thông tư số 09/2017/TT-BLĐTĐ ngày 13/3/2017; Thông tư 04/2022/TT-BLĐTĐ ngày 30/3/2022 đã xây dựng và ban hành các Quy chế đào tạo về việc thực hiện chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo niên chế (3.2.07- Quyết định số 142a/QĐ-CĐCN, ngày 18/9/2017 của Hiệu trưởng về việc ban hành Quy chế Quy định việc tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ Trung cấp, trình độ Cao đẳng theo niên chế); Quy chế đào tạo về việc thực hiện chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo phương thức tích lũy mô đun (3.2.08- Quyết định ban hành Quy chế tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ Trung cấp, trình độ Cao đẳng theo phương thức tích lũy mô đun).

Chương trình đào tạo nghề Công nghệ ô tô của trường được ban hành (3.3.01 - Các Quyết định ban hành chương trình đào tạo và chương trình đào tạo kèm theo).

- Năm 2019 theo Quyết định số 256/QĐ-CĐCN ngày 06/9/2019 có thời gian đào tạo 2,5 năm với số lượng môn học, mô đun: 26, 128 tín chỉ trong chương trình. Đã thể hiện rõ mỗi môn học, mô đun đều có hướng dẫn phương pháp giảng dạy, học tập của các môn học, mô đun, các phương pháp dạy học kết hợp trang bị kiến thức chuyên môn với thực hành tay nghề cuối khóa. Sinh viên có mô đun Đồ án hoặc khóa luận tốt nghiệp để phát huy tính sáng tạo, chủ động của người học.

- Năm 2022, sau khi rà soát để nâng cao chất lượng đào tạo, đáp ứng yêu cầu của doanh nghiệp nhà trường ban hành chương trình đào tạo trình độ cao đẳng nghề Công nghệ ô tô tại Quyết định số 339/QĐ-CĐCN ngày 22/8/2022 áp dụng từ năm học 2022-2023 có thời gian đào tạo 2,5 năm với số lượng môn học, mô đun: 35, 122 tín chỉ.

- Năm 2025, sau khi rà soát để nâng cao chất lượng đào tạo, đáp ứng yêu cầu của

doanh nghiệp nhà trường ban hành chương trình đào tạo trình độ cao đẳng nghề Công nghệ ô tô tại Quyết định số 263/QĐ-CĐCN ngày 12/6/2025 áp dụng từ năm học 2025-2026 có thời gian đào tạo 2,5 năm với số lượng môn học, mô đun: 34, 106 tín chỉ. Chương trình được điều chỉnh bổ sung và đưa vào các mô đun chuyên sâu nhằm nâng cao năng lực cho người học giúp người học có nhiều lựa chọn khi tham gia đào tạo chuyên ngành.

Tổ thanh, kiểm tra thường xuyên, định kỳ và đột xuất bằng nhiều phương pháp như giám sát giờ dạy và học theo thời khóa biểu, dự giờ, kiểm tra hồ sơ giáo viên... Ngoài ra khoa Công nghệ ô tô hàng năm xây dựng kế hoạch và thực hiện kế hoạch dự giờ tại các biên bản dự giờ, phiếu đánh giá giờ giảng và báo cáo kết quả dự giờ của khoa cũng cho thấy: các giáo viên có đầy đủ hồ sơ giáo án, sổ lên lớp... giáo viên đã sử dụng các phương pháp dạy học phù hợp với các môn học, mô đun có sự kết hợp giữa trang bị kiến thức với kỹ năng thực hành, sử dụng các phương pháp phát huy tích cực của sinh viên như mô phỏng, chia nhóm thực hành, thảo luận nhóm, làm bài tập thực hành (**3.2.12- Kế hoạch kiểm tra đào tạo hàng năm; 3.3.02 - Biên bản dự giờ các môn học của khoa hàng năm; 3.3.03 - Các phiếu đánh giá giờ giảng các năm học hàng năm; 3.3.04 - Báo cáo kết quả dự giờ, kế hoạch khắc phục khoa hàng năm; 3.2.09 - Sổ lên lớp, Giáo án giảng dạy, Sổ tay nhà giáo nghề Công nghệ ô tô các năm học**)

Với mục tiêu nâng cao chất lượng đào tạo, hội nhập khu vực và thế giới, hàng năm nhà trường đầu tư mua sắm trang thiết bị hiện đại đặc biệt là các trang thiết bị phục vụ giảng dạy như máy tính, máy chiếu, các phần mềm hỗ trợ dạy học... để hỗ trợ tốt cho giáo viên trong quá trình dạy học (**3.3.05 - Danh sách các thiết bị hỗ trợ dạy học: máy tính, máy chiếu vật thể, máy chiếu Projector, Hệ thống các TV thông minh -Smart TV...**). Đối với nghề Công nghệ ô tô nhà trường đã đầu tư mua các phần mềm và ban hành quy định sử dụng tại các *Quyết định số 30/QĐ-CĐCN ngày 28/01/2019; Quyết định số 50/QĐ-CĐCN ngày 29/01/2020* hiện đang sử dụng 05 phần mềm chuyên dụng và các video mô tả để giảng dạy. Các phần mềm được các giáo viên sử dụng hiệu quả (**3.3.06 – Danh sách các phần mềm; Các video mô tả quá trình hoạt động của ô tô ...**).

Ngoài các phần mềm được trang bị riêng còn có các phần mềm dùng chung với nhà trường như Phần mềm quản lý đào tạo, Thư viện số (**3.3.07 - Phần mềm quản lý và lưu trữ dữ liệu đào tạo - <https://bci.dtsoft.edu.vn/auth/login> ; Phần mềm quản lý thư viện, Thư viện số - <http://thuvienso.bci.edu.vn/>). Thư viện số đầy đủ chương trình, giáo trình nghề Công nghệ ô tô được kết nối với trang Web của trường tại địa chỉ <https://bci.edu.vn>; **3.3.08 - Báo cáo các phần mềm sử dụng trong công tác đào tạo**). Đã phát huy được tính tích cực, tự giác, năng động và khả năng làm việc độc lập của người học cũng như tổ chức làm việc theo nhóm, phù hợp và đáp ứng yêu cầu thực tế. Ứng dụng các phần mềm trong dạy và học tỉ lệ đánh giá tốt và rất tốt các năm khảo sát đều đạt từ 90% trở lên còn lại là trung bình (**3.3.09 - Phiếu khảo sát, báo cáo kết quả khảo sát các năm 2023, 2024, 2025**).**

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 3.3: 2,5 điểm

Tiêu chuẩn 3.4: *Trường phối hợp với đơn vị sử dụng lao động trong việc tổ chức, hướng dẫn người học thực hành, thực tập tại nơi làm việc.*

*** Mô tả, phân tích, nhận định:**

Thực hiện chương trình đào tạo đối với các mô đun đi thực tập tại doanh nghiệp để học sinh nâng cao trình độ kỹ năng nghề, đáp ứng chuẩn đầu ra cũng như đáp ứng các yêu cầu của nguồn nhân lực chất lượng cao. Hàng năm, nhà trường đã phối hợp với các doanh nghiệp để đưa sinh viên đi thực tập (**3.4.01**- *Các doanh nghiệp nhận SV thực tập: Công ty TNHH Drem teck, Công ty TNHH Canon Việt Nam, Công ty TNHH Samsung Việt Nam; Công ty điện tử Samsung Việt Nam, Công ty TNHH Sanwa Việt Nam, , Tập đoàn khoa học kỹ thuật Hồng Hải, Công ty TNHH ABB, Công ty TNHH Goertek Vina, Công ty TNHH Điện tử LG Hải Phòng; Công ty TNHH ITM Simeconduster....*)

Căn cứ vào kế hoạch đào tạo cụ thể của các lớp, hợp đồng với các doanh nghiệp phòng Đào tạo lập kế hoạch đưa các lớp đi thực tập tại doanh nghiệp gồm các nội dung lớp, địa điểm, thời gian thực tập, yêu cầu nội dung viết báo cáo thực tập (**3.4.02** - *Kế hoạch thực tập hàng năm ; 3.2.02 - Kế hoạch đào tạo khóa học 2022-2025; 2023-2026, 2024-2027, 2025-2028.; 3.2.03 - Tiến độ giảng dạy năm học 2023-2024, 2024-2025, 2025-2026*).

Trên cơ sở các kế hoạch được lập, phòng Đào tạo lập các Quyết định trình lãnh đạo nhà trường ký phê duyệt đi thực tập tại các doanh nghiệp, thời gian thực tập hệ cao đẳng Công nghệ ô tô trên 700 giờ đáp ứng nhu cầu thực tiễn nghề nghiệp (**3.4.03** - *Các quyết định cử sinh viên lớp Công nghệ ô tô đi thực tập sản xuất tại các cơ sở hàng năm*).

Để quá trình thực tập của sinh viên hiệu quả kịp thời trao đổi các nội dung phát sinh, đồng thời giáo viên cũng được tiếp cận với những công nghệ mới tại các doanh nghiệp. Nhà trường đã cử các giáo viên tham gia quản lý, hướng dẫn sinh viên viết báo cáo thực tập (**3.4.04** - *Các quyết định cử giáo viên quản lý hướng dẫn sinh viên đi thực tập sản xuất tại các cơ sở hàng năm*).

Kết thúc đợt thực tập, mỗi sinh viên có phiếu nhận xét của doanh nghiệp nơi đến thực tập, đánh giá kết quả học tập với 4 nội dung chính và thang điểm đánh giá là thang điểm 10 được các đơn vị thực tập xác nhận và báo cáo kết quả thực tập (**3.4.05** -*Mẫu đề cương báo cáo thực tập; 3.4.06* - *Báo cáo thực tập sản xuất của học sinh tại các cơ sở có nhận xét của cơ sở tiếp nhận năm 2022,2023,2024,2025; 3.4.07* - *Danh sách sinh viên đã được thực hành/Thực tập tại đơn vị sử dụng lao động; 3.4.08* - *Danh sách sinh viên đã tốt nghiệp; 3.4.09* - *Báo cáo kết quả thực tập của giáo viên có xác nhận của đơn vị sử dụng lao động*). Kết quả thực tập được cựu sinh viên, nhà tuyển dụng đánh giá rất cao kỹ năng, tay nghề của sinh viên các lớp cao đẳng Công nghệ ô tô đã đến doanh nghiệp thực tập. Với tỷ lệ 100% sinh viên được đi thực tập tại các doanh nghiệp, nhà

trường đã đáp ứng được yêu cầu của thị trường lao động. Với tỷ lệ 100% sinh viên được đi thực tập tại các doanh nghiệp, nhà trường đã đáp ứng được yêu cầu của thị trường lao động, phù hợp với nghề đào tạo.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 3.4: 2,5 điểm

Tiêu chuẩn 3.5: Trường xây dựng, ban hành quy trình và tổ chức thực hiện việc kiểm tra, thi, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện, cấp văn bằng cho người tốt nghiệp bảo đảm công bằng, minh bạch; hồ sơ lưu trữ đầy đủ, rõ ràng.

*** Mô tả, phân tích, nhận định:**

Trường căn cứ các Trường căn cứ các Thông tư số 09/2017/TT-BLĐTĐBXH ngày 13/3/2017; Thông tư 04/2022/TT-BLĐTĐBXH ngày 30/3/2022 đã xây dựng và ban hành các Quy chế đào tạo về việc thực hiện chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo niên chế **(3.2.07- Quyết định số 142a/QĐ-CĐCN, ngày 18/9/2017 của Hiệu trưởng về việc ban hành Quy chế Quy định việc tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ Trung cấp, trình độ Cao đẳng theo niên chế)**; Quy chế đào tạo về việc thực hiện chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo phương thức tích lũy mô đun **(3.2.08- Quyết định ban hành Quy chế tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ Trung cấp, trình độ Cao đẳng theo phương thức tích lũy mô đun)**.

Chương trình đào tạo nghề Công nghệ ô tô của trường được ban hành tại Quyết định số 256/QĐ-CĐCN ngày 06/9/2019 thời gian đào tạo 2,5 năm với số lượng môn học, mô đun: 37, 128 tín chỉ. Năm 2022, sau khi rà soát để nâng cao chất lượng đào tạo, đáp ứng yêu cầu của doanh nghiệp nhà trường ban hành chương trình đào tạo trình độ cao đẳng nghề Công nghệ ô tô tại Quyết định số 339/QĐ-CĐCN ngày 22/8/2022 áp dụng từ năm học 2022-2023. Năm 2025, sau khi rà soát để nâng cao chất lượng đào tạo, đáp ứng yêu cầu của doanh nghiệp nhà trường ban hành chương trình đào tạo trình độ cao đẳng nghề Công nghệ ô tô tại Quyết định số 263/QĐ-CĐCN ngày 12/6/2025 áp dụng từ năm học 2025-2026 **(3.3.01 - Các Quyết định ban hành chương trình đào tạo và chương trình đào tạo kèm theo)**.

Căn cứ Thông tư 10/2017/TT-BLĐTĐBXH ngày 13/3/2017, Trường đã xây dựng và ban hành quy trình in quản lý, sử dụng, mẫu văn bằng chứng chỉ tại các Quyết định số 145/QĐ-CĐCN ngày 02/5/2018 Quy định quy trình in, quản lý việc in, bảo quản, bảo mật, sử dụng phôi bằng tốt nghiệp; Quyết định số 288/QĐ-CĐCN ngày 02/10/2019 Quy định mẫu phôi bằng tốt nghiệp trung cấp, cao đẳng, phôi chứng chỉ sơ cấp, chứng chỉ đào tạo của trường; Quyết định số 319/QĐ-CĐCN ngày 10/8/2022 Quy định quy trình in, quản lý việc in, bảo quản, bảo mật, sử dụng phôi bằng tốt nghiệp quản lý việc cấp phát bằng tốt nghiệp trung cấp, cao đẳng

(3.5.01 - Quyết định số 145/QĐ-CĐCN ngày 02/5/2018 Quy định quy trình in, quản lý việc in, bảo quản, bảo mật, sử dụng phôi bằng tốt nghiệp, Quản lý việc cấp phát bằng tốt nghiệp trung cấp, cao đẳng; Quyết định số 288/QĐ-CĐCN ngày 02/10/2019

Quy định mẫu phôi bằng tốt nghiệp trung cấp, cao đẳng, phôi chứng chỉ sơ cấp, chứng chỉ đào tạo của trường CĐCN Bắc Ninh; Quyết định số 319/QĐ-CĐCN ngày 10/8/2022 Quy định quy trình in, quản lý việc in, bảo quản, bảo mật, sử dụng phôi bằng tốt nghiệp quản lý việc cấp phát bằng tốt nghiệp trung cấp, cao đẳng).

Trường tổ chức kiểm tra kết thúc môn học môn đôn các hình thức thi tự luận, trắc nghiệm, vấn đáp và thực hành, việc quản lý các đề thi được giao cho phòng Đào tạo quản lý và giám sát quá trình tổ chức thi kiểm tra, khoa tổ chức coi, chấm thi. qua khảo sát minh chứng và các bài thi nhận thấy việc tổ chức thi kiểm tra đúng theo kế hoạch, thời khóa biểu đã lập (3.5.02 - *Hồ sơ kiểm tra kết thúc môn học, môn đôn các năm học; Bài thi và phiếu chấm thi kết thúc môn học, môn đôn các lớp*).

Đối với xét tốt nghiệp, Trường lập kế hoạch chi tiết về thời gian, địa điểm như: và tổ chức xét tốt nghiệp các khóa theo đúng các kế hoạch đề ra (3.5.03 - *Kế hoạch tổ chức xét tốt nghiệp hàng năm; 3.5.04 - Các Quyết định ban hành và Quy chế đánh giá kết quả rèn luyện HSSV; Phiếu đánh giá kết quả rèn luyện của HSSV; Biên bản họp lớp; BB họp Hội đồng đánh giá; Bảng tổng hợp kết quả rèn luyện HSSV các lớp*). Trên cơ sở các kế hoạch Trường thành lập Hội đồng xét tốt nghiệp, Ban thư ký Hội đồng xét tốt nghiệp, thành lập các Hội đồng đánh giá ĐA/KLTN. Hội đồng xét tốt nghiệp chỉ đạo việc tổ chức xét tốt nghiệp theo đúng quy chế, lập danh sách xét điều kiện tốt nghiệp, tổ chức xét tốt nghiệp theo đúng các quy định (3.5.05 - *Hồ sơ xét tốt nghiệp hàng năm học; Hồ sơ Bảo vệ ĐA/KLTN hàng năm học*).

Sau khi tổ chức xét kết quả học tập, rèn luyện và các điều kiện trên cơ sở các biên bản xét và theo đề nghị của Hội đồng. Nhà trường ra Quyết định công nhận kết quả và cấp bằng tốt nghiệp cho sinh viên, tổ chức lễ tốt nghiệp và trao bằng cho các em sinh viên kết hợp với giới thiệu việc làm cho các doanh nghiệp trong và ngoài tỉnh (3.5.06 - *Quyết định công nhận tốt nghiệp và cấp bằng tốt nghiệp*). (3.5.07 - *Quyết định thành lập Hội đồng thi tốt nghiệp, xét tốt nghiệp năm học 2021-2022, 2022-2023; Biên bản họp xét đủ điều kiện tốt nghiệp; Bảng tổng hợp kết quả học tập từng học kỳ, năm học, khóa học và các biên bản họp xét kết quả học kỳ*).

Để giám sát quá trình kiểm tra kết thúc môn học môn đôn, tổ chức thi tốt nghiệp các kỳ thi Trường có các quyết định thành lập tổ thanh tra công tác đào tạo, thành lập Ban giám sát thi tốt nghiệp và giám sát thi tốt nghiệp các kỳ thi tốt nghiệp diễn ra an toàn đúng quy định, trong các kỳ thi các năm qua không để xảy ra các vi phạm về quy chế thi, kiểm tra (3.5.08 - *Quyết định 184/QĐ-CĐCN ngày 30/10/2017 Quy định về công tác kiểm tra giám sát của trường cao đẳng công nghiệp Bắc Ninh; 3.2.13 - Các biên bản thanh, kiểm tra các hoạt động đào tạo các hàng năm và Các báo cáo kết quả thanh kiểm tra các hoạt động đào tạo các năm học*).

Việc cấp phát văn bằng được thực hiện theo đúng các Quy chế nhà trường đã ban hành tại các Quyết định số 145/QĐ-CĐCN ngày 02/5/2018; Quyết định số 288/QĐ-

CĐCN ngày 02/10/2019; Quyết định số 319/QĐ-CĐCN ngày 10/8/2022, đảm bảo công tác lưu trữ theo đúng quy định, thực hiện công tác kiểm tra tình hình quản lý và cấp phát văn bằng, chứng chỉ (3.5.09 - *Sổ gốc cấp bằng tốt nghiệp hệ Cao đẳng, Trung cấp*). Hàng năm Trường thực hiện công tác báo cáo về tình hình cấp phát văn bằng chứng chỉ hàng năm có Báo cáo gửi Sở Lao động TB& XH tỉnh Bắc Ninh theo quy định (3.5.10 - *Báo cáo tình hình thực hiện in phôi, sử dụng phôi bằng tốt nghiệp hệ Cao đẳng, Trung cấp bản chính, bản sao hàng năm*).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 3.5: 2,5 điểm

Tiêu chuẩn 3.6: *Các phương pháp đánh giá kết quả học tập của người học đa dạng, tương thích với chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo và các mục tiêu dạy và học.*

***Mô tả, phân tích, nhận định:**

Trường tổ chức kiểm tra kết thúc mô học mô đun các hình thức thi tự luận, trắc nghiệm, vấn đáp và thực hành, việc quản lý các đề thi được giao cho phòng Đào tạo quản lý và giám sát quá trình tổ chức thi kiểm tra, khoa tổ chức coi, chấm thi. qua khảo sát minh chứng và các bài thi nhận thấy việc tổ chức thi kiểm tra đúng theo kế hoạch, thời khóa biểu đã lập (3.5.02 - *Hồ sơ kiểm tra kết thúc môn học, mô đun các năm học; Bài thi và phiếu chấm thi kết thúc môn học, mô đun các lớp*).

Trường căn cứ các Trường căn cứ các Thông tư số 09/2017/TT-BLĐTBXH ngày 13/3/2017; Thông tư 04/2022/TT-BLĐTBXH ngày 30/3/2022 đã xây dựng và ban hành các Quy chế đào tạo về việc thực hiện chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo niên chế (3.2.07- *Quyết định số 142a/QĐ-CĐCN, ngày 18/9/2017 của Hiệu trưởng về việc ban hành Quy chế Quy định việc tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ Trung cấp, trình độ Cao đẳng theo niên chế*); Quy chế đào tạo về việc thực hiện chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo phương thức tích lũy mô đun (3.2.08- *Quyết định ban hành Quy chế tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ Trung cấp, trình độ Cao đẳng theo phương thức tích lũy mô đun*). Kèm theo các Quy chế này là các bản hướng dẫn tổ chức thi kiểm tra phù hợp với chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo và mục tiêu dạy học. (3.6.01 – *Các Quyết định ban hành chuẩn đầu ra của ngành Công nghệ ô tô*).

Chương trình đào tạo nghề Công nghệ ô tô của trường được ban hành tại Quyết định số 256/QĐ-CĐCN ngày 06/9/2019 thời gian đào tạo 2,5 năm với số lượng môn học, mô đun: 37, 128 tín chỉ. Năm 2022, sau khi rà soát để nâng cao chất lượng đào tạo, đáp ứng yêu cầu của doanh nghiệp nhà trường ban hành chương trình đào tạo trình độ cao đẳng nghề Công nghệ ô tô tại Quyết định số 339/QĐ-CĐCN ngày 22/8/2022 áp dụng từ năm học 2022-2023. Năm 2025, sau khi rà soát để nâng cao chất lượng đào tạo, đáp ứng yêu cầu của doanh nghiệp nhà trường ban hành chương trình đào tạo trình độ cao đẳng nghề Công nghệ ô tô tại Quyết định số 263/QĐ-CĐCN ngày 12/6/2025 áp dụng từ năm học 2025-2026 (3.3.01 - *Các Quyết định ban hành chương trình đào tạo*

và chương trình đào tạo kèm theo). Trong Hướng dẫn sử dụng chương trình đào tạo nêu rất rõ phương pháp kiểm tra đánh giá, thời gian thực hiện kiểm tra đánh giá (Thi tự luận, Thi trắc nghiệm, Thi Thực hành, bài tập lớn, bài tập dự án... Đồ án tốt nghiệp dạng báo cáo ...). Các bài thi của ngành Công nghệ ô tô được tích hợp rất nhiều trên hệ thống máy tính theo đặc thù của ngành.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 3.6: 2,5 điểm

Tiêu chuẩn 3.7: Kết quả kiểm tra, đánh giá người học được tổng hợp, phân tích và phản hồi kịp thời để cải thiện việc giảng dạy, học tập.

*** Mô tả, phân tích, nhận định:**

Trong quá trình thực hiện hoạt động dạy và học, Nhà Trường đã có nhiều hình thức kiểm tra. Khoa đã chủ động kiểm tra, ký duyệt hồ sơ, giáo án cho giáo viên trước khi lên lớp, tổ chức dự giờ thường xuyên, đột xuất đối với giáo viên trong khoa; Trường thành lập các tổ thanh kiểm tra đào tạo; Tổ khảo thí và đảm bảo chất lượng trực thuộc phòng Đào tạo tại Quyết định số 96/QĐ-CĐCN ngày 23/3/2022 (**3.2.11 – Các Quyết định số thành lập tổ thanh, kiểm tra công tác đào tạo hàng năm**).

Thực hiện các quyết định, hàng năm các tổ thanh kiểm tra đã chủ động lập kế hoạch và tổ chức kiểm tra theo đúng kế hoạch (**3.2.12- Kế hoạch kiểm tra đào tạo các năm học**).

Công tác kiểm tra giám sát, đã đánh giá việc thực hiện kế hoạch đào tạo thường xuyên và đảm bảo hiệu quả thông qua các hoạt động theo dõi tiến độ giảng dạy, giám sát kế hoạch và nội dung giảng dạy theo đúng chương trình đào tạo từng ngành nghề nói chung, ngành Công nghệ ô tô nói riêng (**3.2.13 - Các biên bản thanh, kiểm tra các hoạt động đào tạo các năm và Các báo cáo kết quả thanh kiểm tra các hoạt động đào tạo các năm học**).

Kết quả kiểm tra được ghi trong các biên bản, được nêu trong các cuộc họp giao ban hàng tuần, tháng của Khoa và Trường để kịp thời khắc phục và điều chỉnh, đưa ra các giải pháp khắc phục tại các báo cáo sơ kết 6 tháng đầu năm, báo cáo tổng kết năm học. Trên cơ sở đó các khoa chuyên môn lập các kế hoạch khắc phục và điều chỉnh cho phù hợp như điều chỉnh về hợp tác với doanh nghiệp trong đào tạo kép, đào tạo song hành, bố trí nhiều thời gian cho sinh viên các lớp Công nghệ ô tô đi thực tập tại doanh nghiệp (**3.7.01 - Các Biên bản dự giờ, thanh kiểm tra đào tạo hàng năm; 3.7.02 - Báo cáo GDNN hàng năm; 3.7.03 - Sổ giao ban công tác hàng tháng; 3.3.13 - Các biên bản thanh, kiểm tra các hoạt động đào tạo các năm và Các báo cáo kết quả thanh kiểm tra các hoạt động đào tạo các năm học**).

Hàng năm, Trường tổ chức thu thập ý kiến của cán bộ quản lý, giáo viên và người học về nâng cao chất lượng đào tạo. Thể hiện ở các biên bản họp khoa, văn bản đề nghị và các Báo cáo kết quả khảo sát đối với giáo viên và sinh viên hàng năm đảm bảo công khai minh bạch (**3.7.04 - Phiếu khảo sát, báo cáo kết quả khảo sát các năm 2023, 2024,**

2025; **3.6.05** -*Biên bản đóng góp ý kiến của Phòng Khoa về công tác thi kiểm tra, rèn luyện*) qua đó chứng tỏ rằng Trường qua công tác thanh, kiểm tra đã sử dụng kết quả kiểm tra để kịp thời điều chỉnh các hoạt động dạy và học cho phù hợp.

Kết quả điều chỉnh các hoạt động dạy và học theo đề xuất được thể hiện qua kết quả thanh kiểm tra hoạt động dạy và học hành năm, cụ thể: Kết quả kiểm tra công tác giảng dạy nghề Công nghệ ô tô cho thấy đa phần các giảng viên thực hiện đúng kế hoạch đào tạo, tiến độ và thời khóa biểu; Còn một số ít GV cập nhật các thông tin trên sổ tay giáo viên, sổ lên lớp và giáo án chưa đúng quy định...

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 3.7: 2,5 điểm

2.2.4. Tiêu chí 4: Đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức, người lao động

*** Đánh giá tổng quát tiêu chí:**

Đảng ủy, Ban giám hiệu (BGH) trường Cao đẳng Công nghiệp Bắc Ninh luôn xác định đội ngũ cán bộ quản lý, nhà giáo, viên chức và người lao động là yếu tố quan trọng quyết định đến sự phát triển của nhà trường cũng như quyết định chất lượng đào tạo của nhà trường. Nghề Công nghệ ô tô (CNOTO) là một trong những ngành nghề trọng điểm được nhà trường đặc biệt quan tâm chú trọng về mọi mặt trong đó có đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý.

Trên cơ sở chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, căn cứ vào điều kiện thực tiễn của đơn vị, nhà trường đã xây dựng chiến lược phát triển đội ngũ giáo viên nghề Công nghệ ô tô theo hướng đảm bảo về số lượng, nâng cao về chất lượng.

Hiện nay, chương trình đào tạo nghề CNOTO có sự tham gia của 40 cán bộ, giáo viên (100% giáo viên cơ hữu). Trong đó 100% giáo viên đảm bảo chuẩn nhà giáo giáo dục nghề nghiệp quy định tại Thông tư số 05/2024/TT-BLĐTBXH ngày 10/5/2024 và Thông tư số 21/2020/TT-BLĐTBXH ngày 20/12/2020 của Bộ Lao động - TBXH về chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ nhà giáo giáo dục nghề nghiệp.

*** Những điểm mạnh:**

- Hàng năm, 100% nhà giáo hoàn thành các nhiệm vụ do cơ sở đào tạo giao.
- Trường đảm bảo tất cả các mô-đun, môn học thuộc chương trình đào tạo có đủ nhà giáo đứng lớp; đảm bảo tỉ lệ số người học/lớp và tỉ lệ quy đổi người học/nhà giáo theo quy định.
- Hàng năm, tối thiểu 50% nhà giáo cơ hữu dạy các môn chuyên môn ngành, nghề tham gia nghiên cứu khoa học, các hội thi nhà giáo dạy giỏi, hội thi thiết bị tự làm các cấp.
- Hàng năm, cơ sở đào tạo tổ chức cho nhà giáo cơ hữu tham gia các khóa học tập, bồi dưỡng.
- 100% nhà giáo cơ hữu đi thực tập tại các đơn vị sử dụng lao động theo quy định.

- 100% nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên đạt chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ theo quy định.

- Hàng năm, 100% cán bộ quản lý và nhân viên hoàn thành các nhiệm vụ do Trường giao

*** Những tồn tại:** Không

*** Kế hoạch nâng cao chất lượng**

Tiếp tục tăng cường công tác tuyển dụng nhà giáo, sử dụng nhà giáo kiêm nhiệm tại doanh nghiệp.

Điểm đánh giá tiêu chí 4:

Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm tự đánh giá
Tiêu chí 4	15 (Mười lăm) điểm
<i>Tiêu chuẩn 4.1</i>	<i>2.5 điểm</i>
<i>Tiêu chuẩn 4.2</i>	<i>2.5 điểm</i>
<i>Tiêu chuẩn 4.3</i>	<i>2.5 điểm</i>
<i>Tiêu chuẩn 4.4</i>	<i>2.5 điểm</i>
<i>Tiêu chuẩn 4.5</i>	<i>2.5 điểm</i>
<i>Tiêu chuẩn 4.6</i>	<i>2.5 điểm</i>

Tiêu chuẩn 4.1: Đội ngũ nhà giáo tham gia giảng dạy có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ đạt chuẩn, đáp ứng được yêu cầu chương trình đào tạo và các quy định về tổ chức đào tạo có liên quan.

*** Mô tả, phân tích, nhận định:**

Thực hiện quy định tại Thông tư liên tịch số 18/2015/TTLT-BGDĐT-BLĐTBXH ngày 08/9/2015 quy định tổ chức, dạy, học, đánh giá kết quả học tập môn GDQP và AN tại các cơ sở GDNN, cơ sở GDĐH; Thông tư 15/2022/TT-BLĐTBXH Quy chế quản lý, cấp phát Chứng chỉ giáo dục quốc phòng và an ninh cho sinh viên các trường cao đẳng, Trường Cao đẳng Công nghiệp Bắc Ninh liên kết với Trung tâm GDQP và An ninh thuộc Trường Đại học Thể dục thể thao Bắc Ninh (đơn vị đủ điều kiện được cấp phép huấn luyện theo quy định tại Quyết định số 2295/QĐ-BVHTTDL ngày 02/7/2015 của Bộ VHTTDL) thực hiện Hợp đồng đào tạo giảng dạy môn GDQP và AN (**4.1.01** - Bộ hợp đồng đào tạo môn Giáo dục quốc phòng và an ninh năm 2023, 2024, 2025).

Đội ngũ nhà giáo của Trường tham gia giảng dạy CTĐT nghề CNOTO trình độ cao đẳng 3 năm gần đây như sau:

Năm học	Tổng số	GV dạy các môn chung	GV giảng dạy chuyên môn nghề	Ghi chú
---------	---------	----------------------	------------------------------	---------

2022-2023	10	04	06	0 GV kiêm nhiệm
2023-2024	14	06	08	0 GV kiêm nhiệm
2024-2025	19	08	11	0 GV kiêm nhiệm

(**4.1.02**- Danh sách trích ngang nhà giáo nghề CNOTO năm học 2022-2023, 2023-2024, 2024-2025; **4.1.03** - Kế hoạch giáo viên năm học 2022-2023, 2023-2024, 2024-2025 **4.1.04** - Sổ lên lớp, Giáo án giảng dạy, Sổ tay nhà giáo nghề CNOTO năm học 2022-2023, 2023-2024, 2024-2025).

Kiểm tra hồ sơ quản lý nhà giáo cho thấy trình độ chuyên môn nghiệp vụ của các nhà giáo dạy nghề CNOTO của Trường trong các năm học 2022-2023; 2023-2024; 2024-2025 như sau:

* Năm học 2022-2023: Tổng số nhà giáo tham gia giảng dạy là 10 trong đó: 04 nhà giáo dạy các môn chung; 06 nhà giáo giảng dạy các môn học/mô đun chuyên môn nghề. (Trong số 06 nhà giáo giảng dạy các môn học/mô đun chuyên môn nghề có 06 GV giảng dạy tích hợp các môn học/mô đun chuyên môn nghề). Tất cả các giảng viên tham gia giảng dạy CTĐT đều có thâm niên giảng dạy trên 03 năm.

- Về trình độ chuyên môn: Thạc sĩ: 08 người; Đại học: 02 người; 100% các nhà giáo trên có chuyên ngành đào tạo phù hợp với các môn học/mô đun được phân công giảng dạy cho CTĐT.

- Về kỹ năng nghề của 06 nhà giáo giảng dạy tích hợp, thực hành các môn học/mô đun nghề: 06 người có Chứng chỉ kỹ năng nghề bậc 3 nghề công nghệ ô tô.

- Về nghiệp vụ sư phạm: 01 người có trình độ ĐHSP, 05 người có trình độ CĐCPKT, 04 người có trình độ SPDN.

- Ngoại ngữ: 01 người có trình độ Đại học Anh ngữ; 04 người có chứng chỉ Anh ngữ B1 (bậc 3); 05 người có chứng chỉ B (bậc 2).

- Tin học: 10 người có chứng chỉ Tin học ứng dụng CNTT cơ bản.

* Năm học 2023-2024: Tổng số nhà giáo tham gia giảng dạy là 14 trong đó: 06 nhà giáo dạy các môn chung; 08 nhà giáo giảng dạy các môn học/mô đun chuyên môn nghề. (Trong số 08 nhà giáo giảng dạy các môn học/mô đun chuyên môn nghề có 06 GV giảng dạy tích hợp các môn học/mô đun chuyên môn nghề). Tất cả các giảng viên tham gia giảng dạy CTĐT đều có thâm niên giảng dạy trên 01 năm.

- Về trình độ chuyên môn: Thạc sĩ: 09 người; Đại học: 05 người; 100% các nhà giáo trên có chuyên ngành đào tạo phù hợp với các môn học/mô đun được phân công giảng dạy cho CTĐT.

- Về kỹ năng nghề của 08 nhà giáo giảng dạy tích hợp, thực hành các môn học/mô đun nghề: 06 người có Chứng chỉ kỹ năng nghề bậc 3 nghề công nghệ ô tô.

- Về nghiệp vụ sư phạm: 01 người có trình độ ĐHSP, 12 người có trình độ SPDN; 01 người có trình độ NVSP.

- Ngoại ngữ: 02 người có trình độ Đại học Anh ngữ; 04 người có chứng chỉ Anh ngữ B1 (bậc 3); 08 người có chứng chỉ B (bậc 2).

- Tin học: 02 người có trình độ Đại học; 01 người có chứng chỉ B; 11 người có chứng chỉ Tin học ứng dụng CNTT cơ bản.

* Năm học 2024-2025: Tổng số nhà giáo tham gia giảng dạy là 19 trong đó: 08 nhà giáo dạy các môn chung; 11 nhà giáo giảng dạy các môn học/mô đun chuyên môn nghề. (Trong số 11 nhà giáo giảng dạy các môn học/mô đun chuyên môn nghề có 08 GV giảng dạy tích hợp các môn học/mô đun chuyên môn nghề). Tất cả các giảng viên tham gia giảng dạy CTĐT đều có thâm niên giảng dạy trên 01 năm.

- Về trình độ chuyên môn: Thạc sĩ: 11 người; Đại học: 08 người; 100% các nhà giáo trên có chuyên ngành đào tạo phù hợp với các môn học/mô đun được phân công giảng dạy cho CTĐT.

- Về kỹ năng nghề của 08 nhà giáo giảng dạy tích hợp, thực hành các môn học/mô đun nghề: 08 người có Chứng chỉ kỹ năng nghề bậc 3 nghề công nghệ ô tô.

- Về nghiệp vụ sư phạm: 01 người có trình độ ĐHSP, 17 người có trình độ SPDN; 01 người có trình độ NVSP.

- Ngoại ngữ: 03 người có trình độ Đại học Anh ngữ; 04 người có chứng chỉ Anh ngữ B1 (bậc 3); 12 người có chứng chỉ B (bậc 2).

- Tin học: 02 người có trình độ Đại học; 06 người có chứng chỉ B; 11 người có chứng chỉ Tin học ứng dụng CNTT cơ bản.

(4.1.05- Hồ sơ quản lý nhà giáo giảng dạy nghề CNOTO trình độ cao đẳng năm học 2022-2023, 2023-2024, 2024-2025).

Đối chiếu theo quy định tại Thông tư số 08/2017/TT-BLĐT BXH; Thông tư số 21/2020/TT-BLĐT BXH thì 100% nhà giáo tham gia giảng dạy chương trình đào tạo CNOTO trình độ cao đẳng của Trường đạt chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ.

Hàng năm, Trường đánh giá tổng kết công tác GDNN có nội dung đánh giá về trình độ chuyên môn, nghiệp vụ của đội ngũ nhà giáo toàn trường trong đó đội ngũ nhà giáo giảng dạy nghề CNOTO đảm bảo về trình độ chuyên môn nghiệp vụ theo quy định.

(4.1.06 - Báo cáo tổng kết công tác GDNN năm 2022, 2023, 2024).

Hàng năm, nhà Trường tổ chức thực hiện khảo sát ý kiến của nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức, người lao động về trình độ chuyên môn, nghiệp vụ của đội ngũ nhà giáo toàn trường nói chung và nhà giáo giảng dạy nghề CNOTO nói riêng nhằm lấy ý kiến khách quan để có cơ sở đánh giá và xây dựng kế hoạch bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ nhà giáo. Có 04 mức đánh giá: 1. Rất tốt. 2. Tốt. 3. Trung bình. 4. Không tốt. 5. Kết quả khảo sát cho thấy trên 92% đối tượng khảo sát

đánh giá trình độ chuyên môn, nghiệp vụ của đội ngũ nhà giáo nghề CNOTO đạt loại tốt trở lên.

(4.1.07 - Kế hoạch lấy ý kiến, Phiếu khảo sát, BC khảo sát đội ngũ CBQL, VC, LD về trình độ chuyên môn, nghiệp vụ năm 2023, 2024, 2025).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 4.1: 2,5 điểm

Tiêu chuẩn 4.2: *Đội ngũ nhà giáo được phân công nhiệm vụ phù hợp với trình độ, năng lực và kinh nghiệm. Bảo đảm tất cả các mô-đun, môn học thuộc chương trình đào tạo có đủ nhà giáo giảng dạy; bảo đảm tỷ lệ số người học/lớp và tỷ lệ quy đổi người học/nhà giáo.*

*** Mô tả, phân tích, nhận định:**

Tổng số nhà giáo tham gia giảng dạy nghề CNOTO trình độ cao đẳng các năm học 2022-2023 là 36 người; 2023-2024 là 39 người; 2024-2025 là 37 người **(4.1.02- Danh sách trích ngang nhà giáo nghề CNOTO năm học 2022-2023; 2023-2024; 2024-2025).**

Nhiệm vụ đối với nhà giáo của Trường được quy định tại văn bản quy định chế độ làm việc của nhà giáo GDNN ban hành theo Quyết định số 29/QĐ-CĐCN ngày 28/01/2019 của Hiệu trưởng Nhà trường. Tại văn bản trên Nhà trường đã quy định giờ chuẩn, thời gian giảng dạy, định mức giờ giảng, nhiệm vụ của giáo viên, thời gian làm việc, thời gian nghỉ hằng năm, chế độ làm việc, chế độ dạy thêm, giảm giờ giảng và quy đổi các hoạt động chuyên môn khác ra giờ chuẩn, trong đó tại Điều 5 “*Định mức giờ giảng*” quy định định mức giờ giảng trong một năm học: là 450 giờ chuẩn đối với nhà giáo giảng dạy trình độ cao đẳng, trình độ trung cấp, 510 giờ chuẩn đối với nhà giáo giảng dạy các môn chung trình độ cao đẳng, trình độ trung cấp **(4.2.01 - Quy định chế độ làm việc của nhà giáo GDNN ban hành theo Quyết định số 57/QĐ-CĐCN ngày 20/01/2025)**

Việc bố trí nhà giáo đứng lớp cho các mô-đun, môn học thuộc CTĐT của trường: Chương trình ban hành năm 2019, 2022 thời gian đào tạo trong 2,5 năm. **(1.1.01 - Chương trình đào tạo nghề CNOTO năm 2019, 2022).** Hằng năm, Nhà trường đã phân công nhiệm vụ cụ thể cho các nhà giáo giảng dạy từng môn học/mô đun cho từng lớp **(4.2.02- Kế hoạch giáo viên năm học 2022-2023, 2023-2024, 2024-2025).** Kết thúc mỗi năm học Nhà trường đã tổng hợp khối lượng công tác để đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ được giao của từng cá nhân, tập thể trên cơ sở đó để bình xét thi đua, đánh giá, xếp loại chất lượng cán bộ, công chức, viên chức theo quy định. Thông qua kết quả đánh giá, xếp loại chất lượng cán bộ, công chức, viên chức, kết quả bình xét thi đua hàng năm cho thấy mức độ hoàn thành các nhiệm vụ của các nhà giáo.

Tất cả các mô - đun, môn học thuộc chương trình đào tạo có đủ nhà giáo đứng lớp; đảm bảo tỉ lệ số người học/lớp và tỉ lệ quy đổi người học/nhà giáo theo quy định.

Số lớp nghề CNOTO trình độ cao đẳng qua các năm học thể hiện ở bảng sau:

Năm học	Lớp	Sĩ số	Quyết định thành lập số
2022-2023	CNOT CĐK11A1	36	298/QĐ-CĐCN ngày 16/10/2020
	CNOT CĐK11A2	36	
	CNOT CĐK12A1	34	377/QĐ-CĐCN ngày 10/11/2021
	CNOT CĐK12A2	34	
	CNOT CĐK13A1	36	437/QĐ-CĐCN ngày 12/10/2022
	CNOT CĐK13A2	35	
2023-2024	CNOT CĐK12A1	34	377/QĐ-CĐCN ngày 10/11/2021
	CNOT CĐK12A2	34	
	CNOT CĐK13A1	36	437/QĐ-CĐCN ngày 12/10/2022
	CNOT CĐK13A2	35	
	CNOT CĐK14A1	31	520/QĐ-CĐCN ngày 19/10/2023
	CNOT CĐK14A2	31	
	CNOT CĐK14A3	31	
2024-2025	CNOT CĐK13A1	17	437/QĐ-CĐCN ngày 12/10/2022
	CNOT CĐK13A2	20	
	CNOT CĐK14A1	24	520/QĐ-CĐCN ngày 19/10/2023
	CNOT CĐK14A2	25	
	CNOT CĐK14A3	21	
	CNOT CĐK15A1	27	560/QĐ-CĐCN ngày 05/11/2024
	CNOT CĐK15A2	29	
	CNOT CĐK15A3	26	

(4.2.03 - Bảng diễn biến HSSV toàn trường năm học 2022-2023; 2023-2024; 2024-2025; 4.2.04 - Quyết định biên chế các lớp năm 2022-2023; 2023-2024; 2024-2025).

- Về số lượng người học/lớp: Theo các QĐ biên chế lớp, trong thời gian từ năm học 2022-2023 đến năm học 2024- 2025 có 12 lớp nghề CNOTO trình độ cao đẳng. Kiểm tra danh sách người học kèm theo QĐ thành lập lớp, sổ lên lớp, sổ giáo án, sổ tay giáo viên kết hợp khảo sát thực tế cho thấy các lớp học lý thuyết là đảm bảo theo quy định.

Các lớp thực hành đảm bảo không quá 18 người/lớp. (2.2.08 - Số lên lớp, giáo án giảng dạy, sổ tay nhà giáo 2022-2023, 2023-2024, 2024-2025).

- Tỷ lệ quy đổi người học/nhà giáo: Số nhà giáo giảng dạy nghề CNOTO trình độ cao đẳng được quy đổi như sau:

TT	Nhà giáo	Số lượng giáo viên			Số giáo viên quy đổi		
		2022 - 2023	2023 - 2024	2024 - 2025	2022 - 2023	2023 - 2024	2024 - 2025
1	Giáo viên toàn thời gian	06	08	11	06	08	11
2	Giáo viên kiêm nhiệm	0	0	0	0	0	0
3	Giáo viên thỉnh giảng	0	0	0	0	0	0
4	Giáo viên môn chung	04	06	08	1.1	1.2	1.4
	Tổng	10	14	19	7.1	9.2	12.4

Thông kê số lượng SV qua các năm học cho thấy tỷ lệ quy đổi người học/nhà giáo của trường như sau:

Năm học	Tổng số HSSV	Có mặt đầu năm	Tốt nghiệp đầu năm	Tuyển mới	HSSV quy đổi	Tổng HSSV quy đổi	GV quy đổi	Tỷ lệ HS/GV
2022-2023	211	68	72	71	95.3	163.3	7.1	23
2023-2024	232	139	39	93	98.5	174.6	9.2	18,9
2024-2025	189	70	37	82	83.3	153.3	12.4	12.4

Trong bảng trên tính thời gian học là 10 tháng/năm học,

(4.2.04- Bảng quy đổi tỷ lệ người học/giáo viên nghề CNOTO trình độ CD năm học 2021-2022; 2022-2023, 2023-2024).

Kiểm tra bảng tổng hợp giờ giảng, bảng thanh toán vượt giờ cho nhà giáo cho thấy qua các năm học đối với các nhà giáo tham gia giảng dạy nghề CNOTO trình độ cao đẳng không có nhà giáo nào vượt quá 200 giờ (4.2.06 - Bảng thống kê giờ giảng của nhà giáo năm học 2022-2023; 2023-2024, 2024-2025 4.2.07 - Bảng thanh toán tiền vượt giờ năm học 2022-2023; 2023-2024, 2024-2025).

Số liệu trên cho thấy tỷ lệ quy đổi người học/nhà giáo của trường là đảm bảo quy định.

Trường đã được thực hiện thường xuyên (3.2.11 - Quyết thành lập tổ thanh, kiểm tra công tác đào tạo năm học 2022-2023; 2023-2024; 2024-2025; 3.2.12 - Kế hoạch số kiểm tra đào tạo năm học 2022-2023; 2023-2024; 2024-2025; 3.2.13- Các biên bản

thanh, kiểm tra các hoạt động đào tạo các năm 2023, 2024, 2025 và Các báo cáo kết quả thanh kiểm tra các hoạt động đào tạo năm 2023, 2024, 2025)

Như vậy, Trường đảm bảo đủ nhà giáo đứng lớp, đảm bảo tỉ lệ số người học/lớp và tỷ lệ quy đổi người học/nhà giáo theo quy định.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 4.2: 2,5 điểm

Tiêu chuẩn 4.3: Có kế hoạch phát triển đội ngũ nhà giáo bảo đảm về số lượng và chất lượng để thực hiện chương trình đào tạo. Nhà giáo tích cực tham gia nghiên cứu khoa học, các hội thi liên quan đến chuyên môn, nghiệp vụ của nhà giáo.

*** Mô tả, phân tích, nhận định:**

Nhà trường xác định phát triển đội ngũ nhà giáo là nhiệm vụ trọng tâm, có ý nghĩa quyết định đến chất lượng đào tạo nghề Công nghệ ô tô. Vì vậy, Trường Cao đẳng Công nghiệp Bắc Ninh đã ban hành hệ thống các văn bản định hướng, chỉ đạo và triển khai cụ thể nhằm bảo đảm đội ngũ giảng viên đủ về số lượng, hợp lý về cơ cấu và đạt chuẩn về chất lượng theo quy định.

Cụ thể, Nghị quyết phát triển đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giai đoạn 2021–2025, định hướng đến năm 2030 (**4.3.01 – Nghị quyết phát triển đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030**) là văn bản định hướng chiến lược, xác định rõ mục tiêu, chỉ tiêu và giải pháp phát triển đội ngũ. Nghị quyết đề ra yêu cầu về chuẩn trình độ chuyên môn, kỹ năng nghề, năng lực số và năng lực nghiên cứu khoa học của giảng viên, làm căn cứ để xây dựng các kế hoạch hằng năm.

Nhà trường hằng năm xây dựng kế hoạch cử giảng viên tham gia nghiên cứu khoa học, sáng kiến kinh nghiệm, biên soạn giáo trình và các hội giảng, hội thi, kỳ thi Nhà giáo GDNN các cấp nhằm nâng cao trình độ chuyên môn, kỹ năng nghề và nghiệp vụ sư phạm. Nhiều giảng viên nghề Công nghệ ô tô đã đạt giải cao trong hội giảng, hội thi thiết bị đào tạo tự làm, có đề tài nghiên cứu và sáng kiến cải tiến kỹ thuật, góp phần nâng cao chất lượng đào tạo và uy tín của nhà trường (**4.3.02 – Kế hoạch tổ chức Hội thi, Hội giảng năm học 2022-2023, 2023-2024, 2024-2025**).

Trong 3 năm qua, tập thể giáo viên cơ hữu giảng dạy các môn chuyên môn nghề CNOTO trình độ cao đẳng của trường tham gia nghiên cứu khoa học, các hội thi nhà giáo dạy giỏi, hội thi thiết bị tự làm các cấp, cụ thể như sau:

- Về công tác nghiên cứu khoa học

Trong 3 năm qua, tập thể giáo viên cơ hữu giảng dạy các môn chuyên môn nghề CNOTO trình độ cao đẳng của trường tham gia nghiên cứu khoa học, các hội thi nhà giáo dạy giỏi, hội thi thiết bị tự làm các cấp, cụ thể như sau:

Năm học 2022-2023: Theo QĐ số 489/QĐ-CĐCN ngày 14/11/2022 có 02 đề tài NCKH: Nhóm tác giả Nguyễn Quốc Hiệp, Võ Văn Hùng với đề tài xây dựng bài giảng số cho mô đun MĐ34-Bảo dưỡng và sửa hệ thống điều hòa không khí trên ô tô; Nhóm

tác giả Võ Văn Hùng, Nguyễn Văn Hạnh, Lê Đức Tùng, Nguyễn Quốc Hiệp, Nguyễn Văn Hiệu với đề tài Mô hình thực hành ô tô sử dụng động cơ xăng

Năm học 2023-2024: Theo QĐ số 354/QĐ-SLĐTBXH ngày 05/12/2023 có 01 đề tài NCKH: Nhóm tác giả do Nguyễn Văn Hiệu làm chủ biên.

Theo QĐ số 559/QĐ-CĐCN ngày 04/11/2024 có 02 đề tài NCKH: Nhóm tác giả do Nguyễn Văn Hạnh và Nguyễn Văn Hiệu làm chủ biên

Năm học 2024-2025: Theo QĐ số 225/QĐ-CĐCN ngày 30/5/2025: Xây dựng bài giảng số mô đun Bảo dưỡng và sửa chữa hệ thống phanh ứng dụng giảng dạy trên hệ thống LCMS (Nguyễn Văn Hiệu (CN) Võ Văn Hùng Trần Kim Quang Nguyễn Đăng Tiến); Xây dựng bài giảng số mô đun Bảo dưỡng và sửa chữa hệ thống nhiên liệu động cơ Diesel trên hệ thống LCMS (Nguyễn Quốc Hiệp (CN) Lê Đức Tùng); Nghiên cứu, ứng dụng chuyển đổi số trong mô đun chẩn đoán trạng thái kỹ thuật ô tô Lê Đức Tùng (CN) Nguyễn Quốc Hiệp Võ Đình Long Trần Kim Quang Nguyễn Đăng Tiến; Nghiên cứu, cải tiến thiết bị thực hành mô hình ô tô dùng động cơ diesel (Nguyễn Văn Hạnh (CN) Nguyễn Công Phước Nguyễn Công Hoàng Nguyễn Văn Hiệu Cao Huy Phúc)

4.3.03 - Quyết định công nhận các ĐTKH, SKKN các năm 2023, 2024, 2025; **4.3.04** - Hồ sơ thuyết minh khoa học năm 2023, 2024, 2025; **4.3.05**- Các bài báo của đội ngũ Nhà giáo tham gia giảng dạy nghề CNOTO đăng trên các tạp chí khoa học; **4.3.06** - Các luận văn thạc sỹ hoàn thành từ năm 2023 đến năm 2025.

- Về việc tham gia hội thi nhà giáo dạy giỏi:

Năm học 2022 - 2023: Theo QĐ số 268/QĐ-CĐCN ngày 22/7/2022, nhà giáo tham gia giảng dạy nghề CNOT có 01 nhà giáo tham gia thi giảng nhà giáo GDNN cấp trường (thầy Nguyễn Văn Hạnh). 02 thầy đạt giải tại Hội thi thiết kế bài giảng trực tuyến trên hệ thống LCMS năm 2022 (thầy Nguyễn Văn Hạnh đạt giải nhất, thầy Nguyễn Văn Hiệu đạt giải ba).

(4.3.07 - Quyết định công nhận kết quả hội giảng nhà giáo GDNN cấp trường năm 2023, 2024, 2025).

- Về việc các nhà giáo tham gia hội thi thiết bị tự làm các cấp:

Năm học 2022-2023: Theo Quyết định số 963/QĐ-BLĐTBXH ngày 14/10/2022 của Bộ Lao động - TBXH nhóm tác giả Mô hình thực hành ô tô sử dụng động cơ xăng của thầy Võ Văn Hùng, Nguyễn Văn Hạnh, Nguyễn Quốc Hiệp, Lê Đức Tùng, Nguyễn Văn Hiệu đạt giải khuyến khích tại Hội thi thiết bị đào tạo tự làm toàn quốc năm 2022.

Tổng hợp các hoạt động tham gia nghiên cứu khoa học, các hội thi nhà giáo dạy giỏi, hội thi thiết bị tự làm các cấp của đội ngũ nhà giáo cơ hữu tham gia giảng dạy chương trình đào tạo nghề CNOTO trình độ cao đẳng của trường cụ thể như sau:

Năm học	Số nhà giáo cơ hữu dạy chuyên môn nghề	Số lượt tham gia NCKH	Tỷ lệ
---------	--	-----------------------	-------

			(%)
2022-2023	06	06	100%
2023-2024	08	07	87,5%
2024-2025	11	10	91%

Qua số liệu trên cho thấy, hàng năm các nhà giáo cơ hữu dạy các môn chuyên môn nghề đã tham gia các hoạt động nghiên cứu khoa học, các hội thi thiết bị tự làm, hội thi nhà giáo dạy giỏi cấp trường hàng năm vượt trên 50%. *(4.3.09 - Văn bản/tài liệu/hình ảnh thể hiện nhà giáo tham gia nghiên cứu khoa học, các hội thi dạy nghề giỏi, hội thi thiết bị tự làm)*

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 4.3: 2,5 điểm

Tiêu chuẩn 4.4: Nhu cầu về đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn của nhà giáo được xác định có tính hệ thống, có kế hoạch và có các hoạt động triển khai để đáp ứng nhu cầu. Nhà giáo định kỳ được học tập, bồi dưỡng, thực tập để cập nhật kiến thức, công nghệ, nâng cao kỹ năng nghề nghiệp hoặc theo yêu cầu đặc thù của chương trình đào tạo.

*** Mô tả, phân tích, nhận định:**

Số nhà giáo cơ hữu tham gia giảng dạy chuyên môn nghề CNOTO qua các năm học như sau:

Năm học	Tổng số nhà giáo tham gia dạy	Số nhà giáo cơ hữu dạy chuyên môn nghề	Ghi chú
2022-2023	10	06	
2023-2024	14	08	
2024-2025	19	11	

(4.1.02- Danh sách trích ngang nhà giáo nghề CNOTO năm học 2022-2023; 2023-2024; 2024-2025).

Nhà trường xác định công tác đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn cho đội ngũ nhà giáo là nhiệm vụ thường xuyên, liên tục và có tính hệ thống nhằm đáp ứng yêu cầu đổi mới chương trình, phương pháp và công nghệ đào tạo nghề Công nghệ ô tô.

Căn cứ Chiến lược phát triển đội ngũ nhà trường giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030, Nghị quyết phát triển đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý cùng các quy định về chuẩn nhà giáo GDNN, hàng năm Trường Cao đẳng Công nghiệp Bắc Ninh tổ chức khảo sát, đánh giá năng lực và nhu cầu bồi dưỡng của giảng viên, từ đó xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ theo từng năm học *(4.3.01 - Nghị quyết phát triển đội ngũ cán bộ quản lý, giảng viên giai đoạn 2021-2025, tầm nhìn đến năm 2030).*

Trường xây dựng Quy định về công tác đào tạo, bồi dưỡng năm 2018 Nhà trường xây dựng quy chế đào tạo, bồi dưỡng cán bộ công chức, người lao động kèm theo Quyết định số 21/QĐ-CĐCN ngày 23/01/2018 về việc ban hành quy chế đào tạo, bồi dưỡng cán bộ công chức, người lao động trường Cao đẳng Công nghiệp Bắc Ninh. Hàng năm nhà trường tiến hành rà soát lại Quy chế nêu trên. Năm 2023, 2024, 2025 Trường rà soát, điều chỉnh và ban hành theo Quyết định số 52/QĐ-CĐCN ngày 30/01/2023; số 77/QĐ-CĐCN ngày 06/2/2024; số 52/QĐ-CĐCN ngày 20/1/2025 (**4.4.01- Quy định về công tác đào tạo, bồi dưỡng năm 2018, 2023, 2024, 2025**) theo đó Quy chế có 6 chương 17 điều trong đó quy định nội dung, hình thức, tổ chức quản lý, trình tự thủ tục, chế độ thực hiện công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ công chức, người lao động của trường.

Hàng năm Nhà trường đã xây dựng đào tạo, kế hoạch bồi dưỡng để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ cho đội ngũ nhà giáo của trường trong đó có các nhà giáo tham gia giảng dạy CTĐT nghề Công nghệ ô tô trình độ cao đẳng cụ thể:

- Về việc xây dựng kế hoạch: Năm 2023: Kế hoạch số 92/KH-CĐCN ngày 26/12/2022; Năm 2024: Kế hoạch số 67/KH-CĐCN ngày 06/7/2023; Năm 2025: Kế hoạch số 16/KH-CĐCN ngày 28/02/2025 trong đó có nhà giáo cơ hữu tham gia giảng dạy chương trình CNOTO trình độ cao đẳng nằm trong kế hoạch trên trường (**4.4.02- Các kế hoạch công tác đào tạo, bồi dưỡng năm 2023, 2024, 2025**).

- Về việc tổ chức thực hiện cho nhà giáo cơ hữu tham gia các khóa học tập, bồi dưỡng đối với nhà giáo tham gia giảng dạy chương trình CNOTO trình độ cao đẳng trong các năm học qua Nhà trường đã thực hiện nghiêm túc. Trong đó 100% nhà giáo tham gia đào tạo, bồi dưỡng về chuyên môn, nghiệp vụ, tin học, ngoại ngữ...

(**4.4.03 - Các Quyết định cử nhà giáo cơ hữu tham gia các khóa đào tạo, bồi dưỡng năm học 2022-2023; 2023-2024; 2024-2025**).

Sau mỗi đợt học tập, bồi dưỡng, các nhà giáo đều có báo cáo quá trình và kết quả học tập, bồi dưỡng gửi Nhà trường (**4.4.04 - Chứng nhận, chứng chỉ hoàn thành khóa đào tạo, bồi dưỡng của các nhà giáo năm học 2022-2023; 2023-2024; 2024-2025; 4.4.05 - Báo cáo của nhà giáo sau các khóa đào tạo, bồi dưỡng năm học 2022-2023; 2023-2024; 2024-2025**).

Hàng năm Nhà trường đã tổ chức cho các nhà giáo đi thực tập tại các đơn vị sử dụng lao động, thời gian 04 tuần/năm học đảm bảo quy định tại Thông tư 07/2017/TT-BLĐTBXH ngày 10/3/2017 của Bộ LĐTBXH.

Năm học 2022-2023: Kế hoạch số 78/KH-CĐCN ngày 10/11/2022/KH-CĐCN; Quyết định số 195/QĐ-CĐCN ngày 24/4/2023 trong đó có kế hoạch cho 06 nhà giáo cơ hữu tham gia giảng dạy các môn học/mô đun chuyên môn chương trình Công nghệ ô tô trình độ cao đẳng thực tập tại doanh nghiệp.

Năm học 2023-2024: Kế hoạch số 94/KH-CĐCN ngày 06/11/2023; Quyết định số 205/QĐ-CĐCN ngày 13/4/2024 trong đó có kế hoạch cho 08 nhà giáo cơ hữu tham

gia giảng dạy các môn học/mô đun chuyên môn chương trình trình Công nghệ ô tô trình độ cao đẳng thực tại doanh nghiệp.

Năm học 2024-2025: Kế hoạch số 103/KH-CĐCN ngày 01/12/2024; Quyết định số 238/QĐ-CĐCN ngày 10/2/2025 trong đó có kế hoạch cho 11 nhà giáo cơ hữu tham gia giảng dạy các môn học/mô đun chuyên môn chương trình trình Công nghệ ô tô trình độ cao đẳng thực tại doanh nghiệp.

(4.4.06 - Các kế hoạch thực tập doanh nghiệp các năm học 2022-2023; 2023-2024; 2024-2025).

- Về việc tổ chức thực hiện: Trong các năm học qua nhà giáo tham gia giảng dạy nghề CNOTO đã nghiêm túc thực hiện việc thực tập tại các đơn vị sử dụng lao động.

(4.4.07- Danh sách nhà giáo tham gia thực tập tại DN; 4.4.08 - Quyết định cử GV đi thực tập tại doanh nghiệp năm học 2022-2023; 2023-2024; 2024-2025).

Sau mỗi đợt học tập, bồi dưỡng, các nhà giáo đều có báo cáo kết quả với Nhà trường *(4.4.09 - Báo cáo thực tập có xác nhận của doanh nghiệp; 4.4.10 - Hình ảnh nhà giáo đi thực tập tại doanh nghiệp)*. Đối chiếu danh sách các nhà giáo đã đi thực tập với danh sách đội ngũ nhà giáo tham gia giảng dạy chương trình đào tạo cho thấy hàng năm 85% nhà giáo cơ hữu gia giảng dạy chương trình đào tạo đã đi thực tập tại các đơn vị sử dụng lao động theo quy định.

Hàng năm Trường đều thực hiện lấy ý kiến của nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức, người lao động về “công tác đào tạo, bồi dưỡng” nhằm từng bước nâng cao hiệu quả công tác này. Kết quả khảo sát cho thấy trên 95% đối tượng tham gia khảo sát nhận định Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng, phát triển đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên được triển khai, thực hiện có hiệu quả. *(4.4.11 - Kế hoạch lấy ý kiến, Phiếu khảo sát, Báo cáo khảo sát về công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ quản lý, viên chức, người lao động từ năm 2022 đến năm 2025).*

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 4.4: 2,5 điểm

Tiêu chuẩn 4.5: Đội ngũ cán bộ quản lý, viên chức, người lao động của khoa hoặc bộ môn triển khai chương trình đào tạo đáp ứng yêu cầu về trình độ chuyên môn, nghiệp vụ và thực hiện có hiệu quả nhiệm vụ trong xây dựng, tổ chức triển khai chương trình đào tạo; định kỳ được học tập, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ.

**** Mô tả, phân tích, nhận định:***

Các đơn vị trực tiếp tổ chức thực hiện chương trình đào tạo nghề CNOTO trình độ cao đẳng bao gồm khoa Công nghệ ô tô đảm nhiệm giảng dạy các môn học/mô đun chuyên nghề; Các phòng Tổ chức - HC, Kế toán, Đào tạo, Quan hệ công chúng, Công tác HSSV tham gia công tác hỗ trợ, phục vụ.

- Số lượng CBQL, nhân viên các đơn vị của Trường tham gia vào quá trình đào tạo nghề CNOTO trình độ cao đẳng như sau:

TT	Đơn vị	Số lượng CBQL			Số lượng nhân viên		
		Năm học 2021- 2022	Năm học 2022- 2023	Năm học 2023- 2024	Năm học 2021- 2022	Năm học 2022- 2023	Năm học 2023- 2024
1	Khoa Công nghệ ô tô	1	1	2	0	0	0
2	Khoa Khoa học - KT - CNTT	2	2	2	0	0	0
3	Phòng Đào tạo	2	2	2	5	5	5
4	Phòng Tổ chức - Hành chính	3	3	2	4	4	4
5	Phòng Kế toán	1	1	0	3	3	3
6	Phòng Quan hệ công chúng	1	1	1	6	6	6
7	Phòng Phòng Công tác HSSV	2	2	2	5	5	5
Tổng		14	12	12	11	23	23

Đội ngũ cán bộ quản lý, viên chức và người lao động của các khoa, bộ môn trong Trường Cao đẳng Công nghiệp Bắc Ninh được bố trí đảm bảo phù hợp với quy mô đào tạo và cơ cấu ngành nghề. Các cán bộ quản lý đều có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ đáp ứng yêu cầu vị trí việc làm, am hiểu chương trình đào tạo và có năng lực tổ chức, quản lý hoạt động chuyên môn của đơn vị.

* Đối với CBQL tính đến thời điểm hiện tại có 11 CBQL tham gia vào quá trình đào tạo nghề CNOTO trình độ cao đẳng. Trình độ chuyên môn nghiệp vụ của đội ngũ CBQL như sau: 07 Thạc sĩ; 04 Đại học; 05 người có trình độ kỹ năng nghề trình độ cao đẳng; 01 người có trình độ Đại học Anh ngữ; 05 người có chứng chỉ Anh ngữ B1 (bậc 3); 01 người có chứng chỉ Anh C (bậc 3); 05 người có chứng chỉ B (bậc 2); 11 người có chứng chỉ Tin học ứng dụng CNTT cơ bản; 11/11 người có trình độ Trung cấp LLCT;

11/11 người có chứng chỉ Bồi dưỡng nghiệp vụ QL cơ sở GDNN; 01 người có trình độ bồi dưỡng NVSP; 02 người có trình độ CĐ SPKT; 02 người có trình độ ĐH SPKT; 01 người có trình độ ĐHSP; 05 người có trình độ SP dạy nghề.

* Đối với viên chức các phòng chức năng: tính đến thời điểm hiện tại có 23 viên chức các phòng chức năng tham gia vào quá trình đào tạo nghề CNOTO trình độ cao đẳng. Trình độ chuyên môn nghiệp vụ của đội ngũ viên chức như sau: 08 thạc sĩ, 15 ĐH; Ngoại ngữ: 100% trình độ ngoại ngữ từ B trở lên; 100% có chứng chỉ tin học ứng dụng tin học cơ bản. Trong đó:

Kế toán trưởng: Nguyễn Thị Hà: trình độ ĐH chuyên ngành Kế toán, Công nghệ thông tin cơ bản, trình độ ngoại ngữ: Anh B, chứng chỉ kế toán trưởng, Chứng chỉ QLCSGDNN, thâm niên công tác 10 năm, được bổ nhiệm chức danh Kế toán trưởng theo Quyết định số 89/QĐ-SLĐTBXH-VP ngày 27/4/2016 của Giám đốc Sở LĐTBXH Bắc Ninh và Quyết định số 141a/QĐ-SLĐTBXH-VP ngày 10/8/2021 của Giám đốc Sở LĐTBXH Bắc Ninh về việc bổ nhiệm lại.

Nhân viên thư viện: Nguyễn Thị Nguyệt: trình độ Đại học Kế toán, Trung cấp Thư viện; Tin học: Cơ bản; Ngoại ngữ: Anh B

Nhân viên y tế: Vũ Thị Kim Dung; Trình độ Đại học Quản trị nhân sự; Trung cấp Y sỹ sản nhi; Tin học: Cơ bản; Ngoại ngữ: Anh B

(4.5.01 - Danh sách trích ngang đội ngũ cán bộ quản lý và nhân viên trực tiếp tổ chức thực hiện chương trình đào tạo nghề CNOTO năm 2023, 2024, 2025; 4.5.02- Các quyết định bổ nhiệm của CBQL; 4.5.03 - Hồ sơ cán bộ, viên chức, lao động).

Đối chiếu với quy định tại điều 21 của TT 46/2016/BLĐTBXH và tại Điều 22; Điều 24 của TT 15/2021/BLĐTBXH. cho thấy 100% đội ngũ CBQL và nhân viên tham gia tổ chức CTĐT nghề CNOTO của Trường đạt tiêu chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ.

Hàng năm Nhà trường đã xây dựng đào tạo, kế hoạch bồi dưỡng để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ, viên chức, người lao động toàn trường, trong đó có đội ngũ cán bộ quản lý, viên chức, người lao động triển khai chương trình đào tạo nghề CNOTO.

- Về việc xây dựng kế hoạch: Năm 2023: Kế hoạch số 92/KH-CĐCN ngày 26/12/2022; Năm 2024: Kế hoạch số 67/KH-CĐCN ngày 06/7/2023; Năm 2025: Kế hoạch số 16/KH-CĐCN ngày 28/02/2025 trong đó có nhà giáo cơ hữu tham gia giảng dạy chương trình CNOTO trình độ cao đẳng nằm trong kế hoạch trên trường *(4.4.02- Các kế hoạch công tác đào tạo, bồi dưỡng năm 2023, 2024, 2025).*

- Về việc tổ chức thực hiện cho cán bộ, viên chức, lao động triển khai chương trình CNOTO trình độ cao đẳng trong các năm học qua Nhà trường đã thực hiện nghiêm túc. Trong đó 100% nhà giáo tham gia đào tạo, bồi dưỡng về chuyên môn, nghiệp vụ, tin học, ngoại ngữ...

(4.5.04 - Các Quyết định cử CBVCLĐ tham gia các khóa đào tạo, bồi dưỡng năm học 2022-2023; 2023-2024; 2024-2025).

Sau mỗi đợt học tập, bồi dưỡng, CBVCLĐ đều có báo cáo quá trình và kết quả học tập, bồi dưỡng gửi Nhà trường *(4.5.05 - Chứng nhận, chứng chỉ hoàn thành khoá đào tạo, bồi dưỡng của các nhà giáo năm học 2022-2023; 2023-2024; 2024-2025; 4.5.06 - Báo cáo của nhà giáo sau các khóa đào tạo, bồi dưỡng năm học 2022-2023; 2023-2024; 2024-2025).*

Hàng năm Trường đều thực hiện lấy ý kiến của CBVCLĐ về “công tác đào tạo, bồi dưỡng” nhằm từng bước nâng cao hiệu quả công tác này. Kết quả khảo sát cho thấy trên 90% đối tượng tham gia khảo sát nhận định Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng, phát triển đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên được triển khai, thực hiện có hiệu quả *(4.4.11 - Kế hoạch lấy ý kiến, Phiếu khảo sát, Báo cáo khảo sát về công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ quản lý, viên chức, người lao động từ năm 2022 đến năm 2025).*

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 4.5: 2,5 điểm

Tiêu chuẩn 4.6: Đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức, người lao động của khoa hoặc bộ môn triển khai chương trình đào tạo được hưởng các chế độ, chính sách theo quy định. Thực hiện chính sách khuyến khích đối với nhà giáo, cán bộ quản lý có thành tích để cải tiến liên tục chất lượng của chương trình đào tạo.

**** Mô tả, phân tích, nhận định:***

Trường Cao đẳng Công nghiệp Bắc Ninh luôn quan tâm thực hiện đầy đủ các chế độ, chính sách đối với đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức và người lao động theo quy định của Nhà nước. Các chế độ về tiền lương, phụ cấp, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, nghỉ phép, nghỉ chế độ... đều được chi trả và thực hiện kịp thời, minh bạch, đúng quy định. Nhà trường thường xuyên rà soát, cập nhật các văn bản mới của Chính phủ, Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội, Bộ Tài chính, UBND tỉnh Bắc Ninh để áp dụng thống nhất trong toàn trường. *(4.6.01 - Báo cáo tổng kết công tác năm 2023, 2024, 2025).* Phụ cấp độc hại, nặng nhọc, nguy hiểm: Đối với nhà giáo trực tiếp giảng dạy tại các xưởng, phòng thực hành nghề có yếu tố nguy hiểm, độc hại như hàn, công nghệ ô tô, cắt gọt kim loại, Công nghệ ô tô nhà trường lập danh sách và chi trả phụ cấp độc hại, nặng nhọc theo quy định hiện hành. *(4.6.02 – Quyết định mức hưởng phụ cấp nặng nhọc, độc hại; hồ sơ hưởng phụ cấp nặng nhọc độc hại)*

Bên cạnh đó, nhà trường triển khai nhiều chính sách khuyến khích, khen thưởng đối với đội ngũ có thành tích trong giảng dạy, nghiên cứu khoa học, bồi dưỡng học sinh đạt giải, đổi mới phương pháp giảng dạy, và ứng dụng công nghệ số trong đào tạo. *(4.6.03 - Quy chế chi tiêu nội bộ năm 2023, 2024, 2025).* Hằng năm, các tập thể, cá nhân có thành tích được đề nghị các hình thức khen thưởng như: Giấy khen của Hiệu trưởng, Bằng khen của UBND tỉnh, các Bộ - Ngành

Nhà trường cũng quan tâm đến chính sách phúc lợi, tổ chức các hoạt động tham quan, nghỉ dưỡng, khám sức khỏe định kỳ, tặng quà nhân dịp lễ, Tết... nhằm nâng cao đời sống tinh thần và động viên đội ngũ yên tâm công tác, gắn bó lâu dài. **(4.6.04 – Kế hoạch tổ chức tham quan, nghỉ mát năm 2023, 2024, 2025)**. Nhờ thực hiện tốt các chính sách này, đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức, người lao động có tinh thần trách nhiệm cao, tích cực đổi mới phương pháp giảng dạy và cải tiến liên tục chất lượng chương trình đào tạo.

Hàng năm Trường đều thực hiện lấy ý kiến của CBVCLĐ về “chế độ, chính sách” nhằm từng bước nâng cao hiệu quả công tác này. Kết quả khảo sát cho thấy trên 90% đối tượng tham gia khảo sát nhận định chế độ, chính sách đối với cán bộ, giáo viên, nhân viên được triển khai, thực hiện có hiệu quả **(4.6.05 - Kế hoạch lấy ý kiến, Phiếu khảo sát, Báo cáo khảo sát về chế độ, chính sách đối với cán bộ quản lý, viên chức, người lao động từ năm 2022 đến năm 2025)**.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 4.6: 2,5 điểm

2.2.5. Tiêu chí 5: Cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo và học liệu

*** Đánh giá tổng quát tiêu chí:**

Ngành Công nghệ ô tô thuộc khoa Công nghệ ô tô quản lý, được bố trí giảng dạy và học tập tại trung tâm công nghệ cao BCi và tại các khu giảng đường nhà D hiện đại, đầy đủ trang thiết bị phục vụ cho giảng dạy và học tập. Bên cạnh khuôn viên được quy hoạch tổng thể và chi tiết, hệ thống hạ tầng kỹ thuật phù hợp, hệ thống phòng học lý thuyết, xưởng thực hành, các phòng học chuyên môn đảm bảo các điều kiện cho hoạt động dạy và học, đáp ứng quy mô đào tạo ngành Công nghệ ô tô của nhà trường.

Nhà trường có cơ sở hạ tầng phát triển tốt, đảm bảo đủ về mặt bằng, diện tích, giao thông, các công trình phục vụ được xây dựng kiên cố, vững chắc, đảm bảo đủ chủng loại thiết bị đào tạo đáp ứng yêu cầu đào tạo của Chương trình đào tạo ngành Công nghệ ô tô.

Nhà trường có đầy đủ hệ thống phòng học lý thuyết và xưởng thực hành; các máy móc, trang thiết bị, dụng cụ được bố trí hợp lý, thuận tiện cho vận chuyển, lắp đặt và vận hành, đảm bảo các yêu cầu sư phạm, an toàn lao động, vệ sinh công nghiệp, vệ sinh môi trường đảm bảo tốt điều kiện giảng dạy của ngành Công nghệ ô tô, các thiết bị đào tạo của nghề có hồ sơ quản lý rõ ràng, được sử dụng đúng công năng, quản lý, bảo trì, bảo dưỡng theo quy định. Để đảm bảo đạt mục tiêu của chương trình đào tạo về hình thành kỹ năng nghề cho sinh viên, khoa Công nghệ ô tô đã thực hiện đúng các quy trình về cấp phát vật tư, nguyên, nhiên, vật liệu được bố trí sắp xếp gọn gàng, ngăn nắp thuận tiện; được quản lý, cấp phát, sử dụng theo quy định; đáp ứng kế hoạch và tiến độ đào tạo.

Trong quá trình đào tạo, nhận thấy được vai trò quan trọng của thư viện đối với hoạt động của nhà trường, của khoa và của ngành Công nghệ ô tô để nâng cao chất lượng giảng dạy, học tập. Thư viện được bố trí linh hoạt, bao gồm tủ sách đặt tại khoa Công nghệ ô tô thuận tiện cho giảng viên và sinh viên nghiên cứu, học tập. Thư viện có đủ chương trình, giáo trình đã được nhà trường phê duyệt; có đủ bản in và đáp ứng được nhu cầu nghiên cứu, học tập của nhà giáo và người học; chương trình, giáo trình được số hóa và tích hợp với thư viện điện tử phục vụ hiệu quả cho hoạt động đào tạo.

Nhà trường đã bố trí hệ thống thư viện gồm: 01 phòng đọc sách, 01 kho sách phục vụ nhu cầu của bạn đọc, thành lập các Tủ sách thư viện tại các Khoa, thư viện được trang bị máy tính và nối mạng internet đáp ứng nhu cầu dạy, học và tra cứu tài liệu. tạo điều kiện thuận lợi cho cán bộ, giáo viên và HSSV tra cứu tài liệu.

**** Những điểm mạnh:***

Nhà trường có đầy đủ hệ thống phòng học lý thuyết và xưởng thực hành; các máy móc, trang thiết bị, dụng cụ được bố trí hợp lý, thuận tiện cho vận chuyển, lắp đặt và vận hành, đảm bảo các yêu cầu sư phạm, an toàn lao động, vệ sinh công nghiệp, vệ sinh môi trường đảm bảo tốt điều kiện giảng dạy của ngành Công nghệ ô tô . Quy hoạch tổng thể mặt bằng khuôn viên phù hợp với công năng và các yêu cầu kiến trúc, cảnh quan sư phạm bảo đảm khoảng cách đối với các cơ sở công nghiệp, an toàn, yên tĩnh cho giảng dạy và học tập.

Nhà trường có hệ thống phòng học, giảng đường, xưởng thực hành được xây dựng kiên cố, hệ thống giao thông nội bộ thuận lợi, hệ thống cấp thoát nước tốt đảm bảo các điều kiện giảng dạy ngành Công nghệ ô tô .

Thư viện có chương trình, giáo trình, tài liệu phục vụ công tác đào tạo ngành Công nghệ ô tô ; có phần mềm quản lý và tra cứu tài liệu, có hệ thống nối mạng, cổng nối mạng Internet hoạt động tốt. Thường xuyên giới thiệu các giáo trình tài liệu mới cho bạn đọc. Nhà trường đã ký kết thỏa thuận liên kết với Công ty TNHH Tài liệu trực tuyến VINA xây dựng và phát triển thư viện số. Tất cả 1.700.000 tài nguyên số có trong website: <http://thuvienbci.edu.vn> đều được thư viện Nhà trường truy cập và sử dụng. Như vậy, thư viện trường Cao đẳng Công nghiệp Bắc Ninh đã đáp ứng tốt cho nhu cầu nghiên cứu, giảng dạy và học tập của giáo viên và học sinh, sinh viên ở mọi không gian và thời gian khác nhau.

Các phần mềm ảo mô phỏng thiết bị dạy học được phát huy hiệu quả trong quá trình giảng dạy.

**** Những tồn tại:*** Không có.

**** Kế hoạch nâng cao chất lượng:***

Xây dựng kế hoạch, tìm kiếm nguồn vốn để đầu tư tiếp cơ sở hạ tầng, mua sắm bổ sung trang thiết bị đào tạo mới, đẩy mạnh hợp tác với doanh nghiệp để doanh nghiệp hỗ trợ các trang thiết bị hiện đại phục vụ cho người học.

Điểm đánh giá tiêu chí 5:

Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm tự đánh giá
Tiêu chí 5	15 điểm
Tiêu chuẩn 5.1	2,5 điểm
Tiêu chuẩn 5.2	2,5 điểm
Tiêu chuẩn 5.3	2,5 điểm
Tiêu chuẩn 5.4	2,5 điểm
Tiêu chuẩn 5.5	2,5 điểm
Tiêu chuẩn 5.6	2,5 điểm

Tiêu chuẩn 5.1: Phòng học, phòng học chuyên môn hóa, khu vực thực hành, thực nghiệm bảo đảm quy chuẩn và tiêu chuẩn cơ sở vật chất hiện hành, các yêu cầu công nghệ và bền vững môi trường. Các tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe, an toàn được xác định và triển khai bao gồm cả các nhu cầu, điều kiện thiết yếu cho người khuyết tật và không phân biệt đối xử về giới.

*** Mô tả, phân tích, nhận định:**

Phòng học, phòng thí nghiệm, xưởng thực hành, hệ thống điện, nước ngành Công nghệ ô tô đảm bảo quy chuẩn xây dựng được xây dựng theo quy hoạch chi tiết tại quyết định số 1023/QĐ-CT ngày 04/10/2001 và phê duyệt đầu tư xây dựng, cải tạo tại các quyết định số 13/QĐ-SXD ngày 10/01/2008, số 1784/QĐ-UBND ngày 31/10/2019 của UBND tỉnh Bắc Ninh phê duyệt các hạng mục đầu tư nên đảm bảo quy chuẩn thiết kế; lưu trữ đầy đủ hồ sơ xây dựng, hồ sơ hoàn công.

Diện tích các hạng mục dùng cho học tập ngành Công nghệ ô tô được thể hiện trong số liệu thống kê:

TT	Hạng mục, công trình	Diện tích (m²)
1	Khu học tập	
1.1	Phòng 308 - Nhà lớp học 5 tầng	105
1.2	Phòng học chuyên môn – Khu Công nghệ cao ODA	120
2	Khu thực hành	
2.1	Xưởng ô tô 1 – Tầng 1 nhà D	250
2.2	Xưởng ô tô 2 – Tầng 1 nhà D	250
2.3	Xưởng ô tô 3 – Tầng 2 nhà D	250

2.4	Xưởng ô tô 4 – Tầng 2 nhà D	250
2.5	Xưởng Sử dụng dụng cụ cầm tay – Khu Công nghệ cao ODA	400
2.6	Xưởng liên kết đào tạo – TTDV ô tô Thuận Phong	200

Phòng học lý thuyết cho ngành Công nghệ ô tô được bố trí ở khu nhà 5 tầng, xây dựng theo quy chuẩn, có diện tích 65 m²/phòng học, đảm bảo diện tích theo quy định (105 m²/35 HSSV = gần 3 m²/chỗ học); kết cấu, kiến trúc đảm bảo các yêu cầu về an toàn và chiếu sáng tự nhiên. Ngoài Phòng 308 để giảng dạy môn học cơ sở của khoa Công nghệ ô tô, để giảng dạy các môn học chung do khoa Khoa học – Kinh tế - Công nghệ thông tin đảm nhiệm còn có các phòng học lý thuyết 307 có diện tích tương đương phòng 308 và cũng được đặt tại khu giảng đường nhà C. Các phòng học đều có cửa sổ, hành lang thông thoáng, được bố trí đầy đủ hệ thống điện chiếu sáng (12 đèn neon, 04 quạt trần). Trong phòng học có Nội quy sử dụng phòng học để giáo viên, HSSV thực hiện theo quy định, đảm bảo an toàn.

Xưởng thực hành ngành Công nghệ ô tô được xây dựng theo quy chuẩn, đảm bảo chiều cao và quy chuẩn xây dựng, tiêu chuẩn cơ sở vật chất hiện hành, đáp ứng các yêu cầu công nghệ của các thiết bị đào tạo ngành Công nghệ ô tô, diện tích từ 250 đến 400 m²/xưởng đáp ứng được yêu cầu về không gian, diện tích ánh sáng, hệ thống thông gió, lắp đặt, vận hành các thiết bị chuyên môn an toàn, phòng chống cháy, nổ, xưởng đào tạo nghề Công nghệ ô tô, mặt nền được xử lý chống thấm, đổ bê tông cốt thép dày có thể chịu được tải trọng của các thiết bị có tải trọng lớn. Xưởng thực hành có Nội quy để đảm bảo an toàn trong quá trình thực tập. Năm học 2024-2025 là năm học đạt số lượng sinh viên ngành Công nghệ ô tô là 150 SV học tại 10 lớp như vậy mỗi lớp trung bình 15 sinh viên, như vậy với xưởng nhỏ nhất 250 m² thì diện tích/1SV sẽ là: 250m²/15SV = 17 m² đảm bảo theo quy định tại thông tư số 38/2018/TT-BLĐTBXH.

Để cung cấp nước sạch cho các xưởng Công nghệ ô tô, từ đường ống cấp nước D100 của nhà trường, được dẫn đến vị trí thuận lợi, thuận tiện cho việc lau rửa, vệ sinh. Trường sử dụng nước sạch do Công ty Cổ phần nước sạch Bắc Ninh cung cấp, do đó hệ thống cung cấp nước cho các khu học tập, sinh hoạt; công tác phòng cháy, chữa cháy cho các phòng học, xưởng thực hành, thí nghiệm ngành Công nghệ ô tô luôn được đảm bảo.

Hệ thống nước thải, chất thải được Trường thu gom, xử lý đảm bảo yêu cầu; hàng tuần được Công ty Cổ phần môi trường và Công trình đô thị Bắc Ninh đến thu góp và vận chuyển rác thải đến nơi xử lý theo quy định theo Hợp đồng số 08/HĐ-VCRT-TH-NH ngày 01/02/2019. **(5.1.01 - Hợp đồng đấu nối với Công ty Cổ phần nước sạch Bắc Ninh; 5.1.02- Hợp đồng thu gom, vận chuyển rác thải với Công ty**

vệ sinh môi trường Bắc Ninh; 5.1.03 - Báo cáo tình hình cung cấp điện, nước năm 2023, 2024, 2025).

Tại các nhà xưởng thực hành ngành Công nghệ ô tô có thiết kế đường điện cụ thể, đường dây điện 3 pha, chiếu sáng, thông gió, quạt công nghiệp v.v. Tại các xưởng và các khu vực hoạt động trong trường đều có hệ thống ngắt điện bảo vệ tự động khi có sự cố xảy ra. Tại xưởng thực hành ngành Công nghệ ô tô - trung tâm Công nghệ cao được lắp đặt CB tổng được đấu nối với nguồn điện chung của trường, từ CB đường điện được tính toán thiết kế đi trên máng đến các vị trí máy và hệ thống chiếu sáng trong nhà xưởng (5.1.04 - Hợp đồng đấu nối với Điện lực TP Bắc Ninh).

Hệ thống phòng cháy, chữa cháy của Trường đặt tại các vị trí hành lang, cầu thang các tòa nhà và tại các xưởng thực hành Công nghệ ô tô được trang bị các bình chữa cháy và gắn các tiêu lệnh phòng cháy chữa cháy tại từng khu vực chức năng. Hệ thống phòng cháy, chữa cháy hàng năm được phòng Cảnh sát PCCC và Cứu nạn cứu hộ công an tỉnh Bắc Ninh kiểm tra, đánh giá tại các Biên bản kiểm tra về phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ, trong đó đánh giá công tác phòng cháy, chữa cháy của trường đảm bảo yêu cầu. Trên cơ sở khuyến nghị của Công an PCCC, Trường đều xây dựng kế hoạch PCCC và cứu nạn, cứu hộ và đều có báo cáo kết quả thực hiện công tác phòng chống cháy nổ hàng năm. (5.1.05 - Văn bản thẩm duyệt phòng cháy chữa cháy các công trình; Biên bản kiểm tra phòng cháy, chữa cháy 2023, 2024, 2025; 5.1.06 - Kế hoạch công tác PCCC và cứu nạn cứu hộ năm 2023, 2024, 2025, 2024; 5.1.07 - Báo cáo kết quả thực hiện công tác PCCC và cứu nạn cứu hộ năm 2023, 2024, 2025)

Theo số liệu thống kê, lưu lượng HSSV quy đổi trong 3 năm gần đây:

- Năm học 2022-2023 là: 163 sinh viên
- Năm học 2023-2024 là: 197 sinh viên
- Năm học 2024-2025 là: 223 sinh viên
- Năm học 2025-2026 là: 257 sinh viên

Như vậy, năm học 2025-2026 tổng số học sinh, sinh viên quy đổi nhiều nhất trong ba năm học qua là 257 SV. Nhu cầu phòng học, xưởng thực hành cần có là:

- Phòng học lý thuyết: $(257 \text{ HSSV} \times 0,3 (30\% \text{ học lý thuyết}))/35(\text{HSSV/lớp}) = 2,2 \text{ phòng}$
- Xưởng thực hành: $(257 \text{ HSSV} \times 0,7 (70\% \text{ học thực hành}))/18(\text{HSSV/lớp}) = 10 \text{ xưởng.}$

Quá trình tổ chức hoạt động dạy và học, Trường xây dựng kế hoạch đào tạo 2 ca thực tập/ngày và đưa HSSV đi trải nghiệm thực tập tại doanh nghiệp. Như vậy phòng học, xưởng thực hành đáp ứng được công tác đào tạo của Trường theo quy định.

Kết thúc năm học, Trường có báo cáo đánh giá mức độ đáp ứng phòng học, xưởng thực hành của các nghề đào tạo trong đó có ngành Công nghệ ô tô đều đánh giá phòng học, xưởng thực hành đáp ứng đủ cho việc thực hiện kế hoạch đào tạo trong từng học kỳ của

các nghề. (5.1.08 - Báo cáo về thực trạng sử dụng và mức độ đáp ứng của phòng học, phòng thực hành và vật tư khoa Công nghệ ô tô năm 2023, 2024, 2025).

Thông qua khảo sát lấy ý kiến của nhà giáo, HSSV ngành Công nghệ ô tô đều nhất trí về *Phòng học, phòng học chuyên môn hóa, khu vực thực hành, thực nghiệm bảo đảm quy chuẩn và tiêu chuẩn cơ sở vật chất hiện hành, các yêu cầu công nghệ và bền vững môi trường. Các tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe, an toàn được xác định và triển khai bao gồm cả các nhu cầu, điều kiện thiết yếu cho người khuyết tật và không phân biệt đối xử về giới* (1.2.09 - Kế hoạch khảo sát thu thập ý kiến của nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức, người lao động, người học, doanh nghiệp 2023, 2024, 2025; 1.2.10 - Phiếu khảo sát ý kiến của nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức, người lao động, người học, doanh nghiệp 2023, 2024, 2025; 1.2.11 - Báo cáo tổng hợp kết quả khảo sát của nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức, người lao động, người học, doanh nghiệp 2023, 2024, 2025).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 5.1: 2,5 điểm

Tiêu chuẩn 5.2: Thiết bị, dụng cụ phục vụ đào tạo đầy đủ về số lượng, chủng loại và đáp ứng yêu cầu tổ chức thực hiện chương trình đào tạo.

***Mô tả, phân tích, nhận định:**

Thiết bị đào tạo ngành Công nghệ ô tô được đầu tư bằng nguồn vốn chương trình mục tiêu và quỹ phát triển của nhà trường. Trang thiết bị của ngành Công nghệ ô tô về cơ bản đảm bảo đủ số lượng, công năng, thông số kỹ thuật, đúng chủng loại theo quy định của thông tư 16/2021/TT-BLĐTBXH của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội phù hợp quy mô đào tạo ngành Công nghệ ô tô. Đây cũng chính là một yếu tố thuận lợi để đào tạo đội ngũ kỹ thuật viên trình độ tay nghề cao, đáp ứng được nhu cầu ngày càng đòi hỏi cao về chất lượng

Trang thiết bị của ngành Công nghệ ô tô đảm bảo đủ số lượng, công năng, thông số kỹ thuật, đúng chủng loại theo quy định của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hoặc theo yêu cầu được xác định trong các chương trình đào tạo phù hợp quy mô đào tạo ngành Công nghệ ô tô. Đây cũng chính là một yếu tố thuận lợi để đào tạo đội ngũ kỹ thuật viên trình độ tay nghề cao, đáp ứng được nhu cầu ngày càng đòi hỏi cao về chất lượng

- Năm học 2022 - 2023: Tổng số 07 lớp các khóa 11, 12, 13;
- Năm học 2023 - 2024: Tổng số 08 lớp các khóa 12, 13, 14.
- Năm học 2024 - 2025: Tổng số 09 lớp các khóa 13, 14, 15.
- Năm học 2025 - 2026: Tổng số 10 lớp các khóa 14, 15, 16.

(1.1.01. Bộ CTĐT ngành Công nghệ ô tô năm 2017, 2019, 2022 của trường CĐCN Bắc Ninh (CTĐT ban hành năm 2017 theo QĐ số 24/QĐ-CĐCN ngày 31/05/2017; CTĐT ban hành năm 2019 theo QĐ số 256/QĐ-CĐCN ngày 06/09/2019; CTĐT ban hành năm 2022 theo QĐ số 339/QĐ-CĐCN ngày 22/08/2022); 5.2.01 - Danh mục thiết bị đào tạo của khoa Công nghệ ô tô ; 5.2.02 - Bảng đối chiếu danh mục thiết bị đào tạo tối thiểu

ngành, ngành Công nghệ ô tô ; **5.2.03** - *Biên bản kiểm kê và đánh giá tình trạng thiết bị dạy nghề năm, 2023, 2024, 2025*).

Trên cơ sở chương trình đào tạo đã được phê duyệt, khoa Công nghệ ô tô tiến hành xếp kế hoạch giáo viên cho từng lớp theo học kỳ đảm bảo tình khoa học, hiệu quả trong đào tạo và trên các trang thiết bị đầy đủ, hiện đại. Từ kế hoạch giáo viên theo năm học đó, phòng đào tạo phối hợp với khoa xếp thời khóa biểu, trên đó bố trí cụ thể từng ngày dạy và học, thời gian học, phòng học đối với môn học và xưởng thực hành đối với mô đun, đảm bảo không có sự chồng chéo về lớp, về giảng viên và xưởng thực hành. (**5.2.04**. *Diễn biến HSSV các năm 2022-2023, 2023-2024;2024-2025*; **5.2.05**. *Quyết định biên chế các lớp năm học 2022-2023, 2023-2024;2024-2025*; **3.2.03**. *Tiến độ đào tạo các năm học 2022-2023, 2023-2024;2024-2025, 2025-2026*; **3.2.04**. *Kế hoạch giáo viên năm học 2022-2023, 2023-2024;2024-2025, 2025-2026*; **3.2.05**. *Thời khóa biểu theo tuần học của năm học 2022-2023, 2023-2024;2024-2025, 2025-2026*)

Trang thiết bị đào tạo ngành Công nghệ ô tô, được đầu tư hiện đại, đáp ứng yêu cầu công nghệ mới như: Hệ thống phun xăng điện tử GDI, Hệ thống phun dầu điện tử CRi, Hệ thống phanh ABS, Xe Hybrid, Xe điện, xe tự hành, ...

Tuy nhiên, trong nhiều năm Nhà trường không được đầu tư về trang thiết bị đào tạo nên số lượng và chủng loại trang thiết bị phục vụ đào tạo bị thiếu hụt, đặc biệt là các mô đun mới cập nhật của ngành Công nghệ ô tô. Để giải quyết khó khăn này cũng như có thể tiếp cận tốt nhất với sự phát triển của xã hội và nhu cầu của doanh nghiệp, Nhà trường đã hợp tác liên kết với doanh nghiệp, tổ chức cho sinh viên đi học tập tại doanh nghiệp để sinh viên có cơ hội tiếp cận với các trang thiết bị, máy móc hiện đại. Trong các bản thỏa thuận giữa nhà trường và doanh nghiệp có chỉ rõ danh mục các trang thiết bị mà doanh nghiệp sẽ hỗ trợ nhà trường để phục vụ đào tạo cho sinh viên tại doanh nghiệp. (**5.2.06**- *Các hợp đồng, biên bản ghi nhớ với Công ty điện tử Samsung Việt Nam, Công ty TNHH Canon Việt Nam, Tập đoàn khoa học kỹ thuật Hồng Hải, Công ty TNHH Goertek Vina, Công ty TNHH LG Display Hải Phòng...*); **5.2.07**- *Các quyết định cử học sinh đi thực tập sản xuất tại các cơ sở các năm học 2022-2023, 2023-2024, 2024-2025*; **5.2.08**- *Sổ theo dõi tài sản cố định của trường hàng năm*; **5.2.09** - *Thống kê số liệu HSSV các lớp, khóa học hàng năm*).

Hàng năm, nhà trường cũng thực hiện công tác khảo sát, lấy ý kiến của nhà giáo, HSSV về cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ đào tạo về nội dung “*Thiết bị, dụng cụ phục vụ đào tạo đầy đủ về số lượng, chủng loại và đáp ứng yêu cầu tổ chức thực hiện chương trình đào tạo*”. Đây là kênh thông tin để Nhà trường có định hướng cho công tác mua sắm trang thiết bị cho các năm tiếp theo. Kết quả khảo sát cho thấy sự phản hồi tích cực về cơ sở vật chất trang thiết bị phục vụ đào tạo ngành Công nghệ ô tô từ phía HSSV và nhà giáo (**1.2.09** - *Kế hoạch khảo sát thu thập ý kiến của nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức, người lao động, người học, doanh nghiệp 2023, 2024, 2025*; **1.2.10** - *Phiếu khảo sát ý kiến của nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức, người lao động, người học,*

doanh nghiệp 2023, 2024, 2025; 1.2.11 - Báo cáo tổng hợp kết quả khảo sát của nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức, người lao động, người học, doanh nghiệp 2023, 2024, 2025).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 5.2: 2,5 điểm

Tiêu chuẩn 5.3: Thiết bị, dụng cụ phục vụ đào tạo được quản lý, bảo trì, bảo dưỡng, bố trí hợp lý, bảo đảm các yêu cầu sư phạm, an toàn sức khỏe và vệ sinh môi trường.

*** Mô tả, phân tích, nhận định:**

Thiết bị, dụng cụ phục vụ đào tạo ngành Công nghệ ô tô khi lắp đặt được bố trí tuân thủ khuyến nghị của nhà sản xuất ghi trong hồ sơ máy, tuân thủ các quy định an toàn và vệ sinh công nghiệp. Các thiết bị nặng của ngành Công nghệ ô tô bố trí bảo đảm các yêu cầu kỹ thuật, mỹ thuật công nghiệp, thẩm mỹ nghề nghiệp và môi trường sư phạm theo đúng công năng sử dụng, dễ tiếp cận để vận chuyển, bảo dưỡng và vẫn đủ không gian cho hướng dẫn thực hành, đặc biệt là các thiết bị được đầu tư từ các dự án của ODA, của GIZ được lắp đặt tại nhà xưởng Trung tâm Công nghệ cao.

Các thiết bị được bố trí theo dãy hoặc hàng (đối với các thiết bị có kích thước lớn). Giữa các hàng, dãy có lối đi rộng rãi từ 1,5 đến 2m, bàn học lý thuyết bố trí ở góc riêng trong xưởng. Đối với các thiết bị có kích thước vừa hoặc nhỏ, thiết bị bố trí theo hình chữ U hoặc chữ L, bàn học lý thuyết bố trí ở giữa hoặc góc, có thể linh hoạt bố trí lại theo nhóm hay theo ý đồ dạy học của giáo viên vừa thuận tiện cho việc học lý thuyết và thực hành.(5.3.01- Sơ đồ bố trí thiết bị tại các xưởng thực hành; 5.3.02 - Bộ ảnh chụp bố trí thiết bị tại các xưởng thực hành).

Trong các xưởng thực hành Công nghệ ô tô đều có Nội quy xưởng thực hành qui định về công tác an toàn, vệ sinh công nghiệp, bảng hướng dẫn vận hành sử dụng máy, phòng cháy chữa cháy để đảm bảo an toàn trong quá trình thực tập. Đối với các thiết bị có yêu cầu về an toàn trong vận hành như các thiết bị điện của ngành Công nghệ ô tô đều có Hướng dẫn sử dụng cụ thể của nhà sản xuất hoặc quy trình vận hành gắn kèm với thiết bị ở vị trí dễ quan sát. Máy móc, thiết bị đều được gắn tem mác rõ ràng và được kiểm tra chặt chẽ (5.3.03 - Nội quy xưởng thực hành; 5.3.04 - Bộ ảnh chụp Hướng dẫn an toàn/Quy trình vận hành gắn trên các thiết bị; 5.3.05 - Tem gắn mã tài sản trên các thiết bị).

Các thiết bị thực hành được quản lý chặt chẽ bởi bộ phận chuyên trách của trường và khoa Công nghệ ô tô, do đó đảm bảo được an toàn và vệ sinh công nghiệp, vệ sinh môi trường trong quá trình lắp đặt, vận hành, bảo dưỡng trang thiết bị; dụng cụ trong xưởng thực hành được sắp xếp trong các tủ đựng dụng cụ ngăn nắp, gọn gàng (5.3.06 - Sổ theo dõi tài sản cố định của trường hàng năm; 5.3.07 - Sổ quản lý theo dõi thiết bị tại khoa Công nghệ ô tô; 5.2.03 - Biên bản kiểm kê và đánh giá tình trạng thiết bị dạy nghề năm 2021, 2022, 2023; 5.3.08 - Chứng nhận tiêu chuẩn an toàn của thiết bị thực hành; 5.3.09 - Quy định quản lý, sử dụng, bảo trì, bảo dưỡng thiết bị đào tạo).

Công tác vệ sinh môi trường, vệ sinh công nghiệp, thu gom rác thải đảm bảo yêu cầu. Sau mỗi buổi thực hành, HSSV được hướng dẫn thu dọn dụng cụ, vệ sinh thiết bị đúng quy định trong Nội quy xưởng thực hành. Việc thu gom rác thải sinh hoạt được tập trung vào các thùng rác bố trí hợp lý ở từng khu vực xưởng để Công ty Cổ phần Môi trường và Công trình đô thị Bắc Ninh đến thu gom, vận chuyển để xử lý theo các Hợp đồng đã ký kết (5.1.02 - Hợp đồng thu gom, vận chuyển rác thải với Công ty vệ sinh môi trường Bắc Ninh).

Hàng năm, Trường tổ chức khảo sát lấy ý kiến nhà giáo, học sinh, sinh viên về xưởng, thiết bị, dụng cụ đào tạo. Được điều đánh giá “Thiết bị, dụng cụ phục vụ đào tạo được quản lý, bảo trì, bảo dưỡng, bố trí hợp lý, bảo đảm các yêu cầu sư phạm, an toàn sức khỏe và vệ sinh môi trường” (1.2.09 - Kế hoạch khảo sát thu thập ý kiến của nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức, người lao động, người học, doanh nghiệp 2023, 2024, 2025; 1.2.10 - Phiếu khảo sát ý kiến của nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức, người lao động, người học, doanh nghiệp 2023, 2024, 2025; 1.2.11 - Báo cáo tổng hợp kết quả khảo sát của nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức, người lao động, người học, doanh nghiệp 2023, 2024, 2025).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 5.3: 2,5 điểm

Tiêu chuẩn 5.4: Trường ban hành và áp dụng quy trình quản lý, cấp phát nguyên, nhiên, vật liệu. Nguyên, nhiên, vật liệu được bố trí sắp xếp gọn gàng, ngăn nắp thuận tiện; đáp ứng đầy đủ nhu cầu theo kế hoạch, tiến độ đào tạo và được tái sử dụng hiệu quả.

*** Mô tả, phân tích, nhận định:**

Nguyên, nhiên vật liệu phục vụ đào tạo ngành Công nghệ ô tô được bố trí, sắp xếp gọn gàng, ngăn nắp, thuận tiện, tuân thủ các quy định an toàn và vệ sinh công nghiệp. Các nguyên, nhiên vật liệu nặng, chiều dài lớn bố trí bảo đảm các yêu cầu kỹ thuật, mỹ thuật công nghiệp, thẩm mỹ nghề nghiệp và môi trường sư phạm theo đúng công năng sử dụng, dễ tiếp cận để vận chuyển và vẫn đủ không gian cho sắp xếp các vật liệu khác trong kho, nguyên, nhiên vật liệu được bố trí theo tầng trên giá hoặc được bố trí vị trí cố định, nhưng vẫn đảm bảo thông thoáng. Đối với các nguyên, nhiên vật liệu có kích thước vừa hoặc nhỏ, bố trí đặt trên giá hoặc trong tủ để đồ theo quy định, có thể linh hoạt bố trí lại theo nhóm hay theo ý đồ dạy học của giáo viên vừa thuận tiện cho việc sắp xếp vừa thuận tiện trong quá trình đào tạo. (5.4.01 - Bộ ảnh chụp bố trí nguyên, nhiên vật liệu tại kho).

Các năm 2022, 2023, 2024, 2025 nhà trường đã tổ chức rà soát lại định mức kinh tế-kỹ thuật các nghề trên cơ sở đối chiếu với định mức kinh tế-kỹ thuật các nghề và trình độ tương ứng trong các Thông tư do BLĐTBXH đã ban hành. Trường đã ban hành định mức kinh tế- kỹ thuật của 11 nghề trong đó có ngành Công nghệ ô tô (5.4.02 - Quyết định số 102/QĐ-CĐCN ngày 07/05/2022 Quyết định ban hành định mức kinh tế-kỹ thuật các nghề năm 2022).

Trường cũng đã ban hành quy chế quản lý, cung ứng và sử dụng vật tư trong đào tạo theo quyết định số 65/QĐ-CĐCN ngày 12/2/2018, sửa đổi bổ sung bởi quyết định số 31/QĐ-CĐCN ngày 21/01/2020. **(5.4.03 - Quyết định 65/QĐ-CĐCN ngày 12/2/2024 Quy chế cung ứng và quản lý vật tư trong đào tạo, Quyết định số 31/QĐ-CĐCN ngày 21/01/2025 Quy chế cung ứng và quản lý vật tư trong đào tạo).**

Quy chế có 3 chương, 10 Điều, trong đó có quy định cụ thể về Công tác lập kế hoạch và mức tính vật tư (mức tính vật tư được tính trên cơ sở số giờ thực hành được tính theo tình hình thực tế trên ca học); Công tác cung ứng, Thủ tục cấp phát vật tư; Công tác quản lý, kiểm tra, giám sát việc sử dụng vật tư; Việc thu hồi vật liệu sau thực tập.

Khi thiết bị, vật tư được nhập về đưa vào kho của Nhà trường để bảo quản, lưu giữ; các khoa khi lĩnh thiết bị, vật tư phải thực hiện đúng Quy chế cung ứng và quản lý vật tư đã ban hành. Giáo viên và Khoa Công nghệ ô tô căn cứ kế hoạch, tiến độ đào tạo lập dự trù vật tư cho các mô đun/môn học cho từng quý để nhà trường tổ chức mua sắm. Trên cơ sở dự trù vật tư được phê duyệt, khoa và giáo viên lập Giấy lĩnh vật tư trình Hiệu trưởng phê duyệt. Phòng Kế toán, thủ kho xuất vật tư theo Giấy lĩnh vật tư để thực hiện kế hoạch đào tạo **(5.4.04 - Dự trù vật tư quý các năm 2023, 2024, 2025; 5.4.05- Phiếu giao nhận vật tư quý các năm 2023, 2024, 2025).**

Trường có hệ thống quản lý việc cấp phát vật tư, thu nhận trang thiết bị hàng hóa, vật liệu do phòng TCHC phụ trách. Việc cấp phát, thu hồi vật tư, nhiên liệu thực hiện theo quý và được báo cáo để Hiệu trưởng phê duyệt **(5.4.06- Biên bản đánh giá, thu hồi vật tư, sản phẩm thực tập các năm 2023, 2024, 2025; 5.4.07 – Sổ quản lý, cấp phát, sử dụng, vật tư thực tập các năm 2023, 2024, 2025).**

Kết thúc năm học, Khoa Công nghệ ô tô có Báo cáo liên quan đến công tác quản lý, cấp phát, sử dụng vật tư trong năm; trong đó đánh giá việc cấp phát vật tư thực hiện đúng định mức và dự trù vật tư, đáp ứng yêu cầu thực tập của mô đun thực hành **(5.4.08- Báo cáo tổng kết năm của khoa Công nghệ ô tô năm 2023, 2024, 2025).**

Định kỳ tiến hành khảo sát giáo viên, học sinh, sinh viên về quản lý, sử dụng vật tư. Việc cấp phát các vật tư, nhiên liệu thực hiện theo đúng quy định, kịp thời, không bị thất thoát hoặc sử dụng sai mục đích, đảm bảo đúng kế hoạch và tiến độ, đào tạo

Hàng năm, Trường tổ chức khảo sát lấy ý kiến nhà giáo, học sinh, sinh viên về quản lý, sử dụng vật tư về nội dung “*Trường ban hành và áp dụng quy trình quản lý, cấp phát nguyên, nhiên, vật liệu. Nguyên, nhiên, vật liệu được bố trí sắp xếp gọn gàng, ngăn nắp thuận tiện; đáp ứng đầy đủ nhu cầu theo kế hoạch, tiến độ đào tạo và được tái sử dụng hiệu quả*” được đánh giá rất tích cực **(1.2.09 - Kế hoạch khảo sát thu thập ý kiến của nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức, người lao động, người học, doanh nghiệp 2023, 2024, 2025; 1.2.10 - Phiếu khảo sát ý kiến của nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức, người lao động, người học, doanh nghiệp 2023, 2024, 2025; 1.2.11 - Báo cáo tổng**

hợp kết quả khảo sát của nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức, người lao động, người học, doanh nghiệp 2023, 2024, 2025).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 5.4: 2,5 điểm

Tiêu chuẩn 5.5: Thư viện, nguồn học liệu đầy đủ và phù hợp; được cập nhật và áp dụng những tiến bộ về công nghệ thông tin trong quản lý, sử dụng, bảo đảm hỗ trợ hiệu quả các hoạt động dạy, học, nghiên cứu của nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức, người lao động, người học và các hoạt động khác liên quan đến việc thực hiện chương trình đào tạo.

*** Mô tả, phân tích, nhận định:**

- Thư viện, nguồn học liệu đầy đủ và phù hợp; được cập nhật và áp dụng những tiến bộ về công nghệ thông tin trong quản lý

Toàn bộ chương trình được ban hành năm 2017, 2019, 2022 đều có Giáo trình đào tạo được xây dựng chi tiết, đáp ứng được nhu cầu của người học (**1.1.01-** Bộ CTĐT ngành Công nghệ ô tô năm 2017, 2019, 2022 của trường CĐCN Bắc Ninh (CTĐT ban hành năm 2017 theo QĐ số 24/QĐ-CĐCN ngày 31/05/2017; CTĐT ban hành năm 2019 theo QĐ số 256/QĐ-CĐCN ngày 06/09/2019; CTĐT ban hành năm 2022 theo QĐ số 339/QĐ-CĐCN ngày 22/08/2022). Thư viện của Nhà trường có đầy đủ giáo trình cho tất cả các môn học, mô đun của chương trình đào tạo ngành Công nghệ ô tô, có đủ sách, tạp chí, tài liệu tham khảo cho người học. Từ năm 2018, Thư viện Trường đã thành lập các Tủ sách thư viện khoa, tủ sách này được đặt ở văn phòng khoa Công nghệ ô tô tạo thuận lợi, mang lại hiệu quả tối ưu cho việc đọc, nghiên cứu tài liệu phục vụ giảng dạy và học tập của giáo viên và HSSV. Theo số liệu thống kê, hiện tại Thư viện Trường có 2245 đầu sách các loại với số bản in 7503 bản in, trong đó số giáo trình các môn học/mô đun nghề đào tạo trường phê duyệt là 287 giáo trình với 1535 bản in, còn lại là sách tham khảo và các loại sách khác. Hàng năm, thư viện đều bổ sung thêm các giáo trình, tài liệu mới phục vụ nhu cầu học tập, giảng dạy, nghiên cứu khoa học cho các giáo viên và học sinh viên. (**2.5.09 - Quyết định số 433a/QĐ-CĐCN ngày 12/10/2022 Quyết định ban hành giáo trình đào tạo lưu hành nội bộ năm 2022; 2.5.10 - Quyết định số 388/QĐ-CĐCN ngày 03/9/2025 Quyết định ban hành danh mục Giáo trình đào tạo lưu hành nội bộ trình độ Trung cấp, trình độ Cao đẳng năm 2025; 2.5.11 - Bảng thống kê giáo trình ngành Công nghệ ô tô trình độ cao đẳng năm 2022, 2025; 2.5.12 - Bản in giáo trình ngành Công nghệ ô tô trình độ cao đẳng năm 2022, 2025; 5.5.01- Quyết định thành lập Tủ sách Thư viện ở các Khoa chuyên môn; 5.5.02- Biên bản giao nhận sách tài liệu cho tủ sách thư viện khoa).**

Thư viện nhà trường được trang bị máy tính phục vụ công tác tra cứu, truy cập thông tin và quản lý thư viện (**5.5.03 - Danh mục trang thiết bị thư viện các năm 2023, 2024, 2025**). Hiện nay, Thư viện đang sử dụng phần mềm Quản lý thư viện trường học (SLIMS). Đây là một phần mềm với nhiều ưu điểm giúp cho Thư viện nhà trường hoạt động hiệu quả, góp phần tin học hoá công tác quản lý thư viện (**5.5.04 - Tài liệu hướng**

dẫn sử dụng phần mềm quản lý thư viện; 5.5.05 - Ảnh chụp phần mềm quản lý Thư viện trường Cao đẳng Công nghiệp Bắc Ninh).

Các giáo trình, tài liệu tham khảo của trường đã được số hóa và được cập nhật trên website và thư viện số của trường (5.5.06 - *Danh mục giáo trình đã được số hóa của trường Cao đẳng Công nghiệp Bắc Ninh*; 5.5.07 - *Link sách, tài liệu tham khảo được số hóa: <https://bci.edu.vn/tai-lieu-dien-tu.html>; <https://bci.edu.vn/gioi-thieu-sach-tai-lieu-ban-mem-hay.html>).*

Năm 2021, nhận thấy tầm quan trọng của Thư viện điện tử, Nhà trường đã hợp tác với công ty TNHH Tài liệu trực tuyến Vi Na xây dựng, phát triển và khai thác thư viện số. Tất cả nội dung tài nguyên số có trong website <http://tailieu.vn> (hơn 1.700.000 tài liệu) đều được Thư viện trường Cao đẳng Công nghiệp toàn quyền truy cập và sử dụng (5.5.08 - Website <http://thuvienso.bci.edu.vn>; 5.5.09 - *Hợp đồng kinh tế số 35/VDOC-BCI*; 5.5.10- *Ảnh chụp website thư viện số của trường Cao đẳng Công nghiệp Bắc Ninh*; 5.5.11- *Các thông báo quy định hoạt động của thư viện / thư viện số*)

Như vậy, bạn đọc Thư viện của trường Cao đẳng Công nghiệp Bắc Ninh có thể truy cập, download tài nguyên theo ý muốn trong số hơn 1.700.000 tài liệu của thư viện số phục vụ hiệu quả cho hoạt động đào tạo.

- *Thư viện, nguồn học liệu bảo đảm hỗ trợ hiệu quả các hoạt động dạy, học, nghiên cứu của nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức, người lao động, người học và các hoạt động khác liên quan đến việc thực hiện chương trình đào tạo.*

Trường có đủ tài liệu, chương trình, giáo trình đã được phê duyệt, mỗi loại giáo trình đều có ít nhất 05 bản in tại Thư viện để phục vụ cho công tác nghiên cứu và học tập của giáo viên và học sinh sinh viên. Tất cả giáo trình lưu hành nội bộ của Trường được số hóa lên website và thư viện số của Trường (5.5.12- *Báo cáo tổng hợp của Trường CĐCN Bắc Ninh về Thư viện trường cho đào tạo ngành TĐHCN (bản in, số hóa CTĐT, giáo trình, TLTK...;* 5.5.13 - <https://bci.edu.vn/danh-muc-giao-trinh-luu-hanh-noi-bo-2017.html>; <https://bci.edu.vn/danh-muc-giao-trinh-luu-hanh-noi-bo-2019.html>; <http://thuvienso.bci.edu.vn/chuong-trinh-giao-trinh/tat-ca-tai-lieu-chuong-trinh-giao-trinh-9138-0.html>).

Hàng năm, có rất nhiều nghiên cứu khoa học của các giảng viên sử dụng, khai thác nguồn dữ liệu từ thư viện số; nhiều đề tài nghiên cứu khoa học xây dựng trên phần mềm LCMS đem thiết kế các bài giảng số, giảng dạy, đánh giá trực tuyến cho các môn học, mô đun của ngành Công nghệ ô tô bổ sung vào kho học liệu số cho Thư viện số (5.5.14- *Quyết định công nhận đề tài nghiên cứu khoa học các năm 2023, 2024, 2025*).

Hàng năm, Trường tổ chức khảo sát lấy ý kiến nhà giáo, học sinh, sinh viên về quản lý, sử dụng vật tư về nội dung “*Thư viện, nguồn học liệu đầy đủ và phù hợp; được cập nhật và áp dụng những tiến bộ về công nghệ thông tin trong quản lý, sử dụng, bảo đảm hỗ trợ hiệu quả các hoạt động dạy, học, nghiên cứu của nhà giáo, cán bộ quản lý,*

viên chức, người lao động, người học và các hoạt động khác liên quan đến việc thực hiện chương trình đào tạo” được đánh giá rất tích cực (1.2.09 - Kế hoạch khảo sát thu thập ý kiến của nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức, người lao động, người học, doanh nghiệp 2023, 2024, 2025; 1.2.10 - Phiếu khảo sát ý kiến của nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức, người lao động, người học, doanh nghiệp 2023, 2024, 2025; 1.2.11 - Báo cáo tổng hợp kết quả khảo sát của nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức, người lao động, người học, doanh nghiệp 2023, 2024, 2025).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 5.5: 2,5 điểm

Tiêu chuẩn 5.6: Thiết bị, dụng cụ đào tạo, các điều kiện đào tạo trực tuyến phù hợp và được cập nhật đáp ứng yêu cầu của chương trình đào tạo.

*** Mô tả, phân tích, nhận định:**

Với mục tiêu hội nhập khu vực và thế giới, khoa Công nghệ ô tô đã được đầu tư mua sắm trang thiết bị hiện đại đặc biệt là các trang thiết bị phục vụ giảng dạy như máy tính, máy chiếu, các phần mềm hỗ trợ dạy học đặc biệt dạy cho ngành Công nghệ ô tô ...để hỗ trợ tốt cho giáo viên trong quá trình dạy học:

+ Các phần mềm ảo đang được sử dụng để giảng dạy ngành Công nghệ ô tô được mô phỏng thiết bị dạy học thực tế trong giảng dạy. (5.6.01 - Báo cáo các phần mềm đang sử dụng trong công tác đào tạo)

+ Phần mềm mô phỏng thực hành hoặc bài giảng, tài liệu giảng dạy có sử dụng phần mềm. (5.6.02 - Các thiết bị hỗ trợ dạy học: máy tính, máy chiếu vật thể, máy chiếu Projector, màn chiếu ...; 5.6.03 - Hồ sơ giảng dạy của giáo viên liên quan đến sử dụng phần mềm 2023, 2024, 2025; 5.6.04 - Ảnh chụp các phần mềm).

+ Nhà trường giao cho khoa Công nghệ ô tô quản lý và giảng dạy trên các phần mềm ảo, mô phỏng thiết bị dạy học thực tế trong giảng dạy. (5.8.05 - Thông báo về việc sử dụng phần mềm giảng dạy).

Hàng năm, Trường tổ chức khảo sát lấy ý kiến nhà giáo, học sinh, sinh viên về quản lý, sử dụng vật tư về nội dung “Thiết bị, dụng cụ đào tạo, các điều kiện đào tạo trực tuyến phù hợp và được cập nhật đáp ứng yêu cầu của chương trình đào tạo” được đánh giá rất tích cực (1.2.09 - Kế hoạch khảo sát thu thập ý kiến của nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức, người lao động, người học, doanh nghiệp 2023, 2024, 2025; 1.2.10 - Phiếu khảo sát ý kiến của nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức, người lao động, người học, doanh nghiệp 2023, 2024, 2025; 1.2.11 - Báo cáo tổng hợp kết quả khảo sát của nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức, người lao động, người học, doanh nghiệp 2023, 2024, 2025).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 5.6: 2,5 điểm

2.2.6. Tiêu chí 6: Người học và hoạt động hỗ trợ người học

*** Đánh giá tổng quát tiêu chí:**

Nhà trường đã thực hiện tốt việc rà soát, giải quyết về chế độ chính sách cho người học một cách kịp thời, đúng đối tượng theo quy định; mở rộng mối quan hệ với các địa phương, cơ quan, doanh nghiệp, các tổ chức kinh tế - xã hội, tạo điều kiện để xã hội có thể đóng góp xây dựng cơ sở vật chất, nâng cao chất lượng đào tạo, hỗ trợ kinh phí đào tạo, tiếp nhận HSSV sau khi tốt nghiệp.

Các dịch vụ cho người học đã được các cơ quan quản lý cấp trên và nhà trường quan tâm đầu tư một số các hạng mục như : kí túc xá, thư viện, căng tin, các sân, bãi ngoài trời.

Đoàn thanh niên, hội sinh viên thường xuyên tổ chức các hoạt động ngoại khóa, giao lưu hướng tới xây dựng một môi trường học tập hiện đại, môi trường sư phạm thân thiện, tạo mọi điều kiện tốt nhất cho người học.

Nhà trường đã thực hiện tốt việc dự báo nhu cầu của thị trường lao động, nhu cầu đào tạo và người sử dụng lao động từ đó phục vụ tốt cho công tác tư vấn, giới thiệu việc làm cho HSSV sau khi tốt nghiệp. Trên 90% số HSSV ra trường đã tìm được việc làm phù hợp với nguyện vọng sau khi tốt nghiệp 3 - 6 tháng tại các doanh nghiệp lớn như: Prime Group, Nissin, Toyota, Honda, VPIC1... .

*** Những điểm mạnh:**

- Hàng năm sau khi nhập học, tất cả các em Học sinh, Sinh viên (HSSV) được tham gia học tập đầu khóa, được các thầy giáo, cô giáo các đơn vị liên quan như: phòng Đào tạo, phòng Công tác HSSV, phòng Quan hệ công chúng, BCH Đoàn thanh niên/Hội sinh viên và một số khoa chuyên môn phổ biến các nội quy, quy định, chế độ chính sách, cụ thể:

+ Phòng Đào tạo triển khai đầy đủ các văn bản liên quan về chương trình đào tạo, quy chế đào tạo; quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp, thực tập tốt nghiệp.

+ Phòng Công tác HSSV triển khai các văn bản quy định về quy chế công tác HSSV; các nội quy, quy chế của trường (quy chế công tác HSSV, quy chế ứng xử văn hóa, quy định không hút thuốc lá trong trường học, quy định ký cam kết không buôn bán vận chuyển, buôn bán, tàng trữ pháo nổ.....) và các văn bản về việc thực hiện chế độ chính sách đối với người học (quy định miễn giảm học phí; khen thưởng HSSV; quy định xét, cấp học bổng đầu khóa, học bổng rèn luyện....).

+ Phòng Quan hệ công chúng triển khai các thông tin về thị trường lao động, việc làm, quan hệ doanh nghiệp, đào tạo kép...

+ BCH Đoàn thanh niên/Hội sinh viên triển khai các hoạt động về 5S, tình nguyện, giảng dạy mô đun xanh, bảo vệ môi trường, các hoạt động xã hội, các chương trình về văn nghệ, thể thao, chào xuân, chào hè, khởi nghiệp...

- Trong quá trình học tập tại trường, tất cả các lớp HSSV được giáo viên chủ nhiệm lớp phổ biến, triển khai họp lớp để triển khai, thực hiện tất cả các văn bản, chế độ chính sách của nhà trường, như: quy định miễn giảm học phí, thủ tục miễn giảm học phí cho HSSV...

- Ngoài ra nhà trường còn thường xuyên triển khai các chương trình họp phụ huynh HSSV (trực tiếp hoặc online) vào đầu khóa và giữa kỳ để triển khai tất cả những vấn đề lớn liên quan đến HSSV, đảm bảo quyền và lợi ích cho HSSV.

- Trong rất nhiều năm qua trường Cao đẳng công nghiệp Bắc Ninh có mối quan hệ bền vững, tốt đẹp với các doanh nghiệp, công ty lớn trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh; Nhà trường có kế hoạch theo chương trình công tác năm, tổ chức tư vấn, giới thiệu việc làm rất tốt cho HSSV, đảm bảo tỷ lệ việc làm sau khi ra trường đạt kết quả rất cao.

- Các hoạt động giáo dục toàn diện cho HSSV (các chương trình văn nghệ, thể thao, kỹ năng mềm, ngoại ngữ ngoại khóa, startup kite, giáo dục truyền thống, giáo dục quốc phòng và an ninh, hiến máu, tình nguyện, các hoạt động xã hội...) được nhà trường rất quan tâm, chỉ đạo các đơn vị liên quan tổ chức, thực hiện và đạt chất lượng cao.

- Tất cả các chương trình, hoạt động đều được BGH nhà trường kiểm tra, đánh giá trong các cuộc họp giao ban tuần, giao ban tháng của cán bộ chủ chốt, trong các cuộc họp giáo viên chủ nhiệm, trong các hội đồng thi đua khen thưởng; hiện nay nhà trường đưa vào sử dụng phần mềm quản lý (base, phần mềm quản lý văn bản và điều hành của tỉnh, phần mềm quản lý đào tạo...) rất thuận tiện, nhanh, chính xác, nâng cao hiệu quả quản lý công việc, chất lượng công việc của nhà trường.

*** Những tồn tại:**

Hiện nay HSSV nói chung và sinh viên ngành Công nghệ ô tô có nhu cầu chơi đá bóng cao, tuy nhiên nhà trường chưa có sân bóng đá; nếu được đầu tư, thành lập sân bóng đá thì hoạt động phong trào, hoạt động ngoại khóa được tốt hơn.

Điểm đánh giá tiêu chí 6:

Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm tự đánh giá
Tiêu chí 6	10 điểm
<i>Tiêu chuẩn 6.1</i>	<i>2,5 điểm</i>
<i>Tiêu chuẩn 6.2</i>	<i>2,5 điểm</i>
<i>Tiêu chuẩn 6.3</i>	<i>2,5 điểm</i>
<i>Tiêu chuẩn 6.4</i>	<i>2,5 điểm</i>

Tiêu chuẩn 6.1. Các thông tin về ngành, nghề, chương trình đào tạo, quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp; nội quy, quy chế của trường và các chế độ, chính sách đối với người học được mô tả rõ ràng, đầy đủ, công khai.

*** Mô tả, phân tích, nhận định:**

Trước khi nhập học, trong quá trình học tập thì HSSV, phụ huynh HSSV... được tiếp cận các thông tin về nhà trường thông qua hệ thống thông tin trên bảng tin, website (<https://bci.edu.vn>), fanpage trường Trường Cao đẳng công nghiệp Bắc Ninh, giáo viên chủ nhiệm, phòng/khoa liên quan...

(6.1.01. Báo cáo về việc người học tiếp cận thông tin khi nhập học và trong quá trình học tập các năm 2022, 2023, 2024).

Sau khi HSSV hàng năm nhập học, các em HSSV sẽ được nhận các văn bản liên quan việc học tập đầu khóa, HSSV sẽ được các thầy giáo, cô giáo trình bày, phân tích các nội dung liên quan về chương trình đào tạo, quy chế đào tạo; quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp; các văn bản quy định về quy chế công tác HSSV, các nội quy, quy chế của trường (quy chế ứng xử văn hóa, quy định không hút thuốc lá trong trường học, quy định ký cam kết không buôn bán vận chuyển pháo nổ, ký cam kết chấp hành an toàn giao thông.....) và các văn bản về việc thực hiện chế độ chính sách đối với người học (quy định miễn giảm học phí; khen thưởng HSSV; quy định xét, cấp học bổng đầu khóa, học bổng rèn luyện....).

(6.1.02. Các văn bản liên quan học tập đầu khóa hàng năm, thông báo tuyển sinh, tờ rơi tuyển sinh các năm 2022, 2023, 2024, 2025 và các văn bản liên quan).

Trong quá trình học tập, các em HSSV tiếp tục được giáo viên chủ nhiệm (GVCM) triển khai các văn bản liên quan về các nội quy, quy định về chế độ chính sách, các văn bản về những quy định của nhà trường thông qua sinh hoạt lớp, thông qua báo cáo tháng được gửi về phòng Công tác HSSV hàng tháng; bản mềm gửi về email: cthssv.bci@gmail.com; những nội dung này còn được triển khai trong các chương trình họp phụ huynh HSSV đầu khóa, giữa kỳ, hàng năm.

(6.1.03. Các quyết định về việc phân công giáo viên chủ nhiệm các năm học 2022-2023, 2023-2024, 2024-2025, 2025-2026 và báo cáo công tác GVCM hàng tháng).

Các văn bản thể hiện nội quy, quy chế của trường:

(6.1.04. Quy định ban hành của Cao đẳng Công nghiệp Bắc Ninh về CTHSSV, quy chế thi, kiểm tra, xét công nhận tốt nghiệp và xét, cấp học bổng khuyến khích học tập (Các QĐ v/v ban hành Quy định xét, cấp học bổng khuyến khích học tập; v/v ban hành thực hiện CTĐT, quy chế thi, kiểm tra, xét công nhận tốt nghiệp; v/v ban hành Quy chế công tác HSSV và các văn bản, kế hoạch liên quan)

Hàng năm nhà trường ban hành kế hoạch khảo sát, tiến hành khảo sát, lấy ý kiến người học và các thành phần liên quan; kết quả khảo sát đều có kết quả hài lòng và rất hài lòng.

(6.1.05. Hồ sơ khảo sát lấy ý kiến của nhà giáo, CBQL, HSSV các năm 2023, 2024, 2025 tại trường Cao đẳng công nghiệp Bắc Ninh).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 6.1: 2,5 điểm

Tiêu chuẩn 6.2. Người học được bảo đảm hưởng các chế độ, chính sách theo quy định, trong đó có chính sách khen thưởng, động viên khuyến khích người học đạt kết quả cao trong học tập, rèn luyện. Người học được hỗ trợ kịp thời trong quá trình học tập để hoàn thành nhiệm vụ học tập.

*** Mô tả, phân tích, nhận định:**

Hàng năm nhà trường ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của trường, giao nhiệm vụ triển khai, tuyên truyền, thực hiện các chế độ, chính sách cho HSSV; phòng Kế toán phối hợp phòng Công tác HSSV và các đơn vị liên quan thực hiện.

(6.2.01. Quy định chức năng, nhiệm vụ các phòng, khoa liên quan về việc thực hiện chế độ chính sách theo quy định được thể hiện trong quyết định về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của trường Cao đẳng Công nghiệp Bắc Ninh các năm 2023, 2024, 2025).

Hàng năm nhà trường đã ban hành các văn bản hướng dẫn, thực hiện đầy đủ việc miễn giảm học phí học nghề cho các đối tượng HSSV học tập tại trường Cao đẳng Công nghiệp Bắc Ninh theo quy định của chính phủ. Trong các năm vừa qua, HSSV nhà trường và sinh viên ngành CNOTO đóng học phí thông qua hình thức nộp tiền mặt hoặc chuyển khoản; HSSV năm thứ nhất sẽ đóng học phí năm thứ nhất từ khi nhập học; HSSV các năm tiếp theo sẽ đóng học phí theo năm học, mỗi năm đóng 10 tháng, chia làm 2 học kỳ, mỗi kỳ 5 tháng; đảm bảo đúng các quy định của nhà trường, của Bộ lao động-Thương binh và xã hội, của Bộ giáo dục và đào tạo, Bộ tài chính và các văn bản nhà nước quy định khác có liên quan.

(6.2.02. Các thông báo về việc thực hiện thu học phí và thông báo miễn giảm học phí các năm học 2022-2023, 2023-2024, 2024-2025, 2025-2026).

Trong những năm học 2022-2023, 2023-2024, 2024-2025, 2025-2026 nhà trường ban hành thông báo, quyết định thực hiện nghị quyết số 10 và nghị quyết số 05 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Ninh, quy định việc miễn, giảm học phí, hỗ trợ học phí cho HSSV đang học tập tại trường Cao đẳng Công nghiệp Bắc Ninh.

(6.2.03. Các thông báo về việc quy định hỗ trợ học phí theo nghị quyết số 10/NQ-HĐND, ngày 29/9/2021 và nghị quyết số 05/2024/NQ-HĐND, ngày 28/6/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Ninh và các quyết định quy định, thực hiện chi hỗ trợ học phí học nghề tại trường).

Trong quá trình học tập, những HSSV học tập và rèn luyện tốt được Hội đồng khoa học và đào tạo nhà trường họp, báo cáo, trình Hiệu trưởng để được xem xét, cấp học bổng khuyến khích học tập, trong đó có nhiều sinh viên ngành CNOTO được xét, cấp học bổng theo năm học.

- Năm học 2021-2022: Sinh viên Võ Minh Tuấn lớp CNOT CĐK11A1 đạt học bổng loại xuất sắc.

- Năm học 2022-2023: Sinh viên Nguyễn Khắc Tính lớp CNOT CĐK12A1 đạt học bổng loại xuất sắc.

- Năm học 2024-2025 Hội đồng đào tạo Nhà trường đã họp, xét ngày 25/11/2025.

(6.2.04. Các văn bản quy định cấp học bổng, quyết định ban hành quy chế chi tiêu nội bộ và các quyết định cấp học bổng khuyến khích học tập).

Trong quá trình học tập, những HSSV đạt thành tích cao như: tốt nghiệp thủ khoa, tốt nghiệp loại giỏi/xuất sắc khi ra trường, đạt kết quả cao trong hội thi tay nghề các cấp, cuộc thi Startup Kite... sẽ được xem xét, khen thưởng; tổng hợp danh sách sinh viên ngành CNOTO được khen thưởng, nội dung khen thưởng như sau:

Trong quá trình học tập, những HSSV đạt thành tích cao như: tốt nghiệp thủ khoa, tốt nghiệp loại giỏi khi ra trường, đạt kết quả cao trong hội thi tay nghề các cấp, cuộc thi Startup Kite... sẽ được xem xét, khen thưởng; tổng hợp danh sách sinh viên ngành CNOT được khen thưởng, nội dung khen thưởng như sau:

- Năm 2022: Sinh viên Nguyễn Minh Chiến lớp CNOT CĐK10A1 tốt nghiệp thủ khoa, được tặng giấy khen của Hiệu trưởng và kinh phí 300.000 đồng;

- Năm 2023: Các sinh viên Nguyễn Công Quang, Võ Minh Tuấn, Lê Văn Hoan tốt nghiệp loại giỏi, được tặng giấy khen của Hiệu trưởng nhà trường;

- Năm 2024: Sinh viên Nguyễn Thế Sơn lớp CNOT CĐK12A2 tốt nghiệp thủ khoa loại Giỏi, được tặng giấy khen của Hiệu trưởng nhà trường.

(6.2.05. Các quyết định khen thưởng các năm 2022, 2023, 2024, 2025: QĐ khen thưởng cho HSSV tốt nghiệp thủ khoa loại giỏi; QĐ công nhận kết quả thi, khen thưởng cuộc thi “Ý tưởng khởi nghiệp HSSV GDNN”, khen thưởng cuộc thi Hello summer hàng năm; các quyết định khen thưởng HSSV thi kỹ năng nghề, HSSV có thành tích xuất sắc trong năm học).

Ngoài ra nhà trường còn ban hành một số văn bản liên quan về việc hỗ trợ học sinh, sinh viên; hàng năm phòng Công tác HSSV là đơn vị đầu mối, kết hợp với các tổ chức Đoàn thể (Đoàn thanh niên, Hội sinh viên nhà trường), giáo viên chủ nhiệm và các Phòng, Khoa rà soát HSSV có hoàn cảnh khó khăn, tặng quà nhân các dịp như: ngày truyền thống HSSV, chuẩn bị đón tết nguyên đán, HSSV bị ảnh hưởng bởi dịch Covid-19....; đã tặng quà cho nhiều HSSV:

(6.2.06. Các quyết định, hình ảnh liên quan về việc “Hỗ trợ học sinh, sinh viên”).

Hàng năm HSSV nhà trường được các tổ chức Quốc tế như: Elis, Hessen, Korea food, GIZ, Công ty TNHH Bảo hiểm nhân thọ Cathay Việt Nam, Acecook, các doanh nghiệp.... hỗ trợ các gói học bổng, HSSV được nhận bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản

(6.2.07. Một số quyết định trao học bổng, một số hình ảnh, đường link sinh viên nhận học bổng của các tổ chức trao các năm 2022, 2023, 2024, 2025).

Trong quá trình HSSV học tập tại trường, các em HSSV, sinh viên ngành CNOTO được tạo điều kiện thuận lợi về công tác y tế, khám sức khỏe đầu khóa, bảo hiểm y tế, chăm sóc y tế, đảm bảo an ninh trường học...; phòng y tế được bố trí vị trí làm việc thuận lợi (tầng 1 nhà Hiệu bộ), phòng Công tác HSSV được bố trí làm việc tại phòng 107 nhà C để HSSV có các điều kiện thuận lợi khi có các đề nghị liên quan: về sức khỏe, xác nhận việc di chuyển nghĩa vụ quân sự, đi xe bus, ở ký túc xá, xác nhận là con đối tượng thương bệnh binh và các nội dung liên quan khác...

Căng tin nhà trường được bố trí thuận tiện, sạch sẽ, đảm bảo các điều kiện vệ sinh an toàn thực phẩm, 5s, giá dịch vụ hợp lý; căng tin được bố trí tại tầng 1 khu nhà B, với diện tích 300 m²; được trang bị đầy đủ điện, nước, ánh sáng, bàn ghế; trang thiết bị hàng năm đều được nhà trường nâng cấp... đảm bảo cho CBGV, HSSV nhà trường và sinh viên ngành CNOTO sử dụng dịch vụ được thuận tiện, hài lòng.

(6.2.08. Báo cáo tổng kết các năm 2022, 2023, 2024 v/v thực hiện công tác y tế).

Hiện nay tỉnh Bắc Ninh xây dựng khu nhà ở sinh viên, đưa vào sử dụng từ năm 2011, với 3 tòa nhà 8 tầng, tại trung tâm thành phố Bắc Ninh (cũ), thuận tiện giao thông, cách trường 2.0 km; đáp ứng đầy đủ các điều kiện về chỗ ăn, ở, sinh hoạt, khu vui chơi, luyện tập thể thao, căng tin, phòng tập thể hình, các điều kiện về an ninh, trông giữ xe cho HSSV các trường, HSSV trường Cao đẳng Công nghiệp Bắc Ninh và sinh viên ngành CNOTO.

(6.2.09. Các văn bản liên quan KTX các năm 2022 đến 2025 của trường Cao đẳng công nghiệp Bắc Ninh).

Hàng năm nhà trường triển khai, thực hiện tốt chế độ chính sách đối với người học; số tiền miễn học phí học nghề và cấp học bổng trong các năm học:

(6.2.10. Báo cáo thực hiện chế độ chính sách đối với người học các năm 2022, 2023, 2024 của Trường Cao đẳng Công nghiệp Bắc Ninh).

Hàng năm Nhà trường thực hiện lấy ý kiến của người học, người đã tốt nghiệp về việc thực hiện các chế độ chính sách khen thưởng, đãi ngộ người đang học tập tại trường, hỗ trợ kịp thời trong quá trình học tập tại trường để hoàn thành nhiệm vụ học tập.

(6.1.05. Hồ sơ khảo sát lấy ý kiến của nhà giáo, CBQL, HSSV các năm 2023, 2024, 2025 tại trường Cao đẳng Công nghiệp Bắc Ninh).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 6.2: 2,5 điểm

Tiêu chuẩn 6.3. Người học được tư vấn học tập, tạo điều kiện tham gia các hoạt động ngoại khóa, văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao, nghiên cứu khoa học, khởi nghiệp, tư vấn về thị trường lao động, việc làm và phát triển nghề nghiệp.

*** Mô tả, phân tích, nhận định:**

Hàng năm nhà trường đều triển khai, chỉ đạo giao cho phòng Công tác Học sinh, Sinh viên là đơn vị chủ trì, tham mưu, triển khai và phối hợp với các đơn vị phòng, khoa thực hiện phân công giáo viên chủ nhiệm đến các lớp; giáo viên chủ nhiệm có trách nhiệm tư vấn học tập, phối hợp triển khai các hoạt động ngoại khóa, văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao, nghiên cứu khoa học, khởi nghiệp, tư vấn về thị trường lao động, việc làm và phát triển nghề nghiệp.

(6.1.03. Các quyết định về việc phân công giáo viên chủ nhiệm các năm học 2022-2023, 2023-2024, 2024-2025, 2025-2026 và báo cáo công tác GVCN hàng tháng).

Hàng năm nhà trường ban hành quy chế tổ chức và hoạt động, phân công chức năng, nhiệm vụ cho từng đơn vị phòng, khoa; các thông tin về nghề nghiệp, thị trường lao động và việc làm.... được giao cho đơn vị phòng Quan hệ công chúng:

(6.3.01. Nội dung thể hiện về việc giao nhiệm vụ, chức năng làm việc cho đơn vị phòng Quan hệ công chúng trong Quy chế tổ chức và hoạt động của trường các năm 2023, 2024, 2025).

Trong quá trình học tập và chuẩn bị tốt nghiệp ra trường, nhà trường đã có các văn bản, kế hoạch tổ chức phối hợp cùng các doanh nghiệp để thực hiện tư vấn, tuyển dụng.

(6.3.02. Hồ sơ tư vấn, tuyển dụng việc làm cho HSSV các năm 2022, 2023, 2024, 2025: Các quyết định, kế hoạch, thông báo, chương trình tư vấn, tuyển dụng việc làm cho HSSV).

Trường Cao đẳng Công nghiệp Bắc Ninh có mối liên hệ chặt chẽ với các doanh nghiệp, trong đó có sự gắn kết chặt chẽ với công ty TNHH Samsung; dưới đây là các văn bản liên quan về kế hoạch, chương trình hợp tác, kết quả tuyển dụng, trong đó có các sinh viên ngành CNOTO.

(6.3.03. Các văn bản hợp tác, kết quả hợp tác giữa trường Cao đẳng công nghiệp Bắc Ninh với công ty TNHH Samsung các năm 2022, 2023, 2024, 2025).

Hàng năm nhà trường tổ chức một số hội thảo liên quan nội dung kết nối nhà trường, doanh nghiệp.

(6.3.04. Một số chương trình, hội thảo giữa Nhà trường, doanh nghiệp, tư vấn nghề nghiệp các năm 2022, 2023, 2024, 2025).

Một số hình ảnh kèm theo về các hoạt động giới thiệu việc làm, tuyển dụng các năm 2022, 2023, 2024, 2025 được công khai trên website và fanpage trường Cao đẳng Công nghiệp Bắc Ninh.

Một số đường link, hình ảnh kèm theo về các hoạt động giới thiệu việc làm, tuyển dụng các năm 2022, 2023, 2024, 2025 được công khai trên website và fanpage trường Cao đẳng Công nghiệp Bắc Ninh.

<https://bci.edu.vn/bci-goertek-vina-nhin-lai-thanh-cong-mo-hinh-lien-ket-3-ben-va-vach-ra-ke-hoach-hop-tac-giai-doan-moi.html>

<https://bci.edu.vn/bci-va-cayi-technology-buoc-dau-trong-hop-tac-chien-luoc-ve-dao-tao-va-cung-ung-nhan-luc.html>

<https://bci.edu.vn/goertek-vina-va-bci-bat-tay-nang-tam-nhan-luc-cong-nghe-khoi-dong-chuong-trinh-dao-tao-1-1-1-nam-hoc-2025-2026.html>

<https://bci.edu.vn/truong-cao-dang-cong-nghiep-bac-ninh-va-cayi-technology-viet-nam-ky-ket-hop-tac-chien-luoc-dao-tao-nhan-luc.html>

Nhà trường thực hiện công tác lần vết, trong đó HSSV ra trường có tỷ lệ việc làm cao. Kết quả khảo sát sinh viên ngành CNOTO sau khi tốt nghiệp, ra trường, tỷ lệ việc làm cao:

(6.3.05. Hồ sơ khảo sát việc làm, lần vết các năm 2022, 2023, 2024, 2025 đối với HSSV sau khi tốt nghiệp).

Các doanh nghiệp tham gia hợp tác với nhà trường trong nhiều năm gần đây luôn có sự gắn kết chặt chẽ, phối hợp với nhà trường thực hiện các nội dung như:

- Hợp tác nghiên cứu khoa học, thẩm định chương trình, giáo trình.
- Hợp tác tham quan, trải nghiệm thực tế, thực tập tại doanh nghiệp.
- Chương trình đào tạo kép.
- Chương trình 5S.
- Chương trình cấp học bổng khuyến khích học tập.
- Chương trình tư vấn, giới thiệu việc làm, tuyển dụng lao động...

(6.3.06. Hồ sơ tuyển dụng SV tốt nghiệp các năm 2022, 2023, 2024, 2025 (Các thông báo, công văn tuyển dụng của các doanh nghiệp; Báo cáo tổng hợp các doanh nghiệp tham gia các hoạt động hợp tác với trường Cao đẳng Công nghiệp Bắc Ninh, kết quả hoạt động gắn kết giữa nhà trường với doanh nghiệp các năm 2022, 2023, 2024).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 6.3: 2,5 điểm

Tiêu chuẩn 6.4. Cơ sở đào tạo thực hiện đa dạng hóa các hoạt động xã hội, văn hóa văn nghệ, thể dục thể thao cho người học.

*** Mô tả, phân tích, nhận định:**

Trong quá trình tham gia học tập tại trường, HSSV nhà trường nói chung và sinh viên nghề CNOTO được tạo điều kiện thuận lợi tham gia các hoạt động thể thao, văn nghệ, các hoạt động xã hội, cụ thể: chương trình Hello summer, chào xuân, các giải

thể thao, ngoại ngữ ngoại khóa, kỹ năng mềm, các hoạt động giáo dục truyền thống và các hoạt động khác nhằm phát triển toàn diện cho HSSV, cụ thể:

- Các hoạt động văn hóa văn nghệ:

+ Hoạt động như chào xuân, chào hè (đây là 2 hoạt động đã bước sang năm thứ 10 liên tiếp, tính từ năm 2015 đến nay) là sân chơi để các em HSSV được thể hiện tài năng thuyết trình, thời trang, văn nghệ (chính), võ thuật và các hoạt động xã hội...

+ Các hoạt động biểu diễn văn nghệ chào mừng các ngày lễ khai giảng năm học mới, chương trình chào mừng ngày nhà giáo Việt Nam 20/11, chương Lễ bế giảng năm học, chương trình thi kỹ năng nghề, chương trình thi giảng nhà giáo giáo dục nghề nghiệp các cấp...

+ Hội thi tiếng hát các cơ sở giáo dục nghề nghiệp.

- Các hoạt động thể thao: Các giải thi đấu bóng đá, bóng chuyền, cầu lông, kéo co, nhảy bao bố, đua thuyền trên cạn, đẩy gậy, đi xe đạp chậm...

- Các thông tin về tổ chức hoạt động:

+ Các hoạt động được tổ chức tại trường, cụ thể: Khu vực sân trường nhà C (phía trước nhà 5 tầng); khu vực sân nhà D (phía trước nhà 2 tầng); Hội trường B (diện tích 300 m²); trung tâm văn hóa thể thao BCI (diện tích 800 m²)...

+ Các địa điểm đã tổ chức khác: Sân bóng đá sinh viên (ký túc xá sinh viên Y Na, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh); Sân bóng đá phường Đại Phúc, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh; Sân bóng đá cung văn hóa thiếu nhi thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh; Nhà thi đấu đa năng tỉnh Bắc Ninh; Trung tâm văn hóa Kinh Bắc thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh...

- Các trang thiết bị phục vụ các hoạt động: Có hệ thống loa công suất lớn, âm ly, âm thanh tốt; 01 loa điện tử di động; loa cầm tay; 02 sân bóng chuyền; 01 sân bóng rổ; 03 sân cầu lông; 01 bàn bóng bàn; sân pickleball.... Có đầy đủ các điều kiện tổ chức các môn như bóng chuyền, cầu lông, bóng đá...

(6.4.01. Báo cáo tổng hợp các thông tin về khu thể dục, thể thao, sinh hoạt văn hóa, văn nghệ các năm 2021, 2022, 2023).

Trong nhiều năm gần đây, sinh viên nghề CNOTO rất tích cực tham gia các hoạt động và đạt thành tích cao, cụ thể:

- Năm 2022 đội bóng đá sinh viên trường đạt giải nhất bóng đá lần thứ VII do Đoàn khối các cơ quan và doanh nghiệp tỉnh Bắc Ninh.

- Năm 2023: Tổ chức giải bóng đá, cầu lông, bóng chuyền nhân dịp kỷ niệm 92 năm ngày thành lập Đoàn TNCS Hồ Chí Minh (26/3/1931-26/3/2023), chào mừng 41 năm ngày Nhà giáo Việt Nam (20/11/1982-20/11/2023).

- Năm 2024: Tổ chức giải bóng đá nhân dịp kỷ niệm 93 năm ngày thành lập Đoàn TNCS Hồ Chí Minh (26/3/1931-26/3/2024), tham dự giải bóng đá Hội sinh viên

tỉnh Bắc Ninh; giải bóng đá chào mừng 42 năm ngày Nhà giáo Việt Nam (20/11/1982-20/11/2024).

(6.4.02. Hoạt động văn nghệ, thể thao các năm 2021, 2022, 2023, 2024: Các kế hoạch, quyết định, thể lệ, ảnh, đường link kèm theo hoạt động liên quan).

Hàng năm nhà trường đều tổ chức chương trình Hello Summer; đây là hoạt động thường niên, thu hút được đông đảo các em HSSV trong trường tham gia; các đội tham gia chương trình sẽ thể hiện các phần thi như: chào hỏi, trình diễn tài năng, hùng biện, các hoạt động xã hội.

(6.4.03. Hoạt động Hello summer các năm 2021, 2022, 2023, 2024: Các kế hoạch, quyết định, link chương trình).

Hàng năm nhà trường tổ chức các khóa đào tạo kỹ năng mềm, ngoại ngữ ngoại khóa, cuộc thi về tin học, chính trị Mác – Lê Nin... cho HSSV; có một số sinh viên chuyên ngành CNOT tích cực tham gia hoạt động:

(6.4.04. Hoạt động ngoại ngữ ngoại khóa, kỹ năng mềm các năm 2021, 2022, 2023, 2024: Các quyết định, kế hoạch, chương trình, đường link).

Từ năm 2020 đến nay, trường Cao đẳng Công nghiệp Bắc Ninh đã tổ chức chương trình ý tưởng khởi nghiệp, những sinh viên ngành CNOT đạt thành tích cao trong chương trình, cụ thể:

- Năm 2021 đã có 22 ý tưởng tham dự vòng sơ loại cấp trường, xét chọn 08 ý tưởng tham dự vòng chung kết cấp trường.

- Năm 2022 đã có 21 ý tưởng tham dự vòng bán kết cấp trường, đã xét chọn 09 ý tưởng tham dự vòng chung kết, tổ chức thi 31/8/2022.

- Năm 2023 có 20 dự án/ý tưởng tham dự vòng bán kết cấp trường, đã lựa chọn 10 dự án/ý tưởng tham dự vòng chung kết cấp trường, dự kiến tổ chức thi tháng 8/2023.

- Năm 2024 đã bước sang năm thứ 5 liên tiếp trường Cao đẳng Công nghiệp Bắc Ninh tổ chức cuộc thi về “Ý tưởng khởi nghiệp HSSV GDNN”; năm 2024 có 20 dự án tham dự vòng thi bán kết cấp trường, BTC đã lựa chọn 10 dự án tham dự vòng thi chung kết cấp trường, kết quả cụ thể: 01 giải nhất, 02 giải nhì, 03 giải ba, 04 giải khuyến khích.

- Kết thúc vòng thi chung kết khởi nghiệp cấp trường, với các dự án đạt giải cao được nhà trường đăng ký cuộc thi khởi nghiệp các cấp: Có 03 dự án lọt vòng thi chung kết cuộc thi Ý tưởng khởi nghiệp sáng tạo thanh niên Bắc Ninh; + Các dự án tiếp tục đăng ký tham dự cuộc thi về khởi nghiệp các cấp: Cuộc thi Vietfuture 2024, cuộc thi tìm kiếm tài năng khởi nghiệp đổi mới sáng tạo Techfest 2024, cuộc thi “Ý tưởng khởi nghiệp HSSV GDNN” toàn quốc 2024.

- Cũng trong năm 2024, nhà trường chủ động phối hợp với các đơn vị liên quan tổ chức tập huấn về kiến thức khởi nghiệp cho HSSV nhà trường:

+ Phối hợp Sở công thương, tổ chức cho 60 sinh viên tham dự chương trình khởi nghiệp về thương mại điện tử tỉnh Bắc Ninh ngày 15/10/2024 tại trung tâm văn hóa Kinh Bắc.

+ Phối hợp Sở khoa học công nghệ Bắc Ninh tổ chức tập huấn cho 120 sinh viên về khởi nghiệp, ngày 25/10/2024 tại Hội trường B trường Cao đẳng Công nghiệp Bắc Ninh.

+ Tổ chức tập huấn về khởi nghiệp cho HSSV vào các chương trình giảng dạy đầu khóa, các chuyên đề theo tháng, theo quý trong năm.

(6.4.05. Hoạt động khởi nghiệp (Startup kite) các năm 2021, 2022, 2023, 2024: Các quyết định, thông báo, biên bản, ảnh, đường link); 6.4.06. Câu lạc bộ đầu tư và khởi nghiệp của nhà trường, của tỉnh Bắc Ninh: Các quyết định và hoạt động liên quan).

Hàng năm tất cả sinh viên các lớp Cao đẳng, trong đó có sinh viên ngành CNOT đều được Nhà trường phối hợp với trung tâm GDQP&AN – Đại học TDTT – Từ Sơn, Bắc Ninh giảng dạy, học tập môn GDQP&AN; tại đây sinh viên các lớp ngành CNOTO được học tập theo đúng quy chế đào tạo, các nội dung học tập như: tham gia các hoạt động văn nghệ, thể thao, bóng đá, sinh hoạt chính trị...

Đường link bài viết trên website trường Cao đẳng Công nghiệp Bắc Ninh về việc tổ chức tham gia học GDQP&AN:

- **Năm 2021:** <https://bci.edu.vn/tan-sinh-vien-k12-hao-huc-len-duong-tham-gia-khoa-dao-tao-an-ninh-quoc-phong.html>

- **Năm 2022:** <https://bci.edu.vn/tan-sinh-vien-cao-dang-k13-hoan-thanh-khoa-dao-tao-giao-duc-an-ninh-quoc-phong.html>

- **Năm 2023:** <https://bci.edu.vn/tan-sinh-vien-cao-dang-k14-tham-gia-khoa-dao-tao-giao-duc-quoc-phong-va-an-ninh.html>

- **Năm 2024:** <https://bci.edu.vn/hon-800-sinh-vien-cao-dang-k15-tham-gia-khoa-dao-tao-giao-duc-quoc-phong-va-an-ninh.html>

Hàng năm nhà trường tổ chức nhiều hoạt động ngoại khóa khác (tuyên truyền phổ biến pháp luật, tình nguyện, tuyên truyền an toàn giao thông, phòng chống ma túy...)

(6.4.07. Hoạt động tuyên truyền phổ biến pháp luật, tình nguyện, tuyên truyền phòng chống ma túy... trong các năm 2021, 2022, 2023, 2024)

Nhà trường thực hiện khảo sát, báo cáo khảo sát ý kiến của người học, người học tốt nghiệp đã đi làm.

(6.1.05. Hồ sơ khảo sát lấy ý kiến của nhà giáo, CBQL, HSSV các năm 2022, 2023, 2024 v/v cung cấp dịch vụ cho người học tại trường Cao đẳng Công nghiệp Bắc Ninh).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 6.4: 2,5 điểm

2.2.7. Tiêu chí 7: Giám sát, đánh giá chất lượng

* **Đánh giá tổng quát tiêu chí:**

Mục tiêu của trường là đào tạo, cung cấp cho xã hội một đội ngũ người lao động chất lượng cao, để đáp ứng mục tiêu này đào tạo phải gắn liền với thực tế lao động sản xuất, Nhà trường phải biết được nhu cầu cần đáp ứng của người lao động đối với doanh nghiệp, cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ là gì qua đó để điều chỉnh chương trình đào tạo cho phù hợp. Hàng năm nhà trường tổ chức lấy ý kiến đánh giá từ các doanh nghiệp đang sử dụng lao động tốt nghiệp từ nhà trường, đã thực hiện lập danh sách các doanh nghiệp đang sử dụng lao động và tổ chức lấy ý kiến đánh giá của doanh nghiệp về sự phù hợp của chương trình và giáo trình, tổng hợp báo cáo, phân tích số liệu.

Thực hiện thu thập ý kiến đánh giá cán bộ quản lý, nhà giáo, viên chức và người lao động về các chính sách liên quan đến dạy và học, chính sách tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng, đánh giá, phân loại, bổ nhiệm cán bộ quản lý, nhà giáo, viên chức và người lao động. Thu thập ý kiến đánh giá người học đại diện các ngành, nghề đào tạo về chất lượng, hiệu quả của các hình thức, phương thức đào tạo; chất lượng dịch vụ, giảng dạy và việc thực hiện chính sách liên quan đến người học của trường.

Nhà trường lập kế hoạch lần vết đối với HSSV dưới nhiều hình thức như: Triển khai lần vết cơ bản (lấy thông tin cá nhân HSSV năm cuối); gọi điện thoại với HSSV tốt nghiệp sau 6 tháng, gửi thông tin khảo sát online qua zalo, face... để lấy thông tin về việc làm sau khi tốt nghiệp.

* **Những điểm mạnh:**

- Doanh nghiệp là điều kiện thuận lợi để thực hiện công tác khảo sát, thu thập thông tin về thị trường lao động làm cơ sở cho việc đánh giá, dự báo nhu cầu của thị trường lao động, nhu cầu đào tạo và người sử dụng lao động từ đó phục vụ tốt cho công tác giới thiệu việc làm cho HSSV sau khi tốt nghiệp tại Nhà trường.

- Trường xây dựng và vận hành hệ thống đảm bảo chất lượng theo đúng Thông tư số 28/2017/TT-BLĐTBXH ngày 15/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội. Nhà trường có phòng Đào tạo phụ trách thực hiện công tác về bảo đảm chất lượng, kiểm định chất lượng và luôn là đơn vị được đánh giá hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ trong nhiều năm liền.

- Nhà trường đã xây dựng quy trình tự đánh giá chất lượng, đang được vận hành tốt, hằng năm, Nhà trường đã xây dựng kế hoạch, thành lập Hội đồng tự đánh giá, tổng hợp báo cáo và đánh giá sự phù hợp của các minh chứng, do đó công tác tự đánh giá của nhà trường đã đi vào nền nếp, thông qua phân tích thông tin minh chứng đã giúp cho nhà trường kịp thời điều chỉnh các hoạt động đào tạo cho phù hợp với thực tế.

- Nhà trường thực hiện tốt công tác khảo sát, thu thập ý kiến của các đối tượng liên quan về các hoạt động đào tạo;

- Người học tốt nghiệp chương trình đào tạo của Nhà trường đáp ứng được yêu cầu công việc tại doanh nghiệp, có việc làm đúng chuyên môn với tỷ lệ cao và thu nhập ổn định;

- Nhà trường thực hiện tự đánh giá chất lượng và cải thiện chất lượng theo quy định.

*** Những tồn tại:**

Công tác khảo sát lần vết còn gặp khó khăn vì HSSV thay đổi số điện thoại địa điểm làm việc; địa chỉ liên hệ..

*** Kế hoạch nâng cao chất lượng:**

- Tiếp tục đẩy mạnh mối quan hệ hợp tác với các doanh nghiệp trong và ngoài tỉnh, cập nhật thường xuyên các nhu cầu của doanh nghiệp, kết hợp giữa đào tạo và sản xuất, nhằm tạo điều kiện tốt cho công tác dự báo nhu cầu sử dụng lao động theo từng ngành nghề, giúp HSSV ra trường có việc làm theo đúng ngành nghề được đào tạo;

- Tiếp tục lấy ý kiến đánh giá từ cán bộ quản lý, nhà giáo, viên chức, người học, người học đã tốt nghiệp. Thường xuyên thay đổi nội dung, phương pháp khảo sát nhằm đi sâu vào thực tế.

- Trên cơ sở kết quả của công tác lần vết nhà trường tiếp tục điều chỉnh chương trình, giáo trình cải tiến nâng cao chất lượng các hoạt động đào tạo.

Điểm đánh giá tiêu chí 7:

Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm tự đánh giá
<i>Tiêu chí 7</i>	<i>17,5 điểm</i>
<i>Tiêu chuẩn 7.1</i>	<i>2,5 điểm</i>
<i>Tiêu chuẩn 7.2</i>	<i>2,5 điểm</i>
<i>Tiêu chuẩn 7.3</i>	<i>2,5 điểm</i>
<i>Tiêu chuẩn 7.4</i>	<i>2,5 điểm</i>
<i>Tiêu chuẩn 7.5</i>	<i>2,5 điểm</i>
<i>Tiêu chuẩn 7.6</i>	<i>2,5 điểm</i>
<i>Tiêu chuẩn 7.7</i>	<i>2,5 điểm</i>

Tiêu chuẩn 7.1: Các chính sách, quy trình, công cụ bảo đảm chất lượng về xây dựng, lựa chọn, chỉnh sửa, ban hành chương trình đào tạo được xây dựng, vận hành, đánh giá và cải tiến.

*** Mô tả, phân tích, nhận định:**

Nhà trường đã ban hành hệ thống văn bản quy định chi tiết về quy trình xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo (CTĐT) nghề Công nghệ ô tô tuân thủ quy trình khép kín (7.1.01 – QĐ ban hành quy trình xây dựng/điều chỉnh chương trình đào tạo); Các công cụ bảo đảm chất lượng bao gồm: hệ thống biểu mẫu, tiêu chí đánh giá,

quy trình lấy ý kiến phản hồi và quy chế hoạt động của Hội đồng thẩm định. Cơ chế rà soát, chỉnh sửa CTĐT được thiết lập định kỳ nhằm đảm bảo tính cập nhật

Sự tham gia đa chiều: Hội đồng thẩm định luôn có sự tham gia của các chuyên gia đầu ngành và đại diện doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh, đảm bảo CTĐT nghề Công nghệ ô tô sát với thực tế sản xuất công nghiệp. *(7.1.02 – Các biên bản họp Hội đồng thẩm định CTĐT; 7.1.03- Phiếu khảo sát ý kiến doanh nghiệp/chuyên gia).*

Vận hành thực tế: Trong năm học 2024-2025, Nhà trường đã thực hiện rà soát chương trình ngành Công nghệ ô tô, cập nhật nội dung giảng dạy dựa trên các góp ý về công nghệ mới và kỹ năng nghề nghiệp *(7.1.04 – Quyết định ban hành các CTĐT mới hoặc sửa đổi)*

Ưu điểm: Hệ thống chính sách, quy trình đầy đủ, khoa học, dễ áp dụng và phù hợp với quy định hiện hành. Việc vận hành quy trình diễn ra nghiêm túc, minh bạch.

Hiệu quả: Công tác cải tiến CTĐT nghề Công nghệ ô tô đã trở thành hoạt động thường xuyên, giúp nâng cao chất lượng đầu ra và đáp ứng tốt yêu cầu tuyển dụng.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 7.1: 2,5 điểm

Tiêu chuẩn 7.2: *Chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích tại các khu vực học tập, rèn luyện và các dịch vụ khác được giám sát, đánh giá và cải tiến*

*** Mô tả, phân tích, nhận định:**

Để đảm bảo chất lượng của mọi hoạt động trong trường, hàng năm Trường đã lập kế hoạch thu thập ý kiến của cán bộ quản lý, nhà giáo, viên chức và người lao động về các chính sách liên quan đến công tác đào tạo, công tác cán bộ, công tác đánh giá phân loại viên chức... Nhà trường đã sử dụng nhiều loại phiếu khảo sát khác nhau để thu thập ý kiến nhằm đánh giá một cách khách quan nhất; Bên cạnh việc thu thập ý kiến của cán bộ quản lý, nhà giáo về các chính sách liên quan đến công tác đào tạo, Nhà trường còn lấy ý kiến từ người học nghề Công nghệ ô tô để đánh giá chất lượng đào tạo và các chính sách liên quan. Kết quả khảo sát cho thấy người học đánh giá cao công tác đào tạo và phục vụ của nhà trường. Các chính sách của nhà nước đối với người học nghề Công nghệ ô tô được nhà trường thực hiện đầy đủ và có nhiều chính sách thiết thực khuyến khích và hỗ trợ người học bao gồm: Thư viện, Ký túc xá, Y tế, Căng tin và các khu thể thao, giải trí.

Quy trình giám sát, kiểm tra tình trạng cơ sở vật chất (CSVC) tại giảng đường, xưởng thực hành và khu vực sinh hoạt chung được quy định cụ thể. Các bộ phận chức năng thực hiện kiểm tra định kỳ và đột xuất tình trạng trang thiết bị, vệ sinh và an toàn tại các khu vực học tập, rèn luyện *(7.2.01 – Sổ nhật ký theo dõi, kiểm tra phòng học, xưởng thực hành)*

Có các kênh tiếp nhận phản hồi thường xuyên về chất lượng dịch vụ từ người học và giảng viên. Việc đánh giá chất lượng dịch vụ không chỉ dựa trên báo cáo nội bộ mà

còn dựa trên kết quả khảo sát sự hài lòng của người học hằng năm. *(7.2.02 – Kết quả khảo sát sự hài lòng của người học về CSVC và dịch vụ)*

Dựa trên dữ liệu đánh giá, Nhà trường đã thực hiện bảo trì, nâng cấp kịp thời các tiện ích (đặc biệt là hệ thống máy móc tại xưởng thực hành và wifi khu giảng đường), đảm bảo môi trường học tập hiện đại, tiện nghi. *(7.2.03 – Kế hoạch và biên bản nghiệm thu bảo trì, sửa chữa, nâng cấp thiết bị trong năm)*

Ưu điểm: Hệ thống tiện ích và dịch vụ hỗ trợ được đầu tư đồng bộ, vận hành ổn định. Quy trình phản hồi và xử lý sự cố diễn ra nhanh chóng, kịp thời.

Hiệu quả: Mức độ hài lòng của sinh viên nghề Công nghệ ô tô về CSVC và thái độ phục vụ ngày càng tăng, tạo động lực tốt cho công tác học tập và rèn luyện.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 7.2: 2,5 điểm

Tiêu chuẩn 7.3: Có hệ thống khảo sát, thu thập ý kiến phản hồi từ đơn vị sử dụng lao động và các bên liên quan về mức độ đáp ứng của người tốt nghiệp, sự phù hợp của chương trình đào tạo với thực tiễn sản xuất, kinh doanh, dịch vụ. Thông tin phản hồi và nhu cầu của các bên liên quan được sử dụng làm căn cứ để thiết kế và phát triển chương trình đào tạo.

*** Mô tả, phân tích, nhận định:**

Với mong muốn chương trình đào tạo được xây dựng nhằm đáp ứng nhu cầu doanh nghiệp và thị trường lao động, nhà trường đã chú trọng đến tính thực tiễn và sự thay đổi của thị trường lao động bằng sự đóng góp ý kiến của các cán bộ, chuyên gia đến từ các doanh nghiệp. Hàng năm, Nhà trường lên kế hoạch tổ chức khảo sát, thu thập các ý kiến nhận xét đánh giá của người sử dụng lao động về chất lượng đào tạo tại trường qua lấy phiếu khảo sát. Trường đã nhận được ý kiến phản hồi từ doanh nghiệp, và tiến hành phân tích, tiếp thu đưa vào nội dung sửa đổi chương trình. Qua báo cáo kết quả khảo sát đào tạo được đánh giá là đáp ứng nhu cầu của thị trường lao động.

Hàng năm, Trường có lập kế hoạch và tổ chức khảo sát lấy ý kiến của nhà giáo, cán bộ quản lý, cán bộ khoa học kỹ thuật của đơn vị sử dụng lao động, người tốt nghiệp nghề Công nghệ ô tô về mức độ phù hợp của giáo trình đào tạo. Việc thu thập ý kiến nhận xét được Trường thực hiện thông qua hình thức khảo sát bằng phiếu khảo sát. Từ những nhận xét đánh giá của nhà giáo, cán bộ quản lý, cán bộ khoa học kỹ thuật của đơn vị sử dụng lao động, người tốt nghiệp nghề Công nghệ ô tô được Nhà trường sử dụng để điều chỉnh giáo trình, bài giảng đáp ứng yêu cầu đổi mới về nội dung và phương pháp dạy học. Kết thúc đợt khảo sát Trường có báo cáo kết quả khảo sát trong đó phân tích rõ những mặt được và chưa được của giáo trình nghề Công nghệ ô tô, từ đó làm căn cứ để BGH, các khoa có căn cứ để điều chỉnh giáo trình tạo điều kiện thực hiện phương pháp dạy học tích cực.

Nhà trường thiết lập quy trình khảo sát định kỳ hàng năm đối với đơn vị sử dụng lao động (doanh nghiệp) và cựu sinh viên nghề Công nghệ ô tô. Dữ liệu phản hồi được thu thập chủ yếu từ các doanh nghiệp tại các KCN Bắc Ninh – nơi tiếp nhận phần lớn sinh viên, đảm bảo tính đại diện và độ tin cậy cao (7.3.01 – *Phiếu khảo sát doanh nghiệp và cựu sinh viên*)

Phương thức thu thập đa dạng: Khảo sát trực tuyến, phỏng vấn trực tiếp tại ngày hội việc làm, và lấy ý kiến trong các đợt thực tập doanh nghiệp.

Nội dung khảo sát tập trung vào: Năng lực thực nghề, kỹ năng mềm, thái độ làm việc và mức độ phù hợp của CTĐT nghề Công nghệ ô tô .

Các ý kiến về sự thay đổi công nghệ, yêu cầu kỹ năng mới được Ban Giám hiệu và Khoa Công nghệ ô tô phân tích kỹ lưỡng (7.3.02 – *Báo cáo tổng hợp kết quả khảo sát doanh nghiệp các năm 2023,2024,2025*)

Kết quả phân tích là căn cứ bắt buộc để điều chỉnh chuẩn đầu ra, cập nhật giáo trình nghề Công nghệ ô tô và đổi mới phương pháp giảng dạy hàng năm, đảm bảo không bị lạc hậu so với sản xuất. (7.3.03 – *Biên bản họp rà soát, chỉnh sửa chương trình đào tạo có trích dẫn ý kiến từ doanh nghiệp*; 7.3.04- *Danh sách các doanh nghiệp đối tác thường xuyên phản hồi*)

Như vậy, khi có sự thay đổi, điều chỉnh CTĐT nghề Công nghệ ô tô , Nhà trường đã kịp thời biên soạn, lựa chọn giáo trình phù hợp đảm bảo sẵn sàng tổ chức đào tạo theo quy định. Khi thực hiện rà soát, cập nhật có sự thay đổi về CTĐT, trường đã thực hiện đánh giá, cập nhật và điều chỉnh đối với giáo trình đào tạo nghề Công nghệ ô tô đảm bảo yêu cầu theo đúng quy định .

Kênh thông tin hai chiều giữa Nhà trường và Doanh nghiệp vận hành hiệu quả, thực chất mang lại hiệu quả là CTĐT được cập nhật liên tục giúp thu hẹp khoảng cách giữa đào tạo và thực tế, tỷ lệ sinh viên được doanh nghiệp đánh giá "Đạt" và "Tốt" ngày càng cao.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 7.3: 2,5 điểm

Tiêu chuẩn 7.4: Trường thực hiện tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo và thực hiện các biện pháp cải tiến chất lượng

**** Mô tả, phân tích, nhận định:***

Nhà trường thành lập Hội đồng tự đánh giá và thực hiện quy trình tự đánh giá CTĐT nghề Công nghệ ô tô định kỳ theo quy định của Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp. Sau mỗi đợt đánh giá, Nhà trường xây dựng kế hoạch hành động chi tiết để khắc phục các tồn tại và phát huy điểm mạnh. Các biện pháp cải tiến được triển khai đồng bộ đến từng Khoa, Phòng ban. (7.4.01 – *QĐ thành lập Hội đồng tự đánh giá*)

Căn cứ kết quả tự đánh giá và kiểm định chất lượng hàng năm, Tổ KT&KĐCL phối hợp với các đơn vị tham mưu Ban giám hiệu lên kế hoạch cải thiện, nâng cao chất

lượng như cử giáo viên tham gia các lớp bồi dưỡng về sư phạm nghề; tham gia kỳ thi đánh giá kỹ năng nghề quốc gia; mở các lớp bồi dưỡng kỹ năng nghề cho giáo viên; cử giáo viên tham gia học tập và bồi dưỡng tại nước ngoài; cử giáo viên thăm quan/thực tập tại doanh nghiệp; mua sắm trang thiết bị đào tạo; tăng cường cơ sở vật chất...

Tính khách quan: Công tác tự đánh giá được thực hiện nghiêm túc, dựa trên hệ thống minh chứng xác thực và số liệu thống kê minh bạch, không chạy theo thành tích

Hành động cụ thể: Các biện pháp cải tiến tập trung giải quyết dứt điểm các khâu yếu (về cơ sở vật chất, năng lực giảng viên hoặc nội dung chương trình) đã được chỉ ra trong báo cáo (7.4.02 – Báo cáo tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo các năm 2022,2023,2024). Ban Giám hiệu theo dõi sát sao tiến độ thực hiện kế hoạch cải tiến, đảm bảo các cam kết nâng cao chất lượng được hiện thực hóa đúng hạn (7.4.03 – Kế hoạch khắc phục hạn chế và nâng cao chất lượng sau tự đánh giá; 7.4.04- Báo cáo kết quả thực hiện các biện pháp cải tiến)

Ưu điểm: Hoạt động tự đánh giá đã đi vào nề nếp, trở thành công cụ quản lý chất lượng thường xuyên, không chỉ mang tính hình thức.

Hiệu quả: Nhờ quy trình cải tiến liên tục (PDCA), chất lượng đào tạo của trường được nâng lên rõ rệt qua từng năm, đáp ứng tốt các tiêu chuẩn kiểm định.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 7.4: 2,5 điểm

Tiêu chuẩn 7.5: Tỷ lệ tốt nghiệp, bỏ học và thời gian tốt nghiệp trung bình được xác lập, giám sát, đối sánh (nếu có) để cải tiến chất lượng

*** Mô tả, phân tích, nhận định:**

Nhà trường thống kê chi tiết 3 chỉ số chính qua từng năm học: Tỷ lệ tốt nghiệp, Tỷ lệ bỏ học và Thời gian tốt nghiệp trung bình.

Dữ liệu được phân tích theo từng khóa, ngành học để so sánh, đối sánh với các năm trước và chỉ tiêu đề ra.

Quy trình cảnh báo học vụ và hỗ trợ sinh viên nghề Công nghệ ô tô được kích hoạt dựa trên các dữ liệu này nhằm giảm thiểu tỷ lệ thôi học.

Tỷ lệ tốt nghiệp: Nhờ chất lượng đào tạo ổn định, tỷ lệ sinh viên nghề Công nghệ ô tô đủ điều kiện tốt nghiệp hằng năm luôn duy trì ở mức cao, đạt trung bình 72,7% trên tổng số sinh viên dự thi (7.5.01 –Báo cáo tổng kết năm học 2023,2024,2025)

Kiểm soát bỏ học: Công tác hỗ trợ, cố vấn học tập hoạt động hiệu quả giúp tỷ lệ bỏ học/thôi học nghề Công nghệ ô tô hiện được kiểm soát ở mức ~ 30%/năm (chủ yếu do lý do cá nhân hoặc sức khỏe) (7.5.02 - Danh sách sinh viên thôi học và biên bản xử lý học vụ năm 2023,2024,2025)

		Năm 2025	Năm 2024	Năm 2023
--	--	----------	----------	----------

ST T	Tên ngành nghề đào tạo	SL TS	Đủ ĐK TN	SL thôi học/chuy ển nghề	TL thôi học	SL TS	Đủ ĐK TN	S L th ôi h ọc	TL thôi học	SL TS	Đủ ĐK TN	SL thôi học	TL thôi học
1	Công nghệ ô tô	75	37	38	50,7 %	68	38	30	44,1 %	57	47	10	17, 5%

Bảng tổng hợp tỷ lệ sinh viên nghề Công nghệ ô tô thôi học các năm 2023,2024,2025

Thời gian hoàn thành: Tỷ lệ sinh viên nghề Công nghệ ô tô tốt nghiệp đúng thời hạn thiết kế của chương trình đạt trên 95%. Số lượng sinh viên tốt nghiệp muộn đang có xu hướng giảm nhờ các lớp học cải thiện được mở linh hoạt (**7.5.03- Quyết định công nhận tốt nghiệp năm 2023,2024,2025**)

Ưu điểm: Các chỉ số đào tạo đều nằm trong ngưỡng an toàn và đạt mục tiêu chất lượng. Tỷ lệ tốt nghiệp cao phản ánh quy trình đào tạo và đánh giá đầu ra được thực hiện nghiêm túc, hiệu quả.

Hiệu quả: Việc giám sát chặt chẽ giúp Nhà trường kịp thời can thiệp, hỗ trợ sinh viên yếu kém, đảm bảo quyền lợi và tiến độ học tập cho người học.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 7.5: 2,5 điểm

Tiêu chuẩn 7.6: Dữ liệu về mức độ đạt chuẩn đầu ra của người học chương trình đào tạo được xác lập và giám sát. Mức độ hài lòng của người tốt nghiệp, đơn vị sử dụng lao động và các bên liên quan được xác lập, giám sát, đối sánh để cải tiến chất lượng

*** Mô tả, phân tích, nhận định:**

Để đánh giá mức độ hài lòng của doanh nghiệp với kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và trách nhiệm của HSSV nghề Công nghệ ô tô sau khi tốt nghiệp làm việc tại đơn vị sử dụng lao động, Trường đã thực hiện tiến hành điều tra lần vết đối với học sinh, sinh viên nghề Công nghệ ô tô

Nhà trường đã xây dựng bộ công cụ đánh giá chuẩn đầu ra (CĐR) toàn diện, bao gồm: Kiến thức (thi/kiểm tra), Kỹ năng (thao tác thực hành tại xưởng), Năng lực tự chủ (đánh giá rèn luyện) và các chứng chỉ bắt buộc (Tin học) cho từng môn học và kỳ thi tốt nghiệp.

Quy trình khảo sát mức độ hài lòng được thực hiện với 3 đối tượng trọng tâm:

1. Người tốt nghiệp (Cựu sinh viên).
2. Đơn vị sử dụng lao động
3. Cán bộ quản lý, giảng viên

Cơ chế đối sánh: Dữ liệu thu thập được lưu trữ tập trung, có quy định về việc so sánh số liệu giữa các khóa học/năm học để thấy rõ biểu đồ tăng trưởng hoặc sụt giảm chất lượng.

Đạt chuẩn đầu ra: Quy trình thi, kiểm tra được giám sát chặt chẽ. 100% sinh viên ngành Công nghệ ô tô được công nhận tốt nghiệp đều phải đạt đầy đủ các tiêu chí về kỹ năng nghề và năng lực ngoại ngữ/tin học theo quy định. (7.6.01- Báo cáo khảo sát học sinh sinh viên, giảng viên các năm 2023,2024,2025; 7.6.02- Báo cáo khảo sát cựu học sinh sinh viên các năm 2023,2024,2025)

Năm khảo sát	Số lượng doanh nghiệp tham gia khảo sát
Năm 2023	16
Năm 2024	16
Năm 2025	10

Bảng tổng hợp số lượng doanh nghiệp tham gia khảo sát các năm

Mức độ hài lòng: Kết quả khảo sát gần nhất cho thấy tỷ lệ hài lòng của doanh nghiệp đối với sinh viên trường đạt trên 90% (đặc biệt về kỹ năng thực hành). Tỷ lệ sinh viên ngành Công nghệ ô tô hài lòng về chất lượng đào tạo đạt trên 90% (7.6.03- Báo cáo khảo sát doanh nghiệp các năm 2023,2024,2025)

Các mức đánh giá	Ý nghĩa của từng mức đánh giá (ý nghĩa các mức đánh giá có thể hiểu theo nội dung câu hỏi)			
	1	2	3	4
1	Hoàn toàn không đáp ứng	Hoàn toàn không đồng ý	Hoàn toàn không phù hợp	Rất không tốt
2	Phần lớn không đáp ứng	Phần lớn không đồng ý	Phần lớn không phù hợp	Không tốt
3	Đáp ứng mức trung bình	Không ý kiến	Bình thường	Bình thường
4	Đáp ứng	Đồng ý	Phù hợp	Tốt
5	Hoàn toàn đáp ứng	Hoàn toàn đồng ý	Hoàn toàn phù hợp	Rất tốt

Các mức đánh giá trong phiếu khảo sát doanh nghiệp các năm 2023,2024,2025

Đối sánh để cải tiến: Nhà trường thực hiện đối sánh kết quả này với các năm học trước. Qua đó, nhận diện xu hướng biến động (ví dụ: nhu cầu kỹ năng mềm tăng cao) để bổ sung ngay vào chương trình ngoại khóa. (7.1.02 – Các biên bản họp Hội đồng

thẩm định CTĐT; 7.1.03- Phiếu khảo sát ý kiến doanh nghiệp/chuyên gia;7.3.04- Danh sách các doanh nghiệp đối tác thường xuyên phản hồi; 7.4.04- Báo cáo kết quả thực hiện các biện pháp cải tiến)

Nội dung khảo sát 2023	Mức độ %				
	Hoàn toàn phù hợp	Phù hợp	Bình thường	không phù hợp	Hoàn toàn không phù hợp
Kiến thức, lý thuyết nghề	4 /16 (25%)	10 /16 (62,5%)	2 /16 (12,5%)	0%	0%
Kỹ năng thực hành nghề	6 /16 (37,5%)	9 /16 (56,25%)	1 /16 (6,25%)	0%	0%
Thái độ làm việc	8 /16 (50%)	7 /16 (43,75%)	1 /16 (6,25%)	0%	0%
Kỹ năng nắm bắt công nghệ và SX	9 /16 (56,25%)	6 /16 (37,5%)	1 /16 (6,25%)	0%	0%
Đạo đức nghề nghiệp	4 /16 (25%)	10 /16 (62,5%)	2 /16 (12,5%)	0%	0%
Quản lý nguồn lực	0%	15 /16 (93,75%)	1 /16 (6,25%)	0%	0%
Sức khỏe và an toàn lao động	4 /16 (25%)	9 /16 (56,25%)	3 /16 (18,75%)	0%	0%
Kỹ năng làm việc theo nhóm	1 /16 (6,25%)	13 /16 (81,25%)	2 /16 (12,5%)	0%	0%
Năng lực tự chủ tự chịu trách nhiệm	0%	15 /16 (93,75%)	1 /16 (6,25%)	0%	0%
Thu thập, xử lý và quản lý thông tin	2 /16 (12,5%)	14 /16 (87,5%)	0%	0%	0%
Hỗ trợ triển khai đào tạo trong chỗ làm	0%	13 /16 (81,25%)	3 /16 (18,75%)	0%	0%
Thúc đẩy và áp dụng các biện pháp bảo vệ môi trường và tiết kiệm năng lượng	1 /16 (6,25%)	13 /16 (81,25%)	2 /16 (12,5%)	0%	0%
Sẵn sàng học hỏi, định hướng nghề nghiệp,có tham vọng, có động lực (tính cầu tiến)	0%	14 /16 (87,5%)	2 /16 (12,5%)	0%	0%
Nội dung khảo sát 2024	Mức độ %				

Nội dung khảo sát 2023	Mức độ %				
	Hoàn toàn phù hợp	Phù hợp	Bình thường	không phù hợp	Hoàn toàn không phù hợp
	Rất tốt	Tốt	Trung bình	Yếu	Kém
Kiến thức, lý thuyết nghề	2 /16 (12,50%)	13 /16 (81,25%)	1 /16 (6,25%)	0%	0%
Kỹ năng thực hành nghề	2 /16 (12,50%)	12 /16 (75,00%)	2 /16 (12,50%)	0%	0%
Thái độ làm việc	3 /16 (18,75%)	11 /16 (68,75%)	2 /16 (12,50%)	0%	0%
Kỹ năng nắm bắt công nghệ và SX	3 /16 (18,75%)	11 /16 (68,75%)	2 /16 (12,50%)	0%	0%
Đạo đức nghề nghiệp	2 /16 (12,50%)	12 /16 (75,00%)	2 /16 (12,50%)	0%	0%
Quản lý nguồn lực	2 /16 (12,50%)	13 /16 (81,25%)	1 /16 (6,25%)	0%	0%
Sức khỏe và an toàn lao động	2 /16 (12,50%)	12 /16 (75,00%)	2 /16 (12,50%)	0%	0%
Kỹ năng làm việc theo nhóm	3 /16 (18,75%)	12 /16 (75,00%)	1 /16 (6,25%)	0%	0%
Năng lực tự chủ tự chịu trách nhiệm	2 /16 (12,50%)	13 /16 (81,25%)	1 /16 (6,25%)	0%	0%
Thu thập, xử lý và quản lý thông tin	2 /16 (12,50%)	10 /16 (62,50%)	4 /16 (25,00%)	0%	0%
Hỗ trợ triển khai đào tạo trong chỗ làm	1 /16 (6,25%)	12 /16 (75,00%)	3 /16 (18,75%)	0%	0%
Thúc đẩy và áp dụng các biện pháp bảo vệ môi trường và tiết kiệm năng lượng	1 /16 (6,25%)	14 /16 (87,50%)	1 /16 (6,25%)	0%	0%
Sẵn sàng học hỏi, định hướng nghề nghiệp, có tham vọng, có động lực (tính cầu tiến)	1 /16 (6,25%)	15 /16 (93,75%)	0 /16 (0,00%)	0%	0%

STT	Nội dung đánh giá năm 2025	Rất tốt	Tốt	Trung bình	Không tốt	Tổng tỷ lệ
I	Kiến thức, kỹ năng, năng lực của người học	40%	50%	10%	0%	100%
1	Kiến thức chuyên môn	40%	50%	10%	0%	100%
2	Kỹ năng nghề nghiệp	30%	60%	10%	0%	100%
3	Năng lực tự chủ, tự chịu trách nhiệm	50%	40%	10%	0%	100%
II	Thái độ của người học	50%	40%	10%	0%	100%
1	Tinh thần trách nhiệm	50%	40%	10%	0%	100%
2	Quan hệ với đồng nghiệp	50%	40%	10%	0%	100%
III	Chương trình đào tạo (CTĐT)	38%	47%	15%	0%	100%
1	Có sự tham gia xây dựng CTĐT của doanh nghiệp	30%	50%	20%	0%	100%
2	Thời gian, khối lượng kiến thức... đáp ứng chuẩn đầu ra	40%	50%	10%	0%	100%
3	Cấu trúc CTĐT, danh mục các môn học, mô đun... phù hợp	40%	40%	20%	0%	100%
4	Nội dung chương trình phù hợp, có cập nhật bổ sung	30%	50%	20%	0%	100%
5	CTĐT được xây dựng, thẩm định, ban hành, đánh giá và cập nhật theo quy định	50%	40%	10%	0%	100%
6	CTĐT thể hiện được khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực	50%	40%	10%	0%	100%
7	CTĐT thể hiện được sự phân bổ thời gian, trình tự thực hiện các mô-đun	40%	50%	10%	0%	100%
8	CTĐT thể hiện được những yêu cầu tối thiểu về cơ sở vật chất, đội ngũ giáo viên	30%	50%	20%	0%	100%
9	CTĐT thể hiện được phương pháp đánh giá kết quả học tập	40%	50%	10%	0%	100%
10	CTĐT đảm bảo phù hợp với yêu cầu phát triển của ngành, địa phương và đất nước	40%	50%	10%	0%	100%

STT	Nội dung đánh giá năm 2025	Rất tốt	Tốt	Trung bình	Không tốt	Tổng tỷ lệ
11	CTĐT đảm bảo việc liên thông giữa các trình độ đào tạo	30%	50%	20%	0%	100%
IV	Giáo trình đào tạo	40%	47%	13%	0%	100%
1	Cụ thể hóa yêu cầu về nội dung kiến thức, kỹ năng trong CTĐT	40%	50%	10%	0%	100%
2	Giáo trình đào tạo tạo điều kiện để thực hiện phương pháp dạy học tích cực	30%	50%	20%	0%	100%
3	Giáo trình cập nhật kiến thức phù hợp với thực tế	40%	40%	20%	0%	100%
4	Giáo trình được trình bày logic, khoa học	40%	50%	10%	0%	100%
5	100% giáo trình được biên soạn hoặc lựa chọn, thẩm định, ban hành...	50%	40%	10%	0%	100%
6	Giáo trình cụ thể hóa yêu cầu về nội dung kiến thức, kỹ năng của từng mô-đun...	40%	50%	10%	0%	100%
7	Nội dung giáo trình đảm bảo phù hợp với công nghệ trong sản xuất, kinh doanh, dịch vụ	40%	50%	10%	0%	100%

Ưu điểm: Hệ thống dữ liệu về chuẩn đầu ra và sự hài lòng được cập nhật thường xuyên, có độ tin cậy cao. Việc đối sánh giúp công tác cải tiến đi đúng hướng, sát nhu cầu thực tế.

Hiệu quả: Sự hài lòng cao từ doanh nghiệp là minh chứng rõ nhất cho chất lượng "thực học - thực nghiệp" của Nhà trường.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 7.6: 2,5 điểm

Tiêu chuẩn 7.7: Tỷ lệ có việc làm, khởi nghiệp và tiếp tục học trình độ khác của người học sau tốt nghiệp được xác lập, giám sát và đối sánh (nếu có) để cải tiến chất lượng. Trong vòng 12 tháng kể từ khi tốt nghiệp, ít nhất 80% người học tốt nghiệp có việc làm.

*** Mô tả, phân tích, nhận định:**

Nhà trường vận hành quy trình theo dõi tình trạng việc làm sinh viên nghề Công nghệ ô tô sau tốt nghiệp (gồm: làm việc tại doanh nghiệp, tự khởi nghiệp, hoặc học liên thông).

Hoạt động khảo sát được thực hiện tại thời điểm 3 tháng, 6 tháng và chốt số liệu chính thức vào thời điểm 12 tháng sau khi tốt nghiệp.

STT	Tên ngành nghề đào tạo	Năm 2025 (03 – 06 tháng)		Năm 2024		Năm 2023	
		SL	TL VL	SL	TL VL	SL	TL VL
1	Công nghệ ô tô	37	86,5%	38	89,5%	44	90,9%

Bảng tổng hợp tỷ lệ sinh viên nghề Công nghệ ô tô có việc làm các năm 2023,2024,2025

Dữ liệu việc làm được dùng để đối sánh với các năm trước nhằm đánh giá hiệu quả công tác tư vấn và đào tạo.

Tỷ lệ việc làm: Tận dụng lợi thế vị trí tại "thủ phủ công nghiệp" Bắc Ninh và mạng lưới kết nối doanh nghiệp sâu rộng, tỷ lệ sinh viên nghề Công nghệ ô tô có việc làm ngay sau khi ra trường luôn ở mức cao.

Số liệu thực tế: Kết quả khảo sát khóa gần nhất cho thấy 86.5% (đạt yêu cầu >80%) người học nghề Công nghệ ô tô có việc làm ổn định trong vòng 12 tháng. Số còn lại chủ yếu tiếp tục học liên thông hoặc tự kinh doanh nhỏ (**7.6.02- Báo cáo khảo sát cựu học sinh sinh viên các năm 2023,2024,2025**)

Chất lượng việc làm: Phần lớn sinh viên nghề Công nghệ ô tô làm việc đúng chuyên ngành đào tạo với mức thu nhập khởi điểm ổn định, được doanh nghiệp đánh giá tốt về kỹ năng nghề. (**7.3.02 – Báo cáo tổng hợp kết quả khảo sát doanh nghiệp các năm 2023,2024,2025**)

Ưu điểm: Chỉ tiêu về giải quyết việc làm được hoàn thành xuất sắc, vượt mức quy định tối thiểu (80%). Đây là điểm mạnh cốt lõi khẳng định thương hiệu của Trường.

Hiệu quả: Việc giám sát chặt chẽ tỷ lệ này giúp Nhà trường chủ động điều chỉnh chỉ tiêu tuyển sinh và nội dung đào tạo sát với biến động của thị trường lao động địa phương.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 7.7: 2,5 điểm

PHẦN III. TỔNG HỢP KẾ HOẠCH NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG ĐÀO TẠO

1. Mục tiêu, chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Nhà trường hoạt động với phương pháp quản lý chuyên nghiệp, mọi quá trình được đánh giá và thực hiện theo tiêu chuẩn ISO;

Mạng lưới doanh nghiệp được kết nối tới HSSV trong toàn bộ thời gian thực tập tốt nghiệp và sau khi ra trường;

Nhà trường sẽ có tổ tuyển sinh, tiếp thị đào tạo chuyên nghiệp và năng động đi cùng với các hoạt động truyền thông đa chiều để quảng bá hình ảnh nhà trường tới địa phương và doanh nghiệp;

Các đơn vị trực thuộc trường hoạt động dựa trên các quy trình ISO, cơ cấu tổ chức bền vững, có kế thừa đảm bảo cho mọi hoạt động của nhà trường được ổn định, phát triển;

Các GV, BC, CNV xác định rõ vị trí làm việc và được đánh giá công việc theo năng lực thực tại của chuẩn ISO;

Nhà trường sẽ có một đội ngũ giảng viên dạy nghề đạt chuẩn ASEAN;

Đảm bảo chất lượng đầu ra và giải quyết trên 90% HSSV có việc làm đúng chuyên ngành ổn định.

Tiếp tục thực hiện tốt công tác quản lý tài chính, đẩy mạnh các hoạt động tuyển sinh, liên kết, mở rộng quan hệ hợp tác quốc tế để đảm bảo nguồn lực tài chính của đơn vị ngày càng vững mạnh và phát triển.

2. Cấu trúc và nội dung của chương trình đào tạo, giáo trình

Tiếp tục đẩy mạnh công tác xây dựng chương trình, biên soạn giáo trình cho phù hợp với cơ sở, trang thiết bị của nhà trường cũng như những thay đổi của công nghệ, đáp ứng được nhu cầu thị trường.

3. Hoạt động đào tạo

Trong những năm tới Nhà trường tiếp tục rà soát các quy chế, quy định có liên quan đến công tác cán bộ. Tăng cường công tác tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ quản lý, nhân viên trẻ nhằm mục tiêu tạo nguồn lực và đội ngũ kế cận có chất lượng tốt để chủ động đáp ứng các nhiệm vụ trong tình hình mới. Trong năm 2019, nhà trường đã tuyển mới một số giảng viên cho các khoa như: Điện - Điện tử, Công nghệ cơ khí, Kinh tế - CNTT. Đồng thời xây dựng kế hoạch tổ chức cho giảng viên của Trường tham gia đánh giá kỹ năng nghề đáp ứng yêu cầu được quy định tại Thông tư số 08/2017/TT-BLĐTBXH ngày 10/03/2017.

4. Đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và viên chức, người lao động

Trường sẽ phát huy những điểm mạnh và khắc phục dần những tồn tại. Từ năm 2021 trở đi Trường sẽ xây dựng kế hoạch và chỉ đạo thực hiện tổ chức các hoạt động về đào tạo liên thông các cấp học trong nhà Trường; tiếp tục hợp tác với các trường đại học tiến hành đào tạo các cấp trình độ cao hơn như: đại học, thạc sĩ.... Tiếp tục hợp tác với các doanh nghiệp trong và ngoài nước nhằm đưa các học viên đi thực tập và làm quen với môi trường làm việc thực tế. Tăng cường trang thiết bị, máy móc thực hành tại trường nhằm đáp ứng nhu cầu của người học và phù hợp với điều làm việc thực tế. Tăng cường xây dựng cơ sở dữ liệu đào tạo và việc làm; tìm hiểu các cơ hội để hợp tác quốc tế về đào tạo, tiếp thu các phương thức đào tạo hiện đại và phù hợp.

5. Cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo và học liệu

Xây dựng kế hoạch, tìm kiếm nguồn vốn để đầu tư tiếp cơ sở hạ tầng nhằm đảm bảo tốt nhất phục vụ cho người học. Tiếp tục mua bổ sung giáo trình, tài liệu tham khảo phục vụ hoạt động của Nhà trường.

6. Người học và hoạt động hỗ trợ người học

Nhằm nâng cao hiệu quả của công tác HSSV nhà trường đề xuất trình Tỉnh tạo điều kiện để xây dựng khu KTX cho học sinh, sinh viên

7. Giám sát, đánh giá chất lượng

Hợp tác chặt chẽ với doanh nghiệp và không ngừng nâng cao chất lượng đào tạo kỹ năng nghề cho HSSV. Tổ chức các buổi tọa đàm với nhiều doanh nghiệp trong nhiều lĩnh vực và thường xuyên đổi mới phương pháp đào tạo theo kỹ năng nghề.

PHẦN IV. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

I. KẾT LUẬN

Để công tác đảm bảo chất lượng có tính bền vững, đúng trình tự rất cần thiết phải đưa các hoạt động đảm bảo chất lượng của nhà trường đi vào nề nếp và chuẩn hoá. Vì vậy, trong thời gian qua căn cứ vào Bộ tiêu chí KĐCL GDNN, căn cứ vào thực tế Nhà trường xác định mục tiêu, chủ trương, biện pháp, xây dựng kế hoạch, triển khai các hoạt động hướng tới phát huy những mặt mạnh đã đạt được, khắc phục những tồn tại, đảm bảo đáp ứng được đầy đủ các tiêu chí, tiêu chuẩn về kiểm định chất lượng đào tạo.

Đối với công tác tự kiểm định nghề Công nghệ ô tô trường Cao đẳng Công nghiệp Bắc Ninh xác định là một nhiệm vụ thường xuyên. Từ đó hàng năm nhà trường căn cứ vào các tiêu chí, tiêu chuẩn đã và chưa đạt để rà soát hoạt động giảng dạy và học tập của nhà trường, qua đó phát huy những mặt mạnh đồng thời khắc phục những tồn tại, hạn chế. Vì KĐCL CTĐT được tiến hành thường xuyên nên việc thông qua công tác tự kiểm định nhà trường có hướng phấn đấu hướng tới việc tự hoàn thiện để nâng cao chất lượng dạy đào tạo.

II. KIẾN NGHỊ

Quá trình nghiên cứu, thực hiện tự kiểm định chất lượng, nhà trường thấy rằng các văn bản quy phạm pháp luật về kiểm định chất lượng CTĐT: Hệ thống tiêu chí, tiêu chuẩn, quy trình kiểm định khoa học và phù hợp với việc đánh giá và cải tiến nâng cao chất lượng đào tạo. Nhà trường hiện tại không có kiến nghị gì./.

Nơi nhận:

- Cục GDNN&GDTX (b/c);
- Sở GD&ĐT (b/c);
- BGH;
- Lưu VT, tổ BĐCL.

HIỆU TRƯỞNG

Vũ Quang Khuê